

Số 173

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO



*Sương khói
sông Hương*

Tr. 25

**Giáo dục
thực hành**

Tr. 30

Học chơn lý

Tr. 8



HỘI NGHỊ KHU VỰC THƯỜNG NIÊN ẤN ĐỘ NĂM 2013 (Ngày 22-27/3/2013)

Nhằm mục đích thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác thương mại đầu tư giữa Việt Nam và Ấn Độ, trong khuôn khổ hoạt động của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Ấn Độ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sẽ tổ chức đoàn doanh nghiệp đi khảo sát thị trường Ấn Độ từ ngày 22-27/3/2013 do Ông Lê Phước Vũ - Chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Ấn Độ làm trưởng đoàn.



Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Ấn Độ

Hội nghị khu vực thường niên Ấn Độ năm nay với chủ đề **“Chất xúc tác cho sự tăng trưởng của Doanh nghiệp, cơ hội và thách thức của các Doanh nghiệp trong nền kinh tế biến động”** là một sự kiện lớn tập trung gần 400 doanh nghiệp lớn của Ấn Độ trong các lĩnh vực IT, dược phẩm, sắt thép, dệt, bông... và các ngành công nghiệp mạnh tập trung tại phía Nam Ấn Độ. Nhân chuyến đi này, Ban Tổ chức cũng dự kiến thu xếp cho đoàn đi thăm và tìm hiểu về văn hóa và Phật giáo trên đất Phật Bodhgaya và Thánh địa Varanasi.

Lịch trình:	* 22/3/2013	Khởi hành đi Hyderabad (Ấn Độ). Quá cảnh tại Kuala Lumpur.
	* 23/3/2013	Tham dự Hội nghị khu vực Thường niên Ấn Độ CII SR.
	* 24/3/2013	Đến Varanasi viếng thăm vườn Lộc Uyển và du ngoạn sông Hằng.
	* 25/3/2013	Đến Bodhgaya chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng và Viếng bái tháp Đại Giác.
	* 26/3/2013	Di chuyển đến Delhi làm thủ tục đón chuyến bay về Việt Nam.
	* 27/3/2013	Về tới Hà Nội & TP. HCM.

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐOÀN DOANH NGHIỆP KHẢO SÁT THỊ TRƯỜNG VÀ THAM DỰ HỘI THẢO TẠI ẤN ĐỘ

Xin vui lòng gửi đăng ký trước ngày: 15/3/2013

Đề nhận bản softcopy mẫu đơn đăng ký tham gia đoàn, xin vui lòng liên hệ Ban thư ký Diễn đàn DN Việt Nam - Ấn Độ

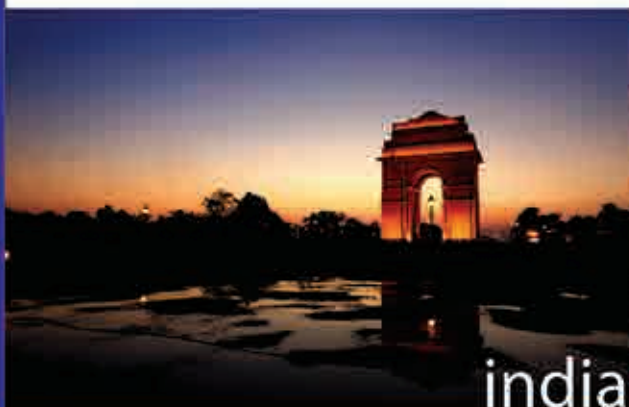
Ban Quan hệ quốc tế: Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội * Tel: 04.35742022 - Fax: 04. 35742020/ 35742030

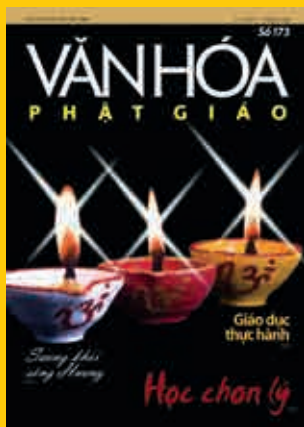
1. Bà Trương Bích Ngọc (Ext: 305 - DD: 0936.953.559 - Email: ngoctb@vcci.com.vn)

2. Bà Đặng Thị Liên (Ext: 352 - DD: 0912.442.662 - Email: liendt@vcci.com.vn)

3. Ông Đồng Quang Huy (DD: 0903.571.396 - Email: dong.huy@hoasengroup.vn)

Website: www.vinaindiabiz.com; www.cii.in ; www.vcci.com.vn





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Phẩm cách nào cho lãnh đạo trong khủng hoảng? (<i>Nguyễn Cần</i>)	3
Sương mai	7
Học chơn lý (<i>Minh Đăng Quang</i>)	8
Giỏi tiếng Việt để yêu nước Việt hơn (<i>Nguyễn Phúc Vinh Ba</i>)	12
Phật giáo và kiến trúc (<i>Tinh Vân, Nguyễn Phước Tâm dịch</i>)	14
Biểu diễn âm nhạc tuần hành trên đường phố (<i>Lê Hải Đăng</i>)	16
Hãy tự mình nương tựa chính mình (<i>Thanh Nhu</i>)	19
Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh (<i>Nguyễn Thế Đăng</i>)	22
Sương khói sông Hương (<i>Thị Giới</i>)	25
Ông lão trì kinh Dược Sư (<i>Lê Đàn</i>)	28
Giáo dục Phật giáo: Giáo dục thực hành (<i>Thích Giác Toàn</i>)	30
Môi trường sống và sức khỏe từ nguyên thủy đến đương đại (<i>Lanie Johnson, Nguyễn Đình Chung dịch</i>)	34
Chùa lạ giữa quần đảo Hải Tặc (<i>Nguyễn Phước Thị Liên</i>)	38
Trái chanh và ly nước chanh (<i>Võ Văn Lâm</i>)	40
Bên bờ sanh tử (<i>Hương Đức</i>)	43
Trông người mà ngẫm đến ta (<i>Hoàng Tá Thích</i>)	46
Má ơi! Con... (<i>Ngũ Nghinh</i>)	48
Sự cô đơn (<i>Sarah Shifferd, Trần Khiết Bách dịch</i>)	50
Thơ	52
Nỗi đau (<i>truyện ngắn của Nguyễn Hữu Đức</i>)	54
Thăm người thầy thuốc 103 tuổi "Chúng ta có thể sống thong thả..." (<i>Đỗ Hồng Ngọc</i>)	56
Những người sung sướng (<i>Cao Huy Hóa</i>)	58
Mảnh trăng làng Nguyệt (<i>Từ Sâm</i>)	60
Lời cảm ơn cuộc sống	61

Bìa 1: Vào định. Nguồn: breathelogsato.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Bước vào tháng hoạt động đầu tiên của năm thứ chín, Văn Hóa Phật Giáo đã có được một niềm vui nho nhỏ nhưng mang ý nghĩa khích lệ lớn. Thật vậy, trong lúc báo đang còn khó khăn về tài chánh và trong hoàn cảnh khó khăn kinh tế trên cả nước, thế mà khi thực hiện số báo Xuân Quý Tỵ 2013, tòa soạn vẫn quyết định in nhiều hơn lượng phát hành thường kỳ 1.000 bản. Và dù là số báo ghép, giá cao gấp đôi, VHPG vẫn phát hành hết số lượng đã in.

Một sự kiện khác mang một niềm vui khác của tòa soạn, đó là sự thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân: các thành viên trong tòa soạn và một vài người thân cùng đóng góp thực hiện chuyến hành hương tham quan Huế-Đà Nẵng trong năm ngày.

Khi số báo này đến tay quý độc giả thì đoàn chúng tôi đang có mặt tại Huế.

Nhân đây chúng tôi cũng xin thông báo, ngoài địa chỉ cũ vanhoaphatgiao@vnn.vn, tòa soạn vừa mở thêm một hộp thư tại địa chỉ toasoanvph@gmail.com để tiện tiếp nhận thư từ và bài vở của quý độc giả, quý vị cộng tác viên, ân nhân và thân hữu gửi về khi cần.

Những ngày tháng ấm áp của mùa xuân đã về. Trong sự phấn khởi của việc khởi đầu một năm làm việc mới, chúng tôi chân thành kính chúc quý độc giả, quý vị cộng tác viên, ân nhân và thân hữu đạt được niềm vui, sự hăng hái và niềm hy vọng một năm Quý Tỵ an khang và thịnh vượng.

Văn Hóa Phật Giáo



Phẩm cách nào cho lãnh đạo trong khủng hoảng?

NGUYỄN CÂN

Đất nước Việt Nam đang ở trong một thời kỳ khó khăn khi nền kinh tế phải đối diện tình trạng suy thoái mà có lúc người ta nghĩ tình trạng ấy sẽ có thể được vượt qua, nhưng thực tế đã không xuất hiện những biểu đồ tăng trưởng hình chữ V hay chữ U theo như dự báo mà có vẻ hoạt động kinh tế vẫn tiếp tục trôi sụt theo biểu đồ W – nghĩa là phát triển chưa thực sự bền vững.

Khó khăn khách quan đã được nhận diện nhưng trở ngại chủ quan thì vẫn còn nguyên những thách thức. Tệ hơn, có những trở lực rất lớn nhưng vì “tế nhị” hay “nhạy cảm” khiến ai cũng ngại nói ra. Thủ điểm lại đây là những “vật cản” khiến đất nước trầy trật phát triển để giúp hình dung phẩm cách cần thiết của người lãnh đạo trong lúc khủng hoảng này, từ kinh tế, xã hội đến cả niềm tin.

Voi trong phòng khách

“The elephant in the room” là đặc ngữ của người Mỹ để chỉ một điều rõ ràng, ai cũng thấy cũng biết nhưng lại ngại ngùng hay cảm thấy tế nhị để nói ra. Người ta thường đề cao phẩm tính trung thực trong gia đình hay trường học nhưng trong cuộc sống nhiều khi người ta lại ngoảnh mặt làm ngơ trước sự thật hay giả vờ như không biết. Ví dụ như chuyện những nhiễu, đòi hỏi của các nhân viên công quyền các cấp trong những thủ tục hành chính, thuế vụ, hải quan, cấp giấy phép các loại ... Ví dụ như chuyện bòn rút vật tư công trình, hay đấu thầu chỉ định để mở lối cho “sân sau”, cho “nhóm lợi ích” trúng các dự án lớn... Những con voi ấy vẫn nghênh ngang trước mặt chúng ta, trong công sở, nhà thương, sân ga bến cảng, trong những lúc chúng ta cần sự phục vụ của họ. Trong các tổ chức, *Voi phòng khách* có khi là người chủ trì cuộc họp, là người trong ban chống tham nhũng (!). Riết rồi tình trạng nể nang, e dè nhau khiến những cuộc họp phê bình trở nên hình thức, xuê xoa, vô hình trung dung túng cho tệ nạn tham nhũng có đất phát triển và khó diệt trừ tận gốc.

Sâu trong nổi canh

Người đứng đầu Nhà nước Việt Nam cũng đã từng bức xúc khi trả lời trước cử tri rằng chúng ta đang có một bầu sâu trong nổi canh, làm phiền lòng nhân dân và gây cản trở quá trình phát triển đất nước.

Trước đó cũng đã có một vài vị lãnh đạo kêu gọi chấn chỉnh tư cách của các quan chức và cần phải hành động ngay để chấm dứt quốc nạn “tham nhũng, tiêu cực” cũng như “chạy chức, chạy quyền, chạy tội”.

Về vấn đề xây dựng con người, để có những công bộc thực sự trong sạch và có năng lực là chuyện quan trọng. Nhưng quan trọng hơn là tạo ra một nhà nước pháp quyền mà trong đó cả chính quyền và người dân đều tôn trọng pháp luật và cũng tạo ra một xã hội dân sự để người dân có dịp bày tỏ phản biện một cách có tổ chức và hệ thống. Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Vũ Trọng Kim có lần nhấn mạnh: “Nhân dân mong muốn Trung ương và các cấp ủy có giải pháp đồng bộ, chấn chỉnh tới nơi tới chốn *một bộ phận không nhỏ* cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, xử lý nghiêm những cán bộ thoái hóa, biến chất, tham nhũng chạy chức chạy quyền, thiếu trách nhiệm gây thất thoát, thiệt hại cho đất nước và nhân dân”. Cũng theo các báo cáo gần đây, nhân dân còn nhiều nghi ngại trước những vướng mắc và tiêu cực trong quản lý đất đai, tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn đẩy lùi. Vấn đề lợi ích nhóm và phân hóa giàu nghèo có xu hướng ngày càng rõ. Có người nói: “*Tham nhũng làm ô danh môi trường đầu tư Việt Nam*” nhưng cũng có người cho rằng tệ nạn tham nhũng ở đâu cũng có, làm tiêu hao những món tiền khổng lồ của nhiều quốc gia đang cần. Một tổ chức theo dõi tham nhũng toàn cầu mới đây đã công bố danh sách các nước có nạn tham nhũng dưới nhiều dạng, cướp đi những món tiền lớn của nền kinh tế, mà trong thực tế, là tiền của nhân dân. Số tiền mất mát do tham nhũng thật đáng kinh ngạc. Theo Tổ chức Liêm chính Tài chính Toàn cầu (GFI) trong thập niên từ 2001 đến 2010, 150 quốc gia đang phát triển đã bị bòn rút bất hợp pháp khoảng 5.860 tỉ đô la. Trung Quốc đứng đầu danh sách của GFI với 2.750 tỉ đô la những khoản tiền bất minh thất thoát trong khoảng thời gian đó. Tiếp sau là Mexico 476 tỉ, Nga 152 tỉ... Ở Việt Nam tuy chưa có con số cụ thể nhưng theo TS. PGS Trần Đình Thiên, Viện phó Viện Kinh tế thì “... *tổng đầu tư xã hội ở nước ta khoảng 35% GDP (17-18 tỉ USD). Trong đó, chi tiêu nhà nước chiếm hơn 50% (khoảng 10 tỉ USD). Chi của nhà nước có nhiều khoản, tất nhiên chi*

phí văn phòng, mua xe cũng thất thoát nhưng thất thoát trong nguồn vốn đầu tư phát triển (khoảng 30% tổng đầu tư xã hội) được biết đến nhiều nhất. Mà nếu để thất thoát khoảng 25% lượng vốn này thì nó tương đương 4-5% GDP, cũng có thể hiểu thất thoát ấy sẽ kéo tụt tốc độ tăng GDP xuống từ 4-5%!”

Còn theo Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Transparency International (TI), Việt Nam đứng ở thứ bậc 123 trên 176 quốc gia được xếp hạng (thứ bậc này trước đây là 116), nghĩa là chúng ta đang... tụt hạng(!). TI cũng yêu cầu các quốc gia cần công khai hóa các hoạt động và giúp dân chúng nắm bắt tình hình mới, giúp cho công dân thêm phương tiện tốt hơn để chống tham nhũng. Ngay trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương IV về xây dựng Đảng nêu rõ rằng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém, khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Thứ trưởng Nguyễn Thanh Sơn, trong lần nói chuyện trên truyền hình cuối năm, cũng thẳng thắn nhận định: *“Văn hóa phong bì bắt đầu ngấm dần từ trên xuống dưới, vào các tầng lớp của xã hội, len lỏi trong các thôn bản làng xã. Bây giờ đi đâu cũng phải có phong bì, nếu không thì rất khó. Tùy tính chất công việc mà phong bì nặng hay nhẹ, người ta còn có khái niệm “phong bì” ngoại tệ hay nội tệ. Đây là những cái mà Việt kiều ở nước ngoài, công tác, làm việc sinh sống ở các quốc gia phát triển coi là “một cái gì đó như là hành hạ và sỉ nhục đối với người ta”.*

Thứ trưởng Sơn chia sẻ thêm: *“Nhiều nơi không hiểu, nhiều nơi cố tình không hiểu, cái khó của chúng ta là về mặt cơ chế. Chính vì thế, chúng ta đang cố gắng làm sao điều trị một bộ phận không nhỏ thoái hóa về tư tưởng đạo đức và tìm mãi không ra cái bộ phận nhỏ nằm ở chỗ nào? Nó không nhỏ nghĩa là nó lớn, nó lớn mà tìm mãi không ra, số này nó cực kì ghê gớm, có thuật tàng hình, nên tìm mãi không ra”.*

Hãy cho thôi việc những “thợ dệt”

Người ta liên tưởng đến chuyện Chiếc áo hoàng đế mà Andersen đã viết. Trong câu chuyện ấy, văn hào Đan Mạch mô tả những gã “thợ dệt” – những kẻ lừa gạt – đã tuyên bố sẽ may cho một vị hoàng đế một chiếc áo mà những kẻ ngu độn và kém cỏi sẽ không nhìn thấy gì. Nên có lúc “Hoàng đế nghĩ: ‘Ta rất muốn biết chúng dệt được bao nhiêu vải rồi’. Nhưng nghĩ đến lời chúng tâu là những kẻ ngu độn và những người không làm tròn phận sự chẳng thể nhìn thấy gì thì hoàng đế lại ngần ngại”. Khắp kinh thành ai cũng nghe danh thứ vải thần kỳ ấy và ai cũng nóng lòng muốn biết người bên cạnh có bắt tài hoặc ngu độn

không. Nhưng lần lượt từ ngài thừa tướng trở xuống không ai dám thú nhận là mình không thấy vì có gì đâu mà... thấy (!). Rồi cứ thế, các quan khác cũng phải khen vì không muốn bị đánh giá là “không được việc” và “kém thông minh”. Chẳng ai dám thú nhận rằng mình không trông thấy gì cả. Chưa có một bộ quần áo nào của hoàng đế lại được người ta ngắm nghía, ca tụng đến như thế bao giờ. Cho đến khi một đứa bé, vì ngây thơ, trong sáng la lên và toàn thể nhân dân đều kêu lên: *“Hoàng đế không mặc gì!”*. Trong tiếng Anh, động từ “weave” nghĩa là dệt nhưng cũng mang nghĩa bóng là “thêu dệt”, “sáng tác” hay “dựng lên” một câu chuyện mang tính chất hư cấu. Câu chuyện ấy nhấn mạnh việc che giấu “cái không biết” của mình đôi khi tệ hại hơn việc phải đối đầu sự thật.

Chúng ta có thể đơn cử một số vụ việc ai cũng thấy nhưng không dám mạnh dạn đưa ra những quyết sách dứt khoát. Về các quyết định sai trái hoặc sự thiếu vắng các quyết định, thì chính sách lấy tăng trưởng làm tiền đề khi kinh tế phát triển quá nóng (tăng trưởng tín dụng của Việt Nam ở mức đột ngột và cao nhất châu Á trong thập niên qua), đã dẫn tới việc mất cân bằng, làm suy giảm niềm tin của giới đầu tư vào thị trường Việt Nam và tiền đồng, đồng thời làm yếu hệ thống ngân hàng (vì tích lũy thêm nhiều nợ xấu). Hay như việc lập ra các tập đoàn nhà nước để tạo “quả đấm thép” nhưng quản lý yếu kém, dồn nguồn lực tài chính nhưng thiếu giám sát. Tổng nợ của 33 tập đoàn đã lên đến hơn 1 triệu 300 nghìn tỷ, trong đó theo Ngân hàng Nhà nước có đến 8% là nợ xấu (!) và thậm chí nhiều hơn theo tiêu chuẩn quốc tế. Cải cách cơ chế của Việt Nam cũng yếu, đặc biệt là vì đã tập trung vào các tập đoàn nhà nước thua lỗ “khủng” như Vinashin, Vinalines và có thể còn



những Vinaxx nữa và điều này đã làm hại tăng trưởng, làm trầm trọng thêm các căn bệnh của hệ thống và bào mòn niềm tin. Hay như những dự án thủy điện và rõ nhất là Dự án bôxít Tây Nguyên khi cảnh báo của giới khoa học đang được chứng minh là đúng! Theo khẳng định của Tiến sĩ Nguyễn Thành Sơn, Giám đốc Ban Quản lý các dự án than đồng bằng sông Hồng thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) về việc thử nghiệm hai dự án bôxít Tân Rai và Nhân Cơ thì *"Cảnh báo của các nhà khoa học về dự án bôxít ở Tây Nguyên đang dần đúng. Dự án vẫn được thải bằng công nghệ rẻ tiền, nhiều rủi ro... Nếu làm đến cùng thì bôxít sẽ trở thành gánh nặng kinh tế!"* Sau chuyến khảo sát thực tế hai dự án trên ở Tây Nguyên, Tiến sĩ Sơn cho biết, đến nay dự án chẳng có gì mới so với những điều đã được cảnh báo từ bốn năm trước. Bùn đỏ – vấn đề được nhiều nhà khoa học quan tâm – vẫn được thải bằng công nghệ rẻ tiền "ướt" rẻ tiền và nhiều rủi ro. Công nghệ lạc hậu thì ngày càng rõ, phân xưởng khí hóa than sử dụng công nghệ của những năm 1960, phải dùng than cục tốt của Hòn Gai loại 4A. Về hiệu quả kinh tế của dự án Tân Rai, theo Tiến sĩ Sơn mỗi tấn alumina sẽ lỗ khoảng 124 USD, Vinacomin lỗ 74,4 triệu USD/năm. Trong trường hợp "thuận buồm xuôi gió" nhất (được miễn cả thuế xuất khẩu - ngân sách tạm thời), mỗi tấn alumina sẽ lỗ ít nhất 55 USD, mỗi năm Vinacomin lỗ ít nhất 33 triệu USD. Tiến sĩ Sơn bộc bạch *"Tôi thấy buồn vì những cảnh báo của các nhà khoa học cách đây 3-4 năm đang dần đúng. Thực lòng mà nói, thâm tâm tôi cũng phải mong cho việc thử nghiệm thành công. Nhưng rất tiếc, việc thử nghiệm đến nay đã cho thấy rõ kết quả ban đầu là: chậm tiến độ, vốn đầu tư tăng, và chủ đầu tư ngày càng đuối!"* Tiến sĩ Sơn kiến nghị lãnh đạo Vinacomin

xin Chính phủ cho dừng ngay dự án Nhân Cơ, chờ khi nào Tân Rai có hiệu quả sẽ làm tiếp.

Vì sao Nhân dân cần Lãnh đạo?

Người Hindu cho rằng Luật matsya nyaya hay luật con cá là quy luật tự nhiên trong đấu tranh sinh tồn, luật của kẻ mạnh đè kẻ yếu, luật rừng (law of the jungle), cá lớn nuốt cá bé. Đức Phật cho rằng đó là do vô minh chứ không phải vì tính ác, bản thân con người luôn có nhu cầu sống với và sống cho đồng loại, miễn là có những định chế hay thể chế để họ thực thi và cùng tồn tại. Muốn quản lý tốt thể chế ấy, người ta cần chính quyền, cần những người cai trị và luật lệ là cần thiết để ngăn chặn luật tự nhiên này phát tác trong xã hội loài người. Nếu không có quy định và luật lệ, kẻ mạnh sẽ nuốt chửng cả kẻ yếu giống như những con cá trong nước! Chúng ta vẫn thường nghe trong các phiên họp cử tri là thông qua các tổ chức chính trị, xã hội, nhân dân muốn được bảo vệ quyền lợi, phát huy quyền làm chủ, được tạo điều kiện để bày tỏ ý kiến, đề nghị với Nhà nước và thực hành các quyền tham gia quản lý xã hội một cách thực sự, không hình thức. Trên hết, họ muốn được đối xử bình đẳng và dân chủ. Phải lưu ý thêm rằng hiện nay, con người phải đối diện với vô vàn sự việc và sự cố, cho dù những tiến bộ khoa học kỹ thuật tưởng chừng đã cung cấp mọi nhu cầu cho cuộc sống. Nhưng sự thanh thản, an lạc có nhiều khi trở thành xa xỉ. Thay vào đó, họ càng lo âu sợ sệt, và ngày càng bận rộn hơn. Chưa lúc nào con người dễ kiếm được việc làm và dễ mất việc làm như thời bây giờ. Sự sợ hãi vì lo mất công ăn việc làm, sợ hãi vì sự thay đổi của con người, của hoàn cảnh, của thể sự; sợ đồng người, sợ cướp bóc, sợ tật bệnh... muôn vàn nỗi sợ hãi xảy ra, và đó chính là những nguyên nhân gây cơn sốt cho các bệnh về tâm thần, stress... Bên cạnh ấy nếu thấy những bất ổn xã hội hay nhân sinh, họ lại càng cảm thấy bất an. Chính vì thế mà những căn bệnh có nguồn gốc từ stress, tâm thần đã tăng cao trong xã hội hiện đại hơn bất cứ lúc nào.

Thử đặt lại vai trò người lãnh đạo trước cuộc khủng hoảng nhiều mặt của xã hội hiện nay, từ vật chất đến tinh thần. Con người luôn bị thôi thúc vì tư tưởng hơn thua tranh giành, tham vọng... và khi hành xử thì lại có khuynh hướng dùng bạo lực như một phương tiện "hữu hiệu" giải quyết vấn đề. Chúng ta đã đọc đã nghe bao nhiêu cuộc thanh toán đẫm máu vì cho vay, vì đất đai, vì... những lý do hết sức vụn vặt. Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã nói: *"Con người cần thấy rằng dục vọng, tham sân đã gây loạn cho thiên hạ, phải quay về tự thân để mở một cuộc thanh trừng vĩ đại bên trong nội giới. Phải ý thức rằng bản thân mình chứa đựng những yếu tố trí huệ và tình thương, mà cũng chứa đựng yếu tố si mê và dục vọng. Dục vọng si mê đã che lấp tình thương và trí huệ. Con người cần phải tranh đấu để diệt trừ chúng, để nuôi dưỡng trí tuệ và tình thương thì con người mới có thể đoàn kết sâu rộng, để tạo một đời sống chung cùng tươi đẹp!"*



Làm sao lãnh đạo giữ phẩm cách?

Người lãnh đạo phải có những nhận thức đúng (*chánh kiến*), hiểu biết tỏ tường về tình hình xã hội, kinh tế, nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu, vị trí địa chính trị của đất nước mình... từ đó vạch ra những hướng phát triển phù hợp (*chánh tư duy*), đưa đến những chương trình hành động hiệu quả (*chánh nghiệp*), và luôn nỗ lực (*chánh tinh tấn*), thực hiện chiến lược đã đề ra kiên định và quả cảm... Một khi đã có những nhận định, những suy tư đúng đắn qua Chánh kiến và Chánh tư duy, thì kinh tế sẽ không vì chạy theo chỉ số tăng trưởng đơn thuần mà bỏ qua yếu tố an sinh xã hội và lý tưởng công bằng. Nương vào Bát chánh đạo, nhà lãnh đạo giữ thân tâm an lạc, có những nhận định đúng đắn để đưa nền kinh tế quốc gia phát triển hợp lý, vượt qua tình trạng khủng hoảng. Đọc lại lịch sử, vào thời Lý, Trần, vua quan thấm nhuần tư tưởng Phật pháp, sống gần gũi dân chúng, vào tận thôn xóm để giảng đạo lý từ bi, hiểu biết, hiểu thảo, thương nước yêu nòi... , cấp giống, vốn cho nhà nông cấy cày, trồng trọt, cốt cho dân chúng có được đời sống ấm no hạnh phúc. Trước đó, chúng ta lại nhớ đến vua Lê Đại Hành (980-1005) thời kỳ đất nước vừa khôi phục chủ quyền, sau một ngàn năm bị Tàu đô hộ. Sau khi lên ngôi được ít lâu, vua hội ý Thiền sư Pháp Thuận:

- "Làm thế nào quốc gia được bền vững?"

Thiền sư đáp lời:

*"Quốc tộ như đằng lạc
Nam thiên lý thái bình
Vô vi cư điện các
Xứ xứ tức đao binh"
(Ngôi nước như dây quấn
Trời Nam mở thái bình
Đạo đức ở cung điện
Chấn chấn hết đao binh).*

Bài thơ nhấn mạnh tầm quan trọng về đạo đức của người cầm vận mệnh của một nước, của chính quyền, của bất cứ một cộng đồng, tập thể hoặc đơn vị lớn nhỏ vô cùng quan trọng, đạo đức của người lãnh đạo là yếu tố quyết định cho sự tồn vong.

Mục tiêu chính của Phật pháp là mang lại an lạc cho cả đời sống vật chất và tinh thần cho chúng sinh. Đối với Đức Phật, nghèo khổ là một tai ương và là nguyên nhân phát sinh ra tệ nạn.


Có một lần, Phật đang thuyết pháp, thấy một anh chàng chặn bò rách rưới tiểu tụy xin vào nghe. Phật liền bảo đệ tử mang thức ăn nước uống cho người ấy ăn xong rồi hãy đưa vào nghe pháp. Vì Phật hiểu rất rõ rằng khi một người nào đang đói thì không thể nói về vấn đề tâm linh cho họ nghe và hiểu được. Sau này Jean Paul Satre cũng có lần nói rằng giữa quyền tiểu thuyết *La Nausée* của ông và một ổ bánh mì, đứa bé nghèo đói chắc chắn phải chọn ổ bánh mì.

Trong kinh *Bổn sanh*, Đức Phật đã nói tới mười đức tính của người lãnh đạo. Ngài Chuyển luân Thánh vương

Sư tử hống, Đức Phật yêu cầu vua quan phải nêu gương đời sống chân chánh và luôn trau dồi mười đức tính cần có: bố thí, giới luật, hy sinh, chân thật hiền hòa, không sống xa hoa, tự chế, không sân, không hung bạo, nhẫn nhục rộng lượng. Ngài nêu rõ, "Nếu người lãnh đạo sống chân chánh, nhiều người sẽ noi theo, và xã hội sẽ an lạc. Bậc vua chúa hãy đối xử với thân dân như con và tránh xa bốn điều tai hại khi cai trị: tham lam, sân hận, lo sợ, ảo tưởng". Đức Phật đề ra bốn cách thức hành xử là bố thí, ái ngữ, tiết kiệm và bình đẳng. Trong đó tiết kiệm (*artha cariya*) cũng giống như nhà nước thường kêu gọi "cẩn kiệm liêm chính", nghĩa là sống giản dị, không xa hoa; cuối cùng là bình đẳng, lãnh đạo không được xem bản thân là tối thượng và khinh rẻ dân chúng, thực thi công bằng hay đó chính là kết quả của tinh thần dân chủ.

Nhân và quả của chính sách

Ông Bộ trưởng Giao thông Vận tải Hoa Kỳ, RayLahood khi trả lời phỏng vấn trên Đài NBC ngày Chủ nhật 24-2-2013 vừa qua về việc Quốc hội cắt giảm 85 tỷ USD đã bức xúc: "Chúng ta không thể hàn gắn (khác biệt quan điểm trong Quốc hội) để rồi đặt nỗi nhọc nhằn lên vai dân chúng. Chúng ta bị buộc phải giảm nhiều tỷ đô la và chúng ta sẽ phải thực hiện nếu Quốc hội không ngồi lại với nhau và hòa giải hay nhân nhượng. Ông bảo mọi người hãy đi xem bộ phim ứng viên giải Oscar "*Lincoln*" để xem vị Tổng thống ấy đã làm việc hiệu quả thế nào khi cần phải thông qua một dự luật ngân sách vì nhân dân. Ông đã gọi điện và gặp trực tiếp những người bất đồng chính kiến và nêu lợi ích toàn dân ra để thuyết phục phe đối lập. Phải nói thêm rằng phẩm cách lãnh đạo kiên quyết dựa trên bản chất nhân hậu, lương thiện, tôn trọng luật pháp và đặt lợi ích quốc gia trên quyền lợi cá nhân đã biến Lincoln thành một vị Tổng thống vĩ đại của nước Mỹ. Cùng với các cận thần như *Tướng Grant, các Bộ trưởng Steward, Stanton... họ đã thay đổi định mệnh của xứ Mỹ. Chỉ 25 năm sau, mọi thành kiến, thù hận về cuộc nội chiến đã được xóa bỏ trong lòng người dân Mỹ. Giữa hai bên, phe thắng cuộc và thua cuộc, những rào cản pháp lý hay xã hội không còn hiện diện (Alan Phan)*. Ông đã tự rèn luyện và trang bị cho mình gần như mười đức tính lãnh đạo cần có nêu trên. Phẩm cách ấy hôm nay vẫn còn là bài học cho những người kế nhiệm. Chúng ta có thể cần học ở Lincoln nhưng ngay trên mảnh đất này cũng đã chứng kiến những triều đại vàng son về văn hóa và đạo đức, thời "vô vi cư điện các" với những minh quân lỗi lạc. Không lý gì chúng ta lại không thực hiện được nếu đủ quyết tâm và lòng dũng cảm vượt lên những trở lực tận đáy lòng mình: sự tham lam đến si muội bất chấp nhân tình, đạo lý, và cả luật pháp... Đất nước đang mong chờ phẩm cách từ lãnh đạo, để bước vào giai đoạn nhiều biến động của lịch sử, viết tiếp những trang tự chủ, giàu mạnh, kiêu hùng... Tất cả còn ở phía trước! ■



**Giới là tốt đến già
Tín là tốt kiên trú
Tuệ, vật báu loài người
Công đức, cướp khó đoạt.
Tương Ưng bộ,
Tương ứng chư thiên**

Kỷ niệm ngày Tổ Sư MINH ĐĂNG QUANG vắng bóng

Học chơn lý

MINH ĐĂNG QUANG

LTS: Kỷ niệm 59 năm ngày vắng bóng Tổ sư Minh Đăng Quang của Hệ phái Khất sĩ Việt Nam – ngày 1 tháng Hai năm Giáp Ngọ 1954 –VHPG trích đăng bài giảng Học Chơn Lý của ngài.

Đạo là chơn lý, vì loài người sanh sau, nên không hiểu chơn lý, lẽ thật của đòu đòu, họ chỉ nhắm mắt đánh liều, lần mò bước đi theo hiện tại, vì thế mà loài người chỉ chấp theo giáo lý. Từ ác khổ trước, đến được giáo lý thiện vui thanh, đủ cho họ ăn hưởng no ngon hạnh phúc rồi, và là miễn cho được yên sướng, chớ họ không muốn tìm chơn lý lẽ đạo chi cả. Loài người rất mê tín, lúc đầu thì mê tín nơi sắc thân vật chất, cái ác, cái chết khổ, vì bởi mới được sanh ra từ trong tử đòu. Về sau mê tín cái sống cái thiện, cái vui của trên cao nhẹ sạch. Nhưng rồi chẳng bao lâu họ cũng nhầm chán mỗi mệt, mà té xuống trở lại thấp, rồi từ dưới thấp lại bước trở lên cao. Cũng như

một kẻ kia như hổ sòu, mãi mãi như thế, do sự thích ưa và nhầm chán của cái ý, bị trôi trần trong tình dục tương đòu mãi mãi khổ nhọc, mà không rời đòu đến đòu cả.

Nhưng cũng nhờ sự mê tín, khổ sở, thất bại, của hai giáo lý bên lẽ ấy, mà đến lần được giác ngộ chơn lý lẽ thật, là đạo của võ trụ chúng sanh. Và sau khi thấu lý đạo rồi, thì không còn nương theo giáo lý thấp cao, của sự tới lui hai bên bờ lẽ kia nữa, mà được nghỉ yên một chỗ, nắm giữ gặp được mực trung là đạo, kêu là đắc đạo. Rồi từ đò ở yên nơi đòu đòu giữa, mà đi tới theo lẽ thật chơn lý để được sự kết quả quý báu diệu mầu, nên gọi là đắc quả vậy.

Sau khi thật hành theo chơn lý trung đạo, đã được kết quả, và con đòu đòu đã khai vạch đi đòu đòu, còn để lại dấu vết về sau, chúng sanh đòu đòu được thấy gặp để đi theo, đến nơi Cực Lạc, con đòu đòu ấy càng ngày càng rộng lớn tỏ rõ, trở nên con đòu đòu cái của chúng sanh, chòu đòu đòu tức là thành đạo, hay là đạo đã hoàn thành vững chắc rồi. Từ giáo lý đến chơn lý tuyệt đòu đòu, hay là từ pháp lý đến đạo lý tuyệt đòu đòu, tức là từ tương đòu đòu đến tuyệt đòu đòu. Vì giáo lý pháp lý là tương đòu đòu có hai bên, mà lẽ có hai bên, là chúng sanh hay nhòu qua nhòu lại, khổ sở cho cái ta không đòu đòu. Vậy nên chỉ có chơn lý lẽ đạo tuyệt đòu đòu có một, mới là chỗ yên vui đòu đòu vững lâu dài, mới là con đòu đòu của người giác ngộ.

Muốn đến với chân lý phải do hai cách:

1. Từ ác đến thiện và giác ngộ.
2. Nhờ sự dứt bỏ ác thiện, bằng cách tĩnh tâm yên lặng, quán xét mà nhận thấy! Đây là cách đi tắt khỏi đòu đòu nấc thang thiện, hay là ngón tay chỉ là sự thiện. Vì hết làm thiện mệt mỏi đến nghỉ ngơi, yên lặng, tự nhiên là chơn lý. Vậy nên gọi là chơn lý sau pháp thiện. Hay cũng nói: Chơn lý là lẽ thật yên lặng tự nhiên của buổi đòu đòu, là nguồn gốc của sự phát sanh ra vạn vật chúng sanh và các pháp, lại cũng là chỗ đến của vạn vật, chúng sanh và các pháp.

Chơn lý không phải nói vắn tắt, là cái lẽ thật yên lặng tự nhiên ấy mà hiểu đòu đòu. Mà cần phải biết lẽ thật nguyên nhân nguồn gốc của chúng sanh vạn vật và các pháp, từ trong cái yên lặng tự nhiên sanh có ra bằng cách nào? Cách đi tới ra sao? Và sẽ đến đòu đòu? Cái



yên lặng tự nhiên trước là sao? Và cái yên lặng tự nhiên sau này là sao? Có hiểu như thế chúng sanh mới đi trúng đường và đến nơi kết quả được.

Đức Phật khi xưa, ngồi dưới gốc cây bồ đề chánh giác, sâu tầm nguồn gốc của chúng sanh vạn vật và các pháp, mà thấu đạt được cái thật của sự đời. Ngài biết được từ đầu nguyên nhân, đến nơi cuối rốt, và do đó Ngài mới nói chỉ ra muôn ngàn pháp, để đi tới cho trúng mục đích. Chư Tăng đệ tử Ngài cũng y như thế, các vị ấy cố nhập định, vào trong cái yên lặng, để tĩnh trí mà tham thiền, thẩm xét lẽ đầu đuôi, và tự tạo ra phương pháp, để đi cho trúng cách, được mau đến chỗ nghỉ yên. Bởi thế ta mới thấy trong lịch sử có đoạn này: Một vị Tỷ-khưu nhập định bay lên các cõi trời, tìm các vua trời và vị Ngọc Hoàng thượng đế, mà hỏi nguyên nhân của tứ đại từ đâu, và sẽ đến đâu, Chơn lý ấy như thế nào? Làm cho không ai trả lời được cả. Vì lẽ các bậc Trời, người, là còn ở trong pháp, trong giáo lý, chớ chưa giác ngộ chơn lý. Các bậc ấy cũng sanh ra từ nơi tứ đại, thì làm sao mà biết được tứ đại từ đâu, và đến đâu, hay như thế nào? Sau rốt vị sư ấy đi hỏi Phật. Đức Phật dạy rằng: “Cũng như sau khi người xả định, là tứ đại, chúng sanh vạn vật và các pháp từ đó sanh ra, và cũng như người nhập định trở lại, là chỗ trở về, chỗ đến của tứ đại, vạn vật, chúng sanh và các pháp kia vậy”. Câu nói vẫn tắt ấy, thật là hoàn toàn đúng chơn lý, câu nói ấy chỉ rõ vô trụ, không gian và thời gian, bao trùm cả tứ đại, vạn vật, chúng sanh và các pháp ở bên trong. Câu nói ấy, chỉ rõ lẽ sanh diệt của những địa cầu tứ đại, và từ nơi tứ đại mà sanh ra vạn vật, vạn vật sanh chúng sanh, chúng sanh sanh các pháp, các pháp sanh vô trụ chơn lý, vô trụ chơn lý sanh ra tứ đại vọng xoay tròn...

Khi xưa chỉ có các vị Tỷ-khưu ấy là bậc tu thiền định mới tìm xét chơn lý vô trụ, mà đi hỏi Phật như thế, và sau một lời nói của Phật, là vị ấy được giác ngộ thấy biết rõ ràng, không còn hoài nghi phóng tâm gì nữa cả; như chai nước đã đựng đầy, không còn lung thiếu vọng động. Cũng y như thế, thấu chơn lý thì đặc đạo, là đặc chánh định và kết quả, của bậc giác ngộ thượng trí. Người giác ngộ chơn lý cũng như kẻ đau, mà được biết rõ nguyên nhân của chúng bệnh mình, và biết rõ các bộ phận trong thân thể, biết rõ các món thuốc và biết rõ tánh vị thuốc tất cả, nên chẳng đợi mượn cầu ai, tự mình lấy uống vào thì hết bệnh liền. Bậc thượng trí cũng y như thế, có khác hơn là kẻ ngây si, chẳng biết thân mình tạng thể ra sao nên thường bị hư hại. Chẳng biết nguyên nhân của chúng bệnh mình, nên thường bị trúng độc. Chẳng biết mình bệnh gì, nên chữa trị không lành. Chẳng biết rõ các vị thuốc nên hay dùng lộn, bệnh càng thêm nặng. Chẳng biết tánh thuốc nên mới pha trộn món ky, khi uống vào thì chết. Kẻ ấy phải nhờ người khác chỉ bảo, chăm nom lo sóc; tánh mạng mình giao cho người khác, may nhờ rủi chịu, sống chết đều ở nơi tay người, sợ nỗi người ghét hại, đến nỗi phải chiều chuộng lay bái dâng của nạp tiến, để cầu cho người thương, mà ban nhỏ phúc cứu tử hườn sanh; thờ người

hơn cha mẹ, và ai ai cũng là cha mẹ của mình hết, bảo sao nghe vậy, mê tín theo người bày chỉ, nhắm mắt đánh liều tới đâu hay đó, chớ nào có biết việc chi đâu!

Mà sự thật cũng phải như vậy! Đức Phật là bậc cao siêu thượng trí, và chư đệ tử đích đáng của Ngài cũng cao siêu thượng trí, mới chịu tham thiền thấu chơn lý mà đặc đạo mầu, chớ đối với chúng sanh, thì có được đâu, phần đông là kẻ chỉ ưa thích sự khổ vui, đầu cần biết học. Mãng lo ăn uống cái tham lam, để cho sân giận sinh nổi, sanh ra đủ chứng si mê, hư thói trong tạng phủ của mình, mê sảng điên cuồng, hoặc đuối hơi hấp hối, không còn cử động trí hóa chi chi... , cho nên đầu đối với Đức Phật đại tài kia đi nữa, cũng không có thể trì hườn, ở đó giảng giải nói rành với bệnh mê sảng gần chết. Thôi thì cứ đưa cho thuốc uống mau mau, đợi khi bệnh bớt nhẹ rồi, mới phải lúc ân cần dạy dỗ chỉ bảo cho họ giác ngộ; hoặc sau khi hết đau rồi, là họ sẽ tự giác ngộ lấy họ.

Phải như vậy! Đối với chúng sanh si mê như thế thì Đức Phật dạy bảo liền làm sao cho được, mà không phải là: làm phù thủy, làm thiên thần, họa phù, đọc chú bắt ấn, để làm thuốc cho họ uống, để làm cho họ mê tín như sự bắt hồn, rồi sau đó sẽ lần lần giảng dạy, y theo chơn lý mới được. Những kẻ ấy họ tin Phật như thần, như thánh linh thiêng, là một hạng mê tín theo việc làm.

Còn hạng mê tín thứ hai, theo lời nói của Phật mà cho rằng lời nào cũng hay hết, cũng dùng được hết, lời nói nào cũng nghe theo, nghe bằng cách xáo trộn một màu, xô đùa một thứ. (Không biết rằng pháp Phật là lời phương tiện, tùy duyên giáo hóa cho đủ các bậc thấp cao tật bệnh, không nhứt định, chẳng chấp một lớp một mục nào!) cứ hiểu lầm rằng: kinh nào, pháp nào của Phật nói ra là cũng dùng chung cho một hạng. Khác nào một người bệnh nầy, mà uống tất cả các thứ thuốc trị muôn ngàn chứng bệnh khác! Mê tín là tưởng lầm rằng: thuốc dầu chẳng hay trị chứng nầy, cũng hay trị chứng khác, cứ uống cả vào tất sẽ lành chúng bệnh của mình, thế là kẻ ấy lạm thuốc.

Cũng như có kẻ quá mê tín, tin quàng xiên vào các kinh sách đủ thứ, cùng tất cả những lời nói của các bậc danh nhân (dầu là thánh hiền tiên Phật), kẻ ấy rồi sẽ phải đảo điên trí óc! Kẻ mê tín nơi sự linh nghiệm thần thông, và nơi pháp lý trí huệ của Phật cũng y như thế. Ít có ai là người biết mình bệnh nhẹ, tỉnh táo, biết hỏi ông Thầy, nguyên quán sự học của ông Thầy, hỏi xem nguyên căn của bệnh mình, hỏi xem trong tạng phủ, hỏi học tánh thuốc, của bao nhiêu thứ thuốc, hỏi trước rồi sẽ uống và trị bệnh mình sau, để cho được sự biết rõ chánh tín giác ngộ, rồi sẽ thật hành. Người mê tín thì không bao giờ được thấu chân lý và giải thoát. Kẻ mê tín mà được thiện là rất ít, phần nhiều kẻ mê tín thì tham sân si tội ác chứa đủ điều, đã tham sân si thì dầu có chịu sự quán xét phân biệt mà chẳng nuôi lòng ngã ái, để tự mình đi xuống và mãi thụt lùi.

Chúng sanh ai cũng vậy, sự lành mạnh bình an như thường là quý báu hơn hết, mà nào họ có biết đến đâu?

Sự lành mạnh bình an như thường là lẽ chánh hơn hết, của thân cũng như của tâm, thế mà người ta không chịu hiểu, để chỉ cần tìm lo sự vui cùng khổ là lẽ ngoài phụ thuộc. Họ chỉ tìm mãi cái cực nhọc, trói buộc, của vui và khổ. Hết vui khổ ác nơi vật chất, xác thân, rồi lại đến lo vui khổ thiện nơi tinh thần lý trí. Họ là những kẻ bị trói buộc, tự mình tạo sự trói buộc lấy mình mãi mãi, như kẻ bị ở tù trong khám tối, mà chẳng bao giờ chịu giữ sự tốt đẹp, của lành mạnh bình an như thường, là hay hơn hết thấy các pháp. Họ không biết rằng chơn lý sanh ra các pháp, và các pháp chỉ gom về chơn lý có một. Cũng như mặt trời sanh ra các ánh sáng và các ánh sáng là chỉ gom về mặt trời có một. Mà các pháp, là để chỉ cho chúng sanh thấy chơn lý. Cũng như ánh sáng là để chỉ cho chúng sanh thấy mặt trời. Và tại sao chúng sanh không đến với mặt trời, chơn lý, để làm Phật, mà chỉ giữ năm ngón tay pháp, ánh sáng và ở mãi đó làm chi. Những kẻ quá mê tín vì pháp là không hiểu được lời dạy của Phật. Phật dạy người ta phải thấu chơn lý, phải đến ở với chơn lý. Phải làm Phật y như Ngài, chớ Ngài nào có bảo chúng sanh phải mê tín tôn Ngài độc nhất, tin Ngài độc đoán? Phật nào bảo lạy bái hoặc tôn thờ, hay giữ gìn pháp lý lời nói phương tiện của Ngài, một cách khư khư, mù quáng? Sự mê tín cũng có thể làm cho kẻ ác được thiện, cho kẻ quá nặng nề thấp thỏi của bước đầu. Chớ kẻ mê tín thì không bao giờ được giác ngộ trong thời hiện tại. Bởi thế nên bậc thượng trí muốn giác ngộ thì phải lìa xa mê tín, không còn bị nhốt trói trong thiện ác phước tội thì mới ngộ đạo và thoát khổ.

Vậy chúng ta nên phải biết rằng: mỗi một câu pháp lý là một ngón tay của Phật, đưa ra để chỉ cho ta thấy chơn lý lẽ thật, đừng đến với chơn lý lẽ thật. Cũng như chiếc bè, là để đưa ta qua biển, đến bờ bên kia, chớ không phải ta đứng giữ mãi chiếc bè, để chịu chết khổ giữa biển, còn thiệt hại hơn là ở bên bờ bên này nữa vậy. Thế nên chúng ta thờ Phật là để theo Phật, theo Phật là để thành Phật y như Phật, mà đừng mãi mãi xin theo hầu bên Ngài, ắt Ngài chẳng vừa lòng. Nghĩa là nhờ một pháp để tìm chơn lý, và phải đến với chơn lý mà bỏ pháp ấy. Chớ đừng giữ pháp làm kẻ mê tín chấp lầm. Và cũng không phải là đi học hoài, cho đủ hết các pháp của chư Phật đã nói ra, để tốn phí thì giờ và điên đảo rối loạn. Mà phải do nhờ một lời nói phương tiện xứng hợp, làm chìa khóa mở cửa kho tàng bảo vật từ xưa tức là nhờ lời nói ấy mà tỏ ngộ chơn lý, rồi từ trong chơn lý sanh nẩy ra biết bao pháp lý, không tận không cùng.

Nghe pháp là để cho biết Phật, biết Phật là biết chơn lý. Người biết chơn lý là biết hết thấy chư Phật. Vậy chúng ta ai ai cần nên phải biết chơn lý, hơn là sự mê tín, tin vái cầu Phật, cho rằng Phật pháp là báu, mà chẳng ai biết cái báu tại đâu và ra sao! Sự thật chơn lý là lẽ thật tự nhiên như vậy, chớ tự nó không có gì là báu! Có thật quý báu chẳng nữa, là bởi tại chúng sanh quá thiệt hại, theo đường lầm lạc sai quấy, mà phải bị đau sầu, hôm nay mới gặp thấy, cho là quý báu đó thôi; vì trong đời thầy đều là tai hại sai quấy cả, các pháp thiện ác có rồi đâu?

Người hiểu chơn lý là người không phải bịnh nặng, không phải bị ai đầu độc, bảo chi nghe nấy. Người tìm học chơn lý, không phải là kẻ quá ác hay quá mê si điên độn, hoặc chết gấp bây giờ. Người biết được chơn lý, thì nắm được chủ quyền trên thiên hạ, khỏi phải lòn cúi nơi ai ai cả, mà tất cả phải như nhau thôi. Kẻ ấy mạnh hơn hết, và chư Phật sẽ khỏi mất công vì kẻ ấy nữa!

Người biết chơn lý cũng như người thợ làm bánh, tự họ biết đó là bao nhiêu thứ bột gì? Bao nhiêu thứ đường gì? Cách thức làm bánh ra sao? Họ tin chắc, biết chắc tự làm mà ăn; không dùng các thứ bánh khác.

Người giác ngộ chơn lý, không tin ai hết, cũng chẳng tin lấy mình, mà là chỉ tin theo chơn lý thôi. Người đã giác ngộ chơn lý rồi thì khỏi cần tha độ, mà là tự độ và độ tha cho kẻ khác.

Chúng ta phải tìm học chơn lý và trong khi học pháp, nghe pháp, là phải cho hiểu chơn lý. Kẻ nghe pháp của Phật mà không hiểu được ý nghĩa Phật dạy, hoặc như đem pháp ấy nói ra vào một trường hợp khác biệt, để cho sai lạc xa ý nghĩa, như vậy là hủy mạ giáo pháp Phật; bởi để người ta hiểu lầm mà khinh chê Phật.

Vậy nên mỗi người tự tìm học thẩm xét, và bằng có nghe pháp học pháp, là để thật hành kinh nghiệm đến với chơn lý, nắm chơn lý mà đắc đạo. Đừng chấp pháp, hãy liệng bỏ pháp lại sau lưng, cho kẻ khác đi sau được học, mà mình thì không chứa giữ một pháp nào cả.

Chúng ta phải qua khỏi cái học ác buổi đầu, để đến với cái thiện thứ hai, và lần lên cái học chơn lý thứ ba rốt ráo. Ở trong lớp ác, chúng ta dốt với cái thiện. Ở trong lớp thiện chúng ta dốt với chơn lý. Vậy chúng ta phải đến với sự học chơn lý; người biết chơn lý là sẽ biết rõ tất cả thiện ác, vì người biết chơn lý là đã ở ngoài vòng giả dối của thiện ác, nên chỉ dòm ngó vào trong, là sẽ được thấy biết rõ ràng.

Đức Phật xưa thấu hiểu chơn lý mới đắc đạo, có được danh hiệu là Sĩ Trung Thắng, là Thế gian giải, là Thiên nhơn sư, là Vô thượng sĩ, là Thiên thượng tôn... là bởi Ngài đã thấu chơn lý, biết khắp trong đời, không một vấn đề nào mà Ngài không giải quyết được!

Chơn lý là lẽ thật, không phải thấp cao gì cả. Nhưng chúng sanh thì thật khó hiểu, khó hiểu chẳng phải cao xa. Vì màng bị hoặc nghiệp che ánh, vọng động liến liến, còn đâu có được giờ phút rảnh rang yên tịnh phải sạch nợ duyên, hòng nhớ hiểu xét ra chơn lý? Mãi quanh quẩn trong trần, họ không còn biết chi hơn khác được: thoát mới nghe đến chơn lý cho là huyền hoặc, sanh dạ hoài nghi, lắm khi ngờ ngác, chẳng hiểu một tí gì cả!

Nếu như có một người kia, nhận thấy sự biến ảo của đời, biết là giả dối, và định ý sẽ tìm cái thật, muốn hiểu lẽ thật lần lần của tất cả sự vật. Kẻ ấy quay về con đường lẽ thật, ắt sẽ đến chơn lý ngay, không còn bợn ngộ.

Chơn lý ở nơi vọng sự cũng như cái thật ở nơi mỗi cái giả, cái trúng phải ở nơi mỗi cái trật quấy, thật là mệnh mông không bờ bến của sự học, dầu người ta có lập ra

bao nhiêu trường để dạy học, cũng không hết bài học.

Người thấu hiểu chơn lý, nào phải là người mầu nhiệm khác lạ chi chi...? Chính là một người tầm thường, một người như bao nhiêu người khác, nhưng nhờ đứng ra ngoài sự giả dối, được ở trong cảnh thật, biết rõ cái thật, và khi nhìn ngó vào nơi cảnh giả, người thấy ai ai lầm lạc mê muội là chỉ bảo dắt dùm. Lời nói của người, thiên hạ tin nghe, và thấy ích lợi nên mới cho là Pháp bảo quý giá vô cùng.

Chơn lý không có lạ, đối với người ở trong cái thật, và hành vi đã được đúng theo sự thật ấy. Học chơn lý cũng y như các khoa học của thế gian, nhưng chỉ đi ngay vào cái thật, cái trước mắt rõ rệt, cái trường tồn vĩnh viễn, chớ không ôm đeo theo cái bọt bèo huyền ảnh giả dối vô ích, cái không công.

Cũng như người thợ cất nhà, trước dựng giàn trò, rồi sau đến cất nhà, cất nhà là việc làm kết quả, còn giàn trò phải dỡ bỏ tan hoang. Cho nên cái học bước đầu thiện ác trong trần thế, cũng như học cất giàn trò, và đến với học chơn lý mới là đúng phép cất nhà kia vậy.

Thế thì sự học phải đi tới, học để mở trí đặng bước tới, học cho hiểu chút ít một đôi pháp, rồi đi ngay tới chơn lý rốt ráo, chớ chẳng phải là sự đủ rồi, đứng một chỗ hay học mãi lòng vòng: như con kiến bò quanh quẩn mãi theo vành xe, nó đến nghỉ tạm nơi từng mắt của cãm xe, mà chẳng chịu đi theo một cây cãm, để vào tuốt trong trụ cốt ổ hang là nhà của nó. Nó đi lạc là bởi sự ham vui chuyển níu ngó tới mãi, mà chẳng chịu dòm ngang, loay hoay giải hay nơi đó mà quên cửa nhà xứ sở.

Chơn lý như mặt trời, pháp lý như đèn sao, thế sự như hang tối. Vậy nên cái học của chúng ta là học chơn lý thấu chơn lý mới gọi là thật học. Học trường đời là như sự học mới tập của bước đầu, cái học lo nuôi sống sắc thân, tạo tác giả vật, chấp giữ cõi đời, sự việc hữu tình hiện tại. Lối học ấy chưa phải lối học cứu cánh giải thoát kiếp khổ cho loài người.

Khi xưa, dưới gốc cây bồ đề chánh giác, Đức Phật nói lý Hoa Nghiêm, làm cho bậc Trời người ngơ ngác, chẳng hiểu chi cả. Kinh Hoa Nghiêm là chơn lý của Phật giác ngộ, là lẽ thật rất thường, thế mà khi đem cái thường thật ấy nói ra thì không ai hiểu. Ấy bởi chúng sanh quá say đắm, lạc lẫm, chấp lấy cái thấy nghe nơi tội lỗi làm quen tâm trí, cho đó là thật của mình, là chánh phải đúng hay thì nào có nghe được lời chơn thật ngay thẳng của Phật! Vì vậy Phật mới phân ra ba thừa giáo lý, hạ pháp thấp xuống, chiếu chuộng nâng đỡ, dịu dắt chúng sanh đi lên từ nấc, cho đến đất bằng chơn lý hay Phật thừa, vì bởi chúng sanh càng nặng, càng lún, càng sâu, và quen rồi với cảnh sâu ấy. Lại ít kẻ biết ra là mình đã quá tội lỗi thâm sâu, đối với công lý đất bằng, hay chơn lý lẽ thật. Và có kẻ biết rõ, thì lại bởi xét mình đã quá thấp sâu dơ nặng, mà nhìn lên thấy Phật càng cao, cao mãi càng sợ, sợ hoài. Nào có ai chịu nghĩ rằng: mình và Phật như nhau, ai cũng là người cả, ai cũng là Phật cả, ai cũng ở trong cái thật, mạnh giỏi bình an như thường như nhau,

cũng đứng đi trên đường mặt đất, nào phải khác lạ gì? Họ chẳng có khác nhau là bởi chúng sanh hay tìm vọng những cái phi thường, để đến nỗi lạc loài khổ nạn, nên phải trở lại kêu cứu cùng Phật. Thấy Phật tự nhiên mà lại quý báu hơn mình, còn mình đã quen tánh khổ lao chao, một khi muốn yên lặng trở lại, không biết phải làm sao nên kiên tâm trì chí, khổ tâm rèn tập lần lần trở lại.

Đối với chơn lý lẽ thật, hay kinh Hoa Nghiêm thì không có chi là sự học cả, vì cái thật nó đã sẵn có trước mặt ta rồi. Cái thật ở nơi mọi chỗ, thế mà chúng sanh nào có thấy chi đâu, từ ác đến thiện, từ nhỏ đến lớn, họ chỉ thấy cái ta, là sự vật thôi, dầu thần nhãn, thiên nhãn cũng không thấy được chơn lý, hưởng chi là nhục nhãn mắt phàm tầm tối.

Tất cả các pháp là để đến với Hoa Nghiêm. Tất cả giáo lý là để đến với chơn như. Tất cả sự học là để đến với chơn lý.

Vậy chúng ta nên học chơn lý! Chơn lý tức là trường đại học của bậc thượng trí! Mà muốn học, ắt chúng ta phải giải thoát những buộc ràng, lìa nhà cửa thế tục, xa cha mẹ trần gian, thân phải trong sạch, tâm được yên lặng, thì trí mới huệ sáng. Nghĩa là phải xuất gia giải thoát, làm Khất sĩ, nhập đạo tràng Giáo hội, vừa học vừa tu, học tu tuy cực nhọc hơn buổi ăn chơi, chớ thật là trung dung mạnh khỏe, và một kiếp tu hành, ngàn đời rảnh khổ, một thời ngộ đạo, vạn thuở an vui.

Đúng chơn lý, ai cũng là Khất sĩ, xin học. Và đi xin ăn học chơn lý là quý báu hơn cả.

Chơn lý là thật học, trường học là Giáo hội. Du tăng Khất sĩ đi học cùng khắp xứ, chớ không phải lớp học ở một chỗ, một bài, mà được toàn học. Trường học là chơn lý, nơi đây có nghĩa là học dài học mãi, học không chán, không lui, là sự học có đầu có đuôi, có khoảng giữa, có mục đích, có ích lợi, cái học không bao giờ gián đoạn, học đến đâu cũng không hết không rồi, nên gọi là trường học chớ không phải cái nhà, cái bàn, một lớp, nơi một chỗ một.

Chơn lý là trường học chung của tất cả, chơn lý không phải là đời hay đạo. Chơn lý không phải là tông giáo hay đảng phái, chủ nghĩa, giáo phái nào. Chơn lý không phải là một vị Phật, một vị trời nào! Chơn lý không phải là tên chơn lý, lẽ thật gì cả; chỉ mượn danh từ tạm gọi để phân biệt, nên kêu là chơn lý thôi! Cũng như tiếng Phật, nghĩa tạm phân biệt là sự giác ngộ vậy. Chơn lý và võ trụ, là đại đồng của chúng sanh tất cả. Trong chơn lý không có sự mê tín nơi duy vật, duy thức, hoặc duy tâm. Không có sự mê tín nơi người, nơi giáo lý, nơi linh nghiệm, nơi sự vật chi chi... và cũng không vất bỏ một cái gì cả. Đúng chơn lý là tự nhiên, cái tự nhiên sống mãi đời đời. Cái chơn lý tự nhiên ấy là trường học của cả chúng ta vậy!

Thế nên tất cả chúng ta phải đi học. Có ra khỏi nhà đi học mới được chánh tín, hầu kết quả chánh định. Chơn lý tức là giải thoát, thoát khỏi nhà đời, bước qua trường đạo. Cõi Phật là võ trụ đại đồng, nơi ấy đựng chứa biết bao pháp lý, mặc sức cho người xin học. Chúng ta phải nên ráng lên lớp ấy để học hết. ■

Giỏi tiếng Việt để yêu nước Việt hơn

NGUYỄN PHÚC VĨNH BA

1 Một giáo viên môn Sử hỏi tôi, “Anh ơi, sao gọi là ‘phe đồng minh’ vậy anh? Chữ minh đó có cùng nghĩa với từ minh trong cụm từ ‘Mặt trận Việt Minh’ không?” Tôi trả lời, “Cả hai chữ minh đó có cùng nghĩa là thể nguyên/ lời thể, đồng minh là cùng thể với nhau theo đuổi một lập trường, một lý tưởng, một mưu đồ... nào đó”. Luôn thể, tôi hỏi lại anh bạn trẻ, “Thể từ minh trong các cụm từ ‘rừng U Minh Thượng’, ‘bài minh trên chuông’, ‘loan phụng hòa minh’ hay ‘quang minh chính đại’ có nghĩa gì, giống hay khác nhau?”. Anh bạn trẻ kêu lên, “Tiếng Việt ta khó quá, em bó tay chấm com mắt. Có ai dạy cho em mà em biết, thường nói theo thói quen, theo tập quán mà thôi”.

Những cụm từ được nêu trên có lẽ cũng không mấy xa lạ với chúng ta. Có từ được nói hằng ngày mà đôi người không cố hiểu được cho đến nơi đến chốn. Hơi cường điệu một chút, theo ý tôi, phần lớn giới trẻ bây giờ có lẽ e cũng bó tay theo anh bạn trẻ đó. Phải chăng vì chúng là từ Hán Việt nên chúng ta không nhọc lòng quan tâm đến? Cứ nói cuội theo báo đài sách vở là được.

Thế còn từ thuần Việt thì sao? Có lần vào đầu năm học, tôi gọi điểm danh học sinh đến em Hà Văn Cau thì cả lớp cười ồ lên. Tôi hơi ngạc nhiên. Tiếp đến, qua vài em khác đến em Trần Thị Mè thì cả lớp lại cười ồ một lần nữa. Hóa ra, bên cạnh Phương Dung, Quang Huy, Thu Tuyết,... thì Cau và Mè xem ra cũng hơi lép vế và khô hài. Đó là chuyện vài học sinh nông thôn. Còn ở thành phố, con cái của các bậc thị dân khoa bảng, các thương nhân giàu có, hay của cả các người bình dân dốt khoát không thể là Nguyễn Thị Trăng Thu, Phạm Văn Trời Sáng được, nói chi đến Rau, Đậu, Mè, Vũng... Chúng phải là Nguyễn Trần Thu Nguyệt hay Phạm Võ Nhật Quang, tên sao phải nghe trang trọng, oai vang chứ nôm na mách qué là không xong rồi. Ở đây, chúng ta lại quá tả, quá trọng thị từ Hán Việt. Vì thế, tôi thỉnh thoảng được các bố mẹ trẻ tư vấn khi đặt tên con, họ sợ cái tên nghe kêu ấy lại thậm chí không có chút ý nghĩa gì hết, mất hay.

2 Hai trường hợp trên nêu lên một hiện trạng bất nhất đang diễn ra trong việc sử dụng tiếng Việt của người Việt: *Thích dùng từ Hán Việt mà không chịu học từ Hán Việt*. Trong một bản tin dự báo thời tiết gần đây tôi nghe được, nhà đài báo rằng ngày mai một luồng không khí lạnh sẽ *bổ sung* cho khí hậu ở vùng Đông Bắc Bộ và trong tuần tới một cơn gió mạnh cấp sáu sẽ *tập kích* miền Nam Trung Quốc... Chúng ta thường nói *bổ sung* lực lượng (vì thiếu hụt), *bổ sung* kiến thức (vì chưa đủ)... chứ làm sao mà *bổ sung* cái khí lạnh khổ sở đó vào miền Bắc của chúng ta được. Tương tự thế, hiện tượng thiên nhiên gió bão không xảy ra nơi này thì xảy ra nơi kia làm sao lại cố ý *tập kích* (đánh úp) vào xứ Trung Quốc thế. Xét cẩn thận hơn nữa thì từ *tập* trong từ *tập kích* và từ *tập trung* hoàn toàn khác nhau đấy.

Chúng ta phải công nhận một sự thật lịch sử: *từ Hán Việt là một thành phần bất khả phân ly của tiếng Việt*. Từ chối nó là đi ngược với qui luật phát triển của ngôn ngữ và làm nghèo đi tiếng Việt của chúng ta. Chúng ta đã dùng từ Hán Việt cả hơn ngàn năm, nên không còn có thể khước bỏ

nó được. Lấy ví dụ, ai lại thay thế cụm từ “gia đình hạnh phúc” bằng “cả nhà sung sướng”. Cả nhà đó dù thiếu thốn (không sung) và vất vả (không sướng) nhưng họ yêu thương, chia sẻ, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau thì họ vẫn là một gia đình hạnh phúc như thường.

Có trường hợp ngược lại, dù có từ thuần Việt tương đương, chúng ta cũng không dùng được trong trường hợp nhằm diễn tả sự tôn trọng. Ví dụ như thay vì nói vua nước Thái và vợ sẽ đến thăm Việt Nam vào tuần tới, chúng ta nên nói Quốc vương Thái Lan và hoàng hậu sẽ đến thăm... Tự bao giờ, từ Hán Việt được khoác cái ý nghĩa quý phái, trang trọng và cung kính. Ví dụ nữa, từ “tiền nhân” lại dường như có nghĩa kính trọng hơn là từ “người đời trước”.

Bên cạnh tình trạng đáng tiếc thường xảy ra trên, nếu không bàn đến các từ mượn từ các ngôn ngữ khác thì tôi e rất thiếu sót, nhất là từ tiếng Pháp và tiếng Mỹ. Thoạt đầu, chúng ta vay mượn hầu để diễn tả những vật/ khái niệm chưa có như xà-phòng (savon), nhà ga (la gare), bơ (le beurre), mát-xa (massage), sâm-banh (champagne)... Về sau, dù có từ thuần Việt sẵn rồi, chúng ta lại thu thập một số từ cho oai như tin hot, tuổi teen, các fan... Thậm chí có cuộc thi hoa hậu khá sôi nổi lại mang tên là Miss Teen như là đang xảy ra bên xứ Mỹ vậy.

Nhìn vào thực tế, việc sử dụng tiếng Việt ta ngày nay đã trở nên xô bồ và không tuân thủ một số qui tắc thông thường. Nếu kể ra thì không biết là bao nhiêu ví dụ. Ví dụ, từ gov thì được phát âm là gờ o ve thay vì giê ô ve hay gờ o vờ; nữ anh hùng trong khi từ ‘hùng’ có nghĩa là giống đực; hơi bị hay thay cho khá hay,... Thậm chí một quan chức phát biểu trong nghị trường đại khái rằng làm ăn kinh tế thì có phi vụ (chuyến bay) thất bại là thường. Hẳn ông ta không biết rằng phi vụ là tiếng lóng dành cho việc làm ăn phi pháp của gian thương xã hội đen, chứ làm ăn chân chính xã hội chủ nghĩa thì phải gọi là thương vụ. Thật là một nhầm lẫn chết người.

Vậy nói, viết cũng cần có luật lệ là hiển nhiên.

3 Đúng là ngôn ngữ có tính vô đoán, dùng lâu dài sẽ trở thành phổ thông và chính thống, nhưng có điều quan trọng chúng ta nên thấy là sử dụng giỏi tiếng nói của dân tộc ta làm chúng ta yêu đất nước chúng ta hơn. Vì sao vậy? Tôi rất đồng tình với nhận định của một số nhà nghiên cứu rằng tình yêu nước chủ yếu dựa vào tiếng nói của dân tộc sống trong nước đó. Quốc gia không chỉ là một vùng lãnh thổ hữu hình mà còn cả một nền văn hóa phi vật thể đồ sộ của người dân sống trên đó. Chính nói cùng tiếng nói gắn kết những con người đó với nhau, làm họ hiểu nhau, thấy cái đẹp của nòi giống mình, và muốn sống cạnh nhau. Thông qua tiếng nói rồi về sau là chữ viết, người dân cùng chung một ký ức văn hóa, chung một lịch sử đấu tranh, chung một niềm tin dân tộc, ... khiến họ trở thành một khối thống nhất dù khác huyết thống, trình độ kinh tế, tập

tục,... Từ đó, tình yêu cái khối thống nhất đó, có tổ chức quản lý, tạo nên truyền thống và xây dựng một niềm tự hào dân tộc, là cái cốt lõi của tình yêu nước. Ta thường thấy mọi quốc gia đều cố thống nhất tiếng nói, chữ viết để củng cố sức mạnh của đất nước là vì vậy.

Với các quốc gia đa sắc tộc, một tiếng nói, một loại chữ viết được chọn làm chủ đạo, thường là của sắc tộc mạnh nhất và được gọi là ngôn ngữ hay chữ viết chính thức. Ở nước ta là tiếng Kinh, chữ Việt. Không sánh sôi tiếng mẹ đẻ thì tình yêu nước chỉ là một phản ứng tự vệ có tính bản năng. Chính sánh sôi tiếng mẹ đẻ làm tình yêu nước nồng nàn hơn, làm ta yêu được những người khác với ta lắm thứ, sống vào một thời, một nơi xa ta rất nhiều, mà bởi chỉ vì cùng tiếng nói. Một anh chàng đến đũa to cao sống tận châu Phi gần cả một đời lại òa ra khóc khi nghe được tiếng Việt, hóa ra mẹ anh ta là người Việt. Cái sợi dây thiêng liêng kết nối anh ấy với quê mẹ chính là tiếng nói vậy.

4 Nhạc sĩ Phạm Duy từng viết, “Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi! Mẹ hiền ru những câu xa vời. À à ơi! Tiếng ru muôn đời. Tiếng nước tôi! Bốn ngàn năm ròng rã buồn vui. Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi! Tiếng nước tôi! Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi. Thoắt nghìn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi!...”. Vâng, từ tiếng nói khi nghe đầu đời rồi qua ngàn năm thành tiếng ru muôn đời và thành tiếng lòng tôi. Nhạc sĩ Phạm Duy viết thế quả rất súc tích. Nếu ta không thấm cái vẻ đẹp của đất nước qua tiếng nói đặc thù của dân tộc thì làm sao mà có một lòng yêu nước cháy bỏng và tha thiết được.

Nhà báo thời danh Nguyễn Văn Vĩnh năm 1907 trong lời tựa của truyện *Tam quốc chí* do Phan Kế Bính dịch đã có câu nói bất hủ: “*Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ*”. Rõ ràng cụ đã nhận thấy dù dân ta có cải lương y phục, nhà cửa, lễ thói, ... để thích nghi với tiến bộ Âu Tây như hiện nay mà còn giữ được tiếng Việt thì vẫn còn là con người Việt, có bản sắc riêng. Tầm quan trọng của tiếng nói là thế đó.

Một Việt kiều thế hệ thứ hai nếu không biết nói đọc tiếng Việt thông thạo hẳn khó mà có được một lòng yêu nước nồng nàn. Điều dễ hiểu là bởi anh ta bị cắt rời khỏi tâm thức dân tộc, không có lòng tự hào về dân tộc mình. Một người dân Việt không sánh sôi tiếng Việt, không hiểu được văn hóa Việt, nói chêm lung tung tiếng nước ngoài thì cũng như Việt kiều trên thôi.

Trừ phi ai đó nói liều rằng chỉ cần tình nhân loại thôi, đừng nên bảo thủ hẹp hòi trong phạm vi quốc gia nhỏ bé, giỏi tiếng mẹ đẻ vẫn là điều tiên quyết để yêu đất nước sâu đậm thiết tha hơn. Tình trạng sử dụng tiếng Việt ta hiện nay là thế. Làm sao dạy cho con cháu ta giỏi tiếng mẹ đẻ, rồi từ đó yêu đất nước hơn là một nhiệm vụ cấp thiết của các giới chức hữu quan.

Đó lại là một vấn đề khác. ■



Phật giáo và kiến trúc

TINH VÂN
NGUYỄN PHƯỚC TÂM dịch

Kiến trúc là một loại nghệ thuật. Sự diễn biến của kiến trúc đã phát sinh các nghệ thuật khác như hội họa, điêu khắc, tạo hình, tạo cảnh... vì thế có người còn nói kiến trúc là mẹ của nghệ thuật.

Từ xưa đến nay, ở tất cả những nơi có tiếp xúc với đạo Phật, Phật giáo đều lưu lại trong lịch sử kiến trúc nhiều báu vật nghệ thuật đủ để tự hào trong lòng nhân thế. Ví dụ như ở Trung Hoa có chùa Vĩnh Ninh được xây dựng vào năm thứ nhất niên hiệu Hy Bình (516-518) Hiếu Minh Đế nhà Bắc Ngụy, được người đời ca tụng là “Thủ tự tinh lệ, diêm phù sở vô” (Chùa này tuyệt đẹp, chốn Diêm Phù không có); lại ví dụ hang đá Đôn Hoàng ở Trung Quốc, hang đá Ajanta ở Ấn Độ, cung điện Potala ở Tây Tạng, quần thể kiến trúc Angkor Wat hay còn gọi là đền Đế Thiên ở Cambodia, tháp Borobudur ở Indonesia, tháp Shwedagon hay còn gọi là chùa Vàng ở Myanmar v.v..., có thể nói đều là những bảo tàng nghệ thuật tổng hợp, nơi tập trung kiến trúc, điêu khắc, hội họa lại một chỗ. Cho nên trong lĩnh vực kiến trúc học, Phật giáo luôn có vị trí vô cùng quan trọng.

Kiến trúc Phật giáo bao gồm tháp Phật, tự viện, hang động... Những kiến trúc này có mối quan hệ khá mật

thiết đối với đời sống của con người hiện đại; trong đó, tự viện là nổi bật nhất. Tự viện là nơi Tăng chúng tu hành, là trung tâm gửi gắm tâm linh của tín đồ, cũng là nơi tuyệt vời nhất để con người có thể tìm tới nghỉ ngơi, ngắm cảnh đẹp trong không khí an tịnh, thanh nhàn. Trên hết, tự viện là đại diện của Phật giáo. Tự viện thể hiện cho sự có mặt của Tam bảo Phật Pháp Tăng; có tự viện mới có thể truyền bá giáo nghĩa, mới có thể duy trì Chánh pháp; vì vậy muốn Phật pháp hưng thịnh, thì cần phải xây chùa chiền, Tăng chúng an cư.

Kiến trúc tự viện sớm nhất của Phật giáo bắt nguồn từ thời đại Đức Phật ở xứ Ấn Độ. Sau khi quốc vương xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) là Tần-bà-sa-la (Bimbisara) hiến tặng tinh xá Trúc Lâm (Venuvana) và trưởng giả Tu-đạt-đa (Sudatta, còn gọi là ngài Cấp Cô Độc hay Anathapindika) hiến tặng tinh xá Kỳ-viên (Jetavana), việc kiến trúc tự viện được chấp nhận trong giáo đoàn của Đức Phật. Sau này, tự viện ngày càng phát triển được xây khắp nơi trên thế giới, từ thành thị đến thôn quê, từ rừng sâu đến núi thẳm.

Phật giáo truyền đến Trung Quốc trong khoảng niên hiệu Vĩnh Bình (58-75) dưới thời vua Minh Đế nhà Đông Hán do hai vị cao tăng Ấn Độ là Ca-diếp-ma-đăng

(Kasyapamatanga) và Trúc-pháp-lan (Dharmaratna). Đạo sĩ Luận Đạo khơi dậy lòng tin của Hán Minh Đế khiến nhà vua hạ lệnh xây dựng tự viện Tỳ-kheo-ni (Bhiksuni) ở nội thành, và xây dựng chùa Bạch Mã tại Lạc Dương, trở thành ngọn nguồn kiến trúc tự viện Phật giáo Trung Quốc.

Giai đoạn đầu kiến trúc Phật giáo Trung Quốc lấy tháp Phật làm chính, đến thời đại Tùy Đường dần dần lấy điện Phật làm trung tâm, và phần lớn xây cất phòng theo kiểu mẫu hoàng cung. Các cung điện thời kỳ đầu hiện còn ở Trung Quốc khá ít ỏi, tuy nhiên điện Phật lại có thể phản ánh hình ảnh cung điện về các phương diện như kết cấu, tạo hình, quy hoạch, cấu tạo... , trở thành những bằng chứng rất có giá trị trong lịch sử kiến trúc; đặc biệt là đã phát huy sự đóng góp không thể phai mờ đối với sự bảo tồn văn hóa kiến trúc truyền thống; ví dụ kiến trúc kết cấu bằng gỗ cổ xưa nhất hiện còn là ở chùa Phật Quang trên núi Ngũ Đài tỉnh Sơn Tây, đã giữ lại được một cách hoàn chỉnh tinh hoa nghệ thuật kiến trúc nhà Đường; hay như ở chùa Đường Chiêu Đế (Tōshōdai Temple) của Nhật Bản thì cũng có thể tìm thấy diện mạo kiến trúc Trung Quốc trong thời kỳ đầu.

Ngoài ra, kiến trúc tự viện trong hang động được phân bố ở các khu vực Tây Bộ, Bắc Bộ Trung Quốc; do sử dụng nham bàn hoặc đá núi khai đục mà thành, rất bền vững, kiên cố; vì thế, phần lớn những kiến trúc này còn được bảo tồn cho tới nay, qua đó còn lưu giữ dấu tích lịch sử Phật giáo Ấn Độ truyền vào Trung Quốc, có giá trị vô cùng. Bên trong những tự viện hang động đó có thiết đặt nhiều Phật khám (am thờ Phật), Phật đàn (bàn thờ Phật), hoa cái (cái lọng), tượng đắp, cho đến những trang sức bằng phù điêu, bích họa... , ngoài ra còn cất giữ các loại kinh điển, tranh ảnh Phật, các đạo cụ pháp khí, cũng như các văn thư tự viện... , nghiêm nhiên là kho báu nghệ thuật Phật giáo, thực sự là bảo tàng văn hóa làm rung động cả thế giới. Xét về mặt lịch sử học thuật và văn hóa, những di tích ấy đều chiếm vị trí cực kỳ quan trọng.

Từ kiến trúc, điêu khắc, cho đến vô số những tác phẩm bích họa của Phật giáo đã cho thấy Phật giáo không chỉ có nghi thức trang nghiêm, giáo nghĩa rộng lớn sâu sắc, mà còn có cả đặc chất của nghệ thuật. Trong con mắt của nhiều nhà nghệ thuật và chuyên gia khảo cổ, kiến trúc của Phật giáo là sáng tác nghệ thuật phong phú, đa dạng và mang đặc sắc mỹ cảm, quả thật là một tài sản lớn lao của giới kiến trúc thế giới.

Tóm lại, kiến trúc của Phật giáo không những có những thành tựu rất cao vời trong nghệ thuật, mà còn vô hình trung đã thúc đẩy sự lưu truyền của Phật pháp. Căn cứ di tích được khai quật cho thấy: Tinh xá thời Phật còn tại thế, quy hoạch dùng ánh sáng thông gió đều rất hoàn thiện, sự sắp xếp về liêu xá, phòng trọ, nhà bếp, thương khố, buồng tắm, chỗ ở nhà bệnh, cho đến sự bố trí về ao sen, bích họa, nhà kinh hành... , đều gồm có đầy đủ chức năng nghệ thuật và hoàng pháp.

Tháp Phật, tự viện hoặc kiến trúc hang đá, đều đại diện cho Phật giáo, trở thành trung tâm tín ngưỡng của tín đồ. Từ xưa tới nay, tự viện trên hết có đủ chức năng trường học, ví dụ: những quy hoạch trong tinh xá Kỳ viên Ấn Độ đều là giảng đường; tự viện cổ xưa Trung Quốc đều có thiết đặt pháp đường, tàng kinh lâu, chính là phòng học, thư viện của ngày nay. Thậm chí, bao năm qua Phật giáo từng tổ chức không ít trường học miễn phí, tự viện cũng trở thành trường học. Ở Trung Quốc, các bậc túc nho, danh tướng qua các triều đại như Lưu Hiệp¹, Phạm Trọng Yêm², Vương An Thạch³, Lương Thấu Minh⁴... , chính là những nhân vật từng khổ luyện, dùi mài kinh sử và đã thành công từ chốn tự viện.

Tự viện thật sự giống như trạm xăng dầu của đời người, công ty tổng hợp của tâm linh, là ngôi trường bồi dưỡng nhân cách thánh hiền, cũng là nơi giao hảo qua lại của thiện hữu, và trên hết là chốn mát lành gột rửa mọi phiền tạp, u hoài. Kiến trúc tự viện trong tương lai ngoài việc bảo lưu các cơ sở như Phật điện, khách đường, trai đường, trà đường, nhà kho, còn đặc biệt trang bị thêm nhà hội nghị, giảng đường, thiền đường, phòng học, nhà trò chuyện, trung tâm nghe nhìn, trung tâm văn hóa giáo dục, phòng mỹ thuật, phòng triển lãm văn vật... , để thông qua pháp vụ, văn giáo, nghệ thuật... mà tự viện có thể phát huy đầy đủ công năng hoàng dương thánh giáo, giáo hóa xã hội, trở thành đạo tràng dung hòa chung của Tăng-tín tứ chúng, trở thành ngôi trường giáo hóa xã hội, trở thành trung tâm hội nghị nghiên cứu học thuật, trao đổi tri thức, làm cho tự viện mãi mãi trở thành là nơi quay về của lòng người và là chỗ gửi gắm tinh thần. ■

1. Lưu Hiệp (khoảng 465-520), tự Ngạn Hòa, nguyên quán ở huyện Cử, Đông Quán (nay thuộc huyện Cử, thành phố Nhật Chiêu, tỉnh Sơn Đông). Ông là nhà phê bình, lý luận văn học nhà Lương thời Nam triều trong lịch sử Trung Quốc. Lưu Hiệp từ sớm có chí hiếu học, nhà nghèo không cưới vợ, nương nhờ cửa Phật, tinh thông kinh luận đạo Phật. Vào thời Lương Vũ đế, từng giữ chức phụng triều thỉnh, đồng cung thông sự xá nhân. Được thái tử Chiêu Minh trọng dụng. Những năm cuối đời xuất gia đi tu, lấy tên là Tuệ Địa. Vào cuối đời Nam Tề, viết cuốn "Văn tâm điêu long", là một tác phẩm lớn về lý luận phê bình văn học cổ đại Trung Quốc. (Daitudien.net)

2. Phạm Trọng Yêm (989-1052), tự Hy Văn, người quận Ngô, nay thuộc Tô Châu, Giang Tô. Là nhà văn, nhà giáo dục, tướng lĩnh và nhà chính trị thời Bắc Tống, Trung Quốc.

3. Vương An Thạch (1021-1086), tự Giới Phủ, hiệu Bán Sơn lão nhân, người Lâm Xuyên, Bắc Tống, nay là Giang Tây; nhà chính trị, nhà văn, nhà tư tưởng, nhà cải cách kiệt xuất trong lịch sử Trung Quốc, nhưng sai lầm trong việc xúi giục vua Tống xua quân xâm chiếm Đại Việt, chẳng những thua mà còn bị Đại Việt đem quân phá tan ba châu Khâm, Liêm, Ung.

5. Lương Thấu Minh (1893-1988), nguyên quán ở Quế Lâm, Quảng Tây, tên thật là Hoán Đình, tự Thọ Minh, có các bút danh Thọ Danh, Sáu Dân, Thấu Minh; nhà tư tưởng, triết học, giáo dục nổi tiếng thời hiện đại.

Nguồn: *Phật giáo và thế tục*, in trong bộ sách *Phật học giáo khoa thư* của Tinh Vân, NXB. Từ Thư Thượng Hải, năm 2008, trang 66 - 69.



Biểu diễn âm nhạc Tuần hành trên đường phố

Bài & ảnh: LÊ HẢI ĐĂNG

1 Dấu tích một thời

Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức biên soạn đầu thế kỷ XIX khi nói tới trấn Phiên An (một trong năm trấn của thành Gia Định, nay là vùng Chợ Lớn, TP.HCM), có đoạn viết: “Cách trấn về phía Nam mười hai dặm ở hai bên tả hữu đường cái quan, là đường phố lớn, thẳng suốt ba đường, giáp đến bến sông, một đường ngang ở giữa, một đường đi dọc theo sông. Các đường ấy đan xuyên nhau như chữ điền... Đầu phía Bắc đường phố lớn có miếu Quan Thánh và ba hội quán Phúc Châu, Quảng Đông, và Triều Châu..., phía Tây đường lớn có miếu Thiên Hậu, gần phía Tây có hội

quán Ôn Lăng, đầu phía Nam đường phố lớn về phía Tây có Chương Châu hội quán. Gặp ngày tốt, đêm trăng, như Tam nguyên, rằm, mừng một thì treo đèn đặt án, tranh đua kỹ xảo trông như là cây lửa, cầu sao, thành gấm, hội quỳnh, kèn trống huyền ảo, nam nữ dập dìu...”. Nguồn sử liệu trên cho chúng ta thấy quang cảnh khu phố Hoa thuộc các quận Năm, quận Sáu TP.HCM vào các dịp khánh tiết, mừng một hay đêm rằm. Miếu Quan Thánh đầu đường phố bắc chính là hội quán Nghĩa An nằm trên đường Nguyễn Trãi, ba hội quán Phúc Châu, Quảng Đông và Triều Châu tương ứng với Nhị Phủ miếu nằm ở góc đường Hải Thượng Lãn Ông cắt



Phùng Hưng, miếu Bà Thiên Hậu và miếu Quan Đế đều nằm trên đường Nguyễn Trãi. Hội quán Ôn Lăng tọa lạc cuối đường Lão Tử, Chương Châu hội quán thì ngược về phía đầu đường Nguyễn Trãi. Tất cả các di tích trên đều còn hiện tồn tại khu vực Chợ Lớn, nơi tập trung đông đảo bà con trong cộng đồng người Hoa. Câu nói “kèn trống huyên náo”, thực chất là một thành ngữ của người Quảng Đông “La cổ huyên thiên” (chiêng trống vang trời). Như vậy, nếu tác giả Trịnh Hoài Đức không dùng thành ngữ trên như một biện pháp ẩn dụ, qua đó có thể khẳng định nghệ thuật âm nhạc truyền thống người Hoa đã du nhập vào đất Gia Định, địa bàn Chợ Lớn từ rất sớm, ít nhất là đầu thế kỷ XIX. “Kèn trống huyên náo” nhằm chỉ hoạt động của các nhóm Phùng la (chủ yếu gồm chiêng, trống). Nhạc phùng la (hay la cổ, đồng la, chiêng trống...) có đặc trưng dễ nhận thấy là “đánh động” – một chức năng thông tin – thường xuất hiện trong các dịp lễ, như Nguyên tiêu, Vu lan hoặc tang lễ... Loại hình âm nhạc này thực chất là nhạc lễ, hiểu theo nghĩa rộng bao gồm tất cả các loại hình âm nhạc nghi thức, kể cả nhạc duyệt binh, nhạc

diễu hành... Chính vì thế, nhạc lễ bản thân nó không mang tính chất định tính, mà được định vị trong môi trường văn hóa cụ thể. Môi trường trình diễn trở thành điều kiện quyết định dạng thức của nó. Xét ở góc độ cơ cấu dàn nhạc hay bài bản đều vậy. Mặc dù trải qua thời gian dài tích hợp về bài bản cũng như làm định hình cơ cấu tổ chức, song vượt lên trên hết, tính chất phức hợp luôn bao trùm lên đặc điểm chung của loại hình âm nhạc này. Điều đó giúp cho nhạc lễ có thể nhập thân vào rất nhiều môi trường khác nhau, từ môi trường tín ngưỡng, ca kịch, tang ma, cho đến các dịp lễ hội...

2 Náo Nguyên tiêu

Tục ngữ người Hoa có câu: “Chính nguyệt thập ngũ náo nguyên tiêu”, có nghĩa là: “Ngày rằm tháng Giêng tung bùng lễ nguyên tiêu”. “Nguyên đán” theo tự hình tiếng Hán biểu trưng cho lúc mặt trời mới nhô lên khỏi mặt đất, chữ “nhật” nằm trên chữ “nhất”, hiểu là ngày đầu tiên của năm. Còn “Nguyên tiêu” có nghĩa là đêm đầu tiên có trăng của năm. Vào thời kỳ chưa có đèn điện, đèn trời (ông trăng) có tác dụng thắp sáng cho mọi hoạt động vui chơi ở cõi nhân gian. Nếu như Tết chú trọng ở ý nghĩa, phần lễ, Nguyên tiêu chính là dịp thể hiện niềm vui hân hoan mang tính chất hội. Các hoạt động trong dịp lễ Nguyên tiêu đều cố gắng thỏa mãn nhu cầu vui chơi giải trí như hội đèn lồng, đi cà kheo, trình diễn sân khấu, múa lân-sư-rồng-hầu... và một loại hình khá độc đáo còn bảo lưu đến hiện tại đó là biểu diễn âm nhạc tuần hành trên đường phố.

Biểu diễn âm nhạc tuần hành trên đường phố là một trong những hoạt động quan trọng diễn ra vào dịp lễ Nguyên tiêu. Trong số nhiều hoạt động tung bùng xuống phố, từ lân, sư, rồng, hầu... cho đến đi cà kheo, rước đèn, kiệu, gánh hoa, cờ, lọng, binh khí (phông theo thời cổ)... có biểu diễn âm nhạc tuần hành trên nhiều tuyến đường tại khu vực Chợ Lớn (bao gồm quận Năm, quận Sáu). Số người tham gia vào đoàn tuần hành này thường rất đồ sộ, ngoại trừ nhóm nhạc lễ, còn có cả binh, tướng, thiếu niên, nhi đồng, với cờ, lọng, kiệu, gánh hoa, binh khí, mã la... Xét về cơ cấu lẫn đội hình, nó mang dáng dấp của một đám rước dài miên man suốt cả con đường. Trong quá khứ, biểu diễn âm nhạc tuần hành trên đường phố chính là cách thức “xã hội hóa” nghệ thuật truyền thống, hiểu theo ngôn ngữ đương đại, đây là biện pháp nhằm “quảng bá” hình ảnh của nghệ thuật truyền thống đến với đại chúng. Ở vào thời kỳ thông tin chưa phát triển như ngày nay, không có sự hỗ trợ của phát thanh, không có kênh chuyển tải hình ảnh của truyền hình, phố phường trở thành môi trường lý tưởng để truyền bá và trình diễn nghệ thuật.

Cơ cấu tham gia biểu diễn tuần hành chủ yếu gồm nhạc khí gõ và hơi, như trống, la, kèn với nhiều chủng loại khác nhau. Theo cách gọi thông tục, những nhóm



nhạc trên đều gọi là **Đội phèng la** (la cổ đội). La là chiêng; cổ là trống. Song, cách gọi như vậy xuất phát từ thói quen trong văn hóa. Trên thực tế, tham gia vào đội hình biểu diễn tuần hành còn có sự phối hợp tích cực của nhạc cụ hơi, dây, như kèn sôna, tiêu và đàn Tãn (Sến), Nhị hồ... Có một điều thú vị rằng: xét hai câu "Kèn trống huyên náo" theo cách viết của Trịnh Hoài Đức và "La cổ vang trời" trong thành ngữ của người Quảng Đông về việc phản ánh cùng một hiện tượng, người ta thấy cần phải có sự kết hợp của cả hai "cơ cấu" trên mới làm hình thành biên chế của **Đội la cổ**. Bởi, trong trường hợp "Kèn trống huyên náo" vẫn còn thiếu "La - chiêng" và "La cổ vang trời" lại chưa có "kèn". Và với cơ cấu gồm có cổ (trống), la (chiêng) và kèn (sôna) cho phép chúng ta liên hệ tới cơ cấu nguyên ủy của chúng là **Nhóm nhạc cổ xuy**.

Nhạc Cổ xuy hiểu đơn giản là một tập hợp nhạc khí gõ và hơi. Xuy có nghĩa là Thổi, chỉ cách thức kích âm điển hình của nhạc khí hơi; còn Cổ thuần túy là trống. Như vậy, chúng ta thấy xuất hiện ở đây một tổ chức âm nhạc khá phong phú về chủng loại, gồm có:

La: Mã la (hay còn gọi là Dẫn la), Đại la, Đại bát, Tiểu bát, Tô la, Thâm la, Nguyệt la, Cầu tử la (theo thứ tự từ lớn đến nhỏ)

Cổ: Đại cổ.

Xuy: Đại Sô na, Tiểu sô na, tiêu.

Vào thời kỳ nhà Đường, giai đoạn phát triển cực thịnh của văn hóa âm nhạc trong lịch sử các vương triều phong kiến Trung Quốc, nhạc Cổ xuy thuộc Quân nhạc, bộ phận duy nhất chịu sự quản lý của Thái thường tự - cơ quan quản lý nhà nước về âm nhạc dưới

triều đại phong kiến. Quân nhạc cũng giống như Nhã nhạc, nó thực chất đều là âm nhạc nghi lễ, thường có quy mô hoành tráng và mang tính chất bảo thủ những tập tục cũ. Việc biểu diễn tuần hành trên đường phố chính là một trong những hoạt động truyền thống của loại hình âm nhạc này được ký thác trên thực thể của nhạc lễ trong môi trường tôn giáo ngày nay.

3 Sự hồi sinh của âm nhạc đường phố

Ngày nay, môi trường biểu diễn của nhạc lễ có phần bị thu hẹp trước sự xâm lấn, thay thế của nhiều dạng thức văn hóa khác; song, vào những dịp diễn ra hoạt động truyền thống, đặc biệt như tết Nguyên đán, Nguyên tiêu, Vu lan, Trung thu, chúng nhập thân dưới những hình thái khác nhau nhằm thể hiện thuộc tính đa dạng của mình. Biểu diễn âm nhạc tuần hành trên đường phố không gì khác hơn việc phục hiện lại bức tranh sinh hoạt trong quá khứ; ở đó, âm nhạc coi như thực thể được ký thác trên chính con người văn hóa lưu truyền qua các thế hệ. Mặc dù hình ảnh của quá khứ không thể còn hiện diện một cách đầy đủ trong đời sống thường nhật, nhưng dấu tích của nó vẫn để lại qua các hoạt động mừng lễ Nguyên tiêu... Vào dịp này, người ta tập hợp thành viên của mình tại cơ sở sinh hoạt (thường là cơ sở tín ngưỡng), cơ cấu ban nhạc kết hợp thêm đội hình nghi thức, gồm những người cầm cờ, lọng, gánh hoa, tước, binh, trẻ nhỏ cầm đèn, trên cờ ghi những chữ cát tường: như Quốc thái dân an, Như ý cát tường, Hợp cảnh bình an... Đến giờ quy định, toàn đội hình sắp thành hàng dọc tiến hành tuần hành trên nhiều tuyến đường quanh khu vực Chợ Lớn - khu đô thị cũ tập trung nhiều hội quán, cơ sở tín ngưỡng của người Hoa. Quá trình tuần hành phải di chuyển qua nhiều cơ sở tín ngưỡng. Lộ trình có thể phải điều chỉnh linh hoạt tùy thuộc vào tình hình giao thông. Trong quá trình di chuyển, các nhóm nhạc đều phải diễn tấu ở tư thế đứng. Nếu tính toàn bộ, kể cả đội hình nghi thức có khi lên tới hàng trăm người. Riêng đội hình dàn nhạc, đồng nhất tập trung vào la (chiêng). Vì âm thanh của chúng phát ra rộn ràng, âm lượng lớn... lợi thế ở môi trường ngoài trời. Giữa đường phố ồn ào, âm lượng của chiêng, trống phát huy được tối đa hiệu quả của mình.

Nghệ thuật giống như cây đời mọc lên trên chính mảnh đất màu mỡ của xã hội, chứ không phải những chiếc "biển" được gắn lên một cách thực dụng, tầm thường. Nghệ thuật bản thân đã là một hoạt động trình diễn, mang tính phức hợp, chúng ta không thể nhìn nhận nó dưới bất kỳ lăng kính phiến diện nào và càng không cần đến sự ủy thác của những nỗ lực "chứng tỏ rằng ta có văn hóa hay không". Hoạt động nghệ thuật có cơ chế tự điều tiết, sẽ thực sự phát huy hiệu quả trong xã hội với sự kiện toàn của các thiết chế văn hóa và một môi trường mang đậm tính nhân văn. ■

Hãy tự mình nuơng tựa chính mình

THANH NHU

Khác với quan điểm của các tín ngưỡng thần quyền nhìn con người bằng con mắt yếu kém với số phận hoàn toàn tùy thuộc vào uy quyền phán xét của Thượng đế hay ân sủng của các thần linh, Đức Phật khẳng định con người là chủ nhân của số phận mình; rằng con người có khả năng hoàn thiện chính mình, rằng hạnh phúc hay khổ đau của con người không do ai ban cho mà do người ấy tự quyết định bằng chính lối sống của mình. Theo kinh nghiệm giác ngộ của Phật¹ thì mỗi cá nhân đều có sẵn những tiềm năng vô tận, đáng được vận dụng để tạo lập hạnh phúc cho chính mình hay khiến cho mình trở nên hoàn thiện. Phật gọi các tiềm năng như vậy là tài sản tự nội (*ajjhatabhoga*) hay năng lực giác ngộ (*bodhibala*) và khuyên mọi người nỗ lực phát huy. Ngài nêu rõ:

“Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Thế nào là năm? Tín lực, tầm lực, quý lực, tinh tấn lực, tuệ lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: ‘Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn’. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tín lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tầm lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng hổ thẹn đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, hổ thẹn đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tầm lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quý lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sợ hãi đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy, này các

Tỷ-kheo, được gọi là quý lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh tấn lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì tinh tấn, không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tinh tấn lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập bậc Thánh vào con đường đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ lực.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm sức mạnh của bậc Hữu học. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: ‘Ta sẽ thành tựu tín lực, được gọi là hữu học lực... tầm lực... quý lực... tinh tấn lực... ta sẽ thành tựu tuệ lực, được gọi là hữu học lực’. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập”².

Để cập về kết quả của việc vận dụng năm sức mạnh này, Đức Phật xác nhận:

“Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là cõi lành. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có lòng hổ thẹn, có lòng sợ hãi, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là cõi lành”³.

Phật nói về con người và hạnh phúc của con người thật rõ ràng và thực tế. Con người là chủ nhân ông của chính mình, có đầy đủ tiềm năng hay năng lực để tự kiến tạo hạnh phúc an lạc cho chính mình. Con người không cần chờ mong ân huệ cứu rỗi của Thượng đế

hay cầu khẩn bất cứ năng lực siêu nhiên nào ở bên ngoài để giúp cho mình được hạnh phúc an lạc. Thay vào đó, con người cần nhận rõ các tiềm năng vốn có của mình - tín lực, tầm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực - và nỗ lực phát triển chúng thì an lạc sẽ đến và ở bên ta.

Tín lực (*Saddhà-bala*) hay sức mạnh của lòng tin là yếu tố thứ nhất mà con người cần phát huy để thiết lập hạnh phúc an lạc. Đó chính là lòng tin tưởng mạnh mẽ vào sự giác ngộ của Phật, một con người giống như bao người khác đã nỗ lực hoàn thiện chính mình bằng cách phát huy các tiềm năng giác ngộ - giới đức, tâm đức, tuệ đức, giải thoát và giải thoát tri kiến đức - trong chính mình và đã tận tâm trao truyền kinh nghiệm giác ngộ của mình cho người khác vì tin tưởng ở đức năng giác ngộ của mọi người. Tin tưởng ở sự giác ngộ của Phật cũng có nghĩa là tin tưởng ở khả năng giác ngộ của chính mình, vì Phật cũng chỉ là một con người đã đạt đến giác ngộ bằng nghị lực của bản thân. Một niềm tin như vậy là chính đáng, cần được phát huy, vì nó có công năng đánh thức thiện tâm, nuôi dưỡng ý chí giác ngộ, thúc đẩy năng lực tinh cần trong tiến trình thực hành lý tưởng giác ngộ.

Tầm lực (*Hiri-bala*) hay sức mạnh của lòng hổ thẹn là yếu tố tiếp theo cần được phát huy để thiết lập đời sống hạnh phúc an lạc. Tầm có nghĩa là tâm lý thấy xấu hổ hay cảm thức hổ thẹn về các hành vi xấu ác, bất thiện thuộc thân, khẩu, ý, hoặc đã biểu lộ ra bên ngoài hoặc đang tiềm tàng ở trong tâm thức. Đây là một hình thái tâm thức hiển thiện vốn có sẵn và trôi chảy khá tự nhiên trong mỗi con người. Nó có công năng bảo vệ và duy trì sự an ổn thanh thân trong cơ cấu nhân sinh, vì nó có khả năng làm trong sạch nguồn lực tâm linh của con người nhờ tính năng phản kháng đối với mọi cái xấu ác. Do tính năng của nó, tầm có chức năng giúp con người ngăn tránh mọi động cơ xấu ác, mọi hành vi bất thiện; vì vậy một khi nó được nuôi dưỡng và phát huy mạnh mẽ thì các động cơ xấu ác sẽ được đẩy lùi, được khắc phục, không còn cơ hội để biến thành hành động. Nói cách khác, khi nào tầm có mặt thì khi ấy mọi hành vi của con người sẽ là đạo đức, hiển thiện, không rơi vào xấu ác, bất thiện.

Yếu tố thứ ba là quý lực (*Ottappa-bala*) hay sức mạnh của lòng sợ hãi về việc vi phạm các điều ác, bất thiện thuộc thân hành, khẩu hành và ý hành. Tương tự như tầm, quý cũng là một dạng tâm lý hiển thiện hiện hữu và vận hành khá tự nhiên trong tâm thức con người. Đây cũng là một hình thái tâm thức có công năng giúp điều chỉnh và hoàn thiện tư cách đạo đức của nhân sinh, vì nó là tâm lý biết lo sợ về hậu quả nguy hại của các động cơ xấu ác, của mọi hành vi bất thiện, có chức năng phản kháng và ngăn tránh mọi điều ác, bất thiện. Vì thế một khi quý được nuôi dưỡng và phát huy thì mọi hành vi của con người sẽ hiển thiện, không xấu ác, đạo đức con người sẽ tăng trưởng và lớn mạnh.

Trong giáo lý đạo Phật, cùng với tầm, quý (tầm quý) được xem là nền tảng của giới hạnh hay nhân trực tiếp của đời sống đạo đức.

Tinh tấn lực (*Viriya-bala*) hay sức mạnh của sự nỗ lực tinh cần trong lối sống tu học Phật pháp được xem là yếu tố quan trọng thứ tư trong tiến trình thực nghiệm hạnh phúc an lạc. Theo quan niệm của Phật thì hạnh phúc an lạc là sự vắng mặt các yếu tố gây phiền muộn khổ đau như tham-sân-si hay các hành vi ác, bất thiện thuộc thân, miệng, ý (sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến). Vì vậy, để có được hạnh phúc an lạc thì trước hết con người cần phải nhận diện cho thật rõ về lẽ thiện ác và cần phải quyết tâm dứt bỏ điều ác, nỗ lực làm các việc lành. Đây chính là ý nghĩa căn bản của Chánh tinh tấn (*Sammā-vāyama*) được nói đến trong đạo Phật. Ngoài ra, Chánh tinh tấn cũng có nghĩa là nỗ lực vượt qua chính mình trên bước đường tu tập để lần lượt đạt đến mục đích cứu cánh. Theo nghĩa này thì Chánh tinh tấn chính là sự vượt qua mọi tiến bộ đạo đức và tâm linh mà mình đã thực nghiệm được để tiếp tục hướng đến mục đích giải thoát tối hậu. Nhìn chung, người học tu theo pháp của Phật được xem là người luôn luôn tinh cần tinh tấn, tinh tấn nuôi dưỡng đạo đức (giới), tinh tấn phát triển tâm thức (định) và tinh tấn phát huy trí tuệ (tuệ). Do chức năng của nó, tinh tấn được xem như một yếu tố quan trọng được vận dụng xuyên suốt trong tiến trình tu học đạo lý giải thoát của người con Phật. Phật khuyến các học trò mình phát huy Chánh tinh tấn, vì nó là nguồn lực giúp cho con người tiến bộ về đạo đức, tâm linh và trí tuệ, tuân tự đạt đến mục tiêu cứu cánh giải thoát, giác ngộ.

Yếu tố thứ năm và cũng là yếu tố hết sức quan trọng để giúp cho con người tìm thấy hạnh phúc thực sự chính là tuệ lực (*Panāna-bala*) hay sức mạnh của sự thấy rõ các pháp đúng như thật (*yathabhūtam pajānāti*). Theo quan niệm của đạo Phật thì sở dĩ con người cứ bị khổ đau chi phối, không đạt được hạnh phúc thực sự ấy là bởi thiếu hiểu biết đúng đắn về bản chất của sự sống hay thiếu trí tuệ. Do thiếu trí tuệ hay do mê mờ về bản chất của sự kiện hiện hữu nên con người bị giam hãm mãi trong vòng trầm luân khổ đau bởi những việc làm sai lầm, những hành vi chứa đầy tham-sân-si. Hết thấy mọi thứ trên cuộc đời là vô thường, khổ đau, ta không làm chủ được, nhưng do dục vọng và vô minh, con người không có đủ tinh táo và sáng suốt để tiếp nhận và hành xử mọi việc đúng như bản chất của chúng. Do thiếu trí tuệ, con người cứ bị ám ảnh và đẩy đưa qua lại giữa các đối cực có không, hơn thua, được mất giữa cuộc đời; không ngừng rơi vào tham đắm hoặc giận dữ bức phiền đối với mọi thứ thuận duyên hay nghịch ý. Đây chính là lý do khiến con người bị trói chặt trong vòng luân quần khổ đau, không tìm thấy tự do, hạnh

phúc, an lạc. Đức Phật thấy rõ thực trạng yếu kém này của chúng sinh nên khuyên dạy chúng ta phải biết nuôi dưỡng và phát huy trí tuệ.

Trí tuệ được nói đến trong đạo Phật là một loại năng lực tâm thức có khả năng phá vỡ và loại trừ các tập khí tham-sân-si, gốc rễ của mọi mê lầm khổ đau. Nó là hệ quả của lối sống thực hành giới đức và thiền định sâu sắc, có khả năng chặt đứt mọi gốc rễ của khổ đau bởi nó thấy rõ bản chất vô thường, khổ, vô ngã của hết thảy mọi sự kiện hiện hữu, không còn mê lầm, không rơi vào các hành động sai lầm do tham và sân kích động. Nói cách khác, trí tuệ là một kinh nghiệm tâm linh sâu sắc, thấy rõ bản chất bất toại của mọi sự vật và hiện tượng nên không còn thích thú ôm ấp hoặc đeo bám vào những gì hiện hữu hoặc không hiện hữu. Nó là năng lực tâm linh có khả năng buông bỏ mạnh mẽ, hướng tâm thức vượt ra ngoài mọi đối cực, đạt đến tự do, giải thoát mà thuật ngữ đạo Phật gọi là *"có khả năng đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn"*.

Nhìn chung, Đức Phật khuyên chúng ta phải biết nuôi dưỡng và phát huy tín lực, tầm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực, vì chúng là các yếu tố có khả năng giúp cho chúng ta đạt đến hoàn thiện, đạt đến tự do, giải thoát, không còn bị khổ đau chi phối. Chúng là các sức mạnh tự nội, có khả năng điều chỉnh và hoàn thiện nhân tính, hướng con người đạt đến hạnh phúc tối hậu, hoàn thành mục tiêu cứu cánh của nhân sinh. Theo lời dạy của Phật thì con người không cần phải tìm kiếm ở đâu xa các nguồn lực để hoàn thiện chính mình hay để thiết lập hạnh phúc an lạc. Con người chỉ cần nhìn vào chính mình thì thấy ngay các tiềm năng trọng yếu đang chờ mình khai sáng và vận dụng. Đó chính là tín lực, tầm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực, có khả năng giúp cho mỗi người hoàn thiện giới đức, tâm đức, tuệ đức, thành tựu mục đích giải thoát và giải thoát tri kiến. Một trong những lời nhắn nhủ gần như cuối cùng của Ngài trước lúc nhập Niết-bàn, Đức Phật khuyên các đệ tử: *"Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một cái gì khác. Dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một cái gì khác"*⁴. Lời nhắn nhủ quan trọng ấy của bậc Đạo sư chính là lời khuyên nhắc mọi người phát huy năng lực giác ngộ vốn có trong chính mình, vì đó chính là chỗ nương tựa vững chắc nhất cho mục tiêu giác ngộ của mỗi người, và vì đó chính là Chánh pháp mà chư Phật muốn chỉ bày cho hết thảy chúng sinh. ■

Chú thích:

1. Kinh *Chưa được nghe*, Tăng Chi Bộ.
2. Kinh *Rộng rãi*, Tăng Chi Bộ.
3. Kinh *Khổ*, Tăng Chi Bộ.
4. Kinh *Đại bát Niết-bàn*, Trường Bộ.





Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

“**T**ất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh ấy là Thường Lạc Ngã Tịnh.” Câu nói đó lặp đi lặp lại nhiều lần trong kinh *Đại Bát Niết-bàn*, cũng là chủ đề Phật tánh của kinh.

Phẩm Bồ-tát Sư tử rống nói:

“Sư tử rống là lời nói quyết định: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Như Lai thường trụ không biến đổi”.

Sư tử tượng trưng Đức Phật, bậc tối thượng trong ba cõi. Rống là lời tuyên bố dũng mãnh của Trí huệ và Đại bi. Trí huệ vì soi thấy thật tánh của muôn loài là Phật tánh. Đại bi vì lời nói ấy bao trùm tất cả muôn loài.

Phật tánh này là cảnh giới của chư Phật, là Đại Niết-bàn.

“Phật tánh của chúng sanh là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải bậc Thanh văn, Duyên giác biết được. Tất cả

chúng sanh vì chẳng thấy Phật tánh nên thường bị phiền não trói buộc mà phải lưu chuyển trong sanh tử. Chư Phật thấy Phật tánh nên phiền não kiết sử không thể trói buộc, do đây giải thoát sanh tử, được Đại Niết-bàn.”

“Núi cao ở bờ bên kia là ví cho Như Lai, hưởng an vui ví cho Phật thường trụ. Núi cao lớn ví cho Đại Niết-bàn” (Phẩm Bồ-tát Sư tử rống).

Phật tánh là tánh Giác viên mãn, Phật tánh là Phật: “Nghĩa Phật tánh là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” (Phẩm Phạm hạnh).

“Quả thật, Đại Niết-bàn đây là thiên định rất sâu của chư Phật” (Phẩm Hiện bệnh).

Đại Niết-bàn hay Phật tánh là Thường Tịch Diệt Quang: “Thường Tịch Diệt Quang gọi là Đại Niết-bàn” (Phẩm Ứng tạn hoàn nguyên).

Tại sao kinh nói Đại Niết-bàn mà không chỉ nói Niết-bàn? Sở dĩ nói Đại Niết-bàn, vì Đại này bao trùm cả sanh tử lẫn Niết-bàn. Đại Niết-bàn bao trùm cả sanh tử lẫn Niết-bàn, và là tánh (pháp tánh) của sanh tử và Niết-bàn. Tánh của sanh tử và Niết-bàn nghĩa là tánh của dơ (sanh tử) và sạch (Niết-bàn), nghĩa là tánh ấy không dơ không sạch, theo nghĩa vượt khỏi dơ và sạch. Tánh đó được gọi là Phật tánh. Tánh đó không tăng ở các bậc giác ngộ, không giảm ở chúng sanh. Tánh đó vốn không sanh không diệt.

"Này thiện nam tử! Phật tánh không sanh không diệt, không đến không đi, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải do nhân làm ra cũng chẳng phải không nhân, chẳng phải tạo tác, chẳng phải tác giả, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, chẳng phải có danh chẳng phải không danh, chẳng phải danh sắc, chẳng phải dài ngắn, chẳng phải nắm giữ trong ấm giới nhập. Vì thế nên Phật tánh gọi là thường.

"Này thiện nam tử! Phật tánh là Như Lai, Như Lai là Pháp, Pháp là thường.

"Này thiện nam tử! Thường là Như Lai, Như Lai là Tăng, Tăng là thường" (Phẩm Thánh hạnh).

Phật tánh chẳng phải quá khứ hiện tại vị lai; Phật tánh chẳng phải ở trong sự chuyển dịch của thời gian, nên bất cứ thời gian nào cũng có Phật tánh. Phật tánh không sanh không diệt, không đến không đi, nên bất cứ không gian nào cũng có Phật tánh.

Phật tánh không tùy thuộc vào không gian thời gian, mà lại thường trụ, cho nên Phật tánh ấy phải có mặt trong tất cả không gian thời gian. Nghĩa là Phật tánh ấy phải có mặt tại đây và bây giờ. Đó là ý nghĩa thường trụ của Phật tánh.

Kinh nói, "Dù Phật có ra đời hay không, Phật tánh hay pháp giới vẫn thường trụ" (Phẩm Bồ-tát Sư tử rống).

Phật tánh có mặt ở đây và bây giờ nên chúng ta có thể thấy được Phật tánh. Kinh nói, "Bậc Thập trụ Bồ-tát thấy Phật tánh, dù chưa rõ ràng".

Chúng ta đang ở trong Phật tánh như cá ở trong biển nhưng chúng ta chưa chứng nghiệm được điều đó. Như không khí có ở khắp nơi, chúng ta đang sống trong không khí, nhưng chúng ta chưa chứng nghiệm được không khí ở trong thân ta và ở khắp bên ngoài. Sở dĩ chúng ta chưa chứng nghiệm được vì những phiền não chướng và sở tri chướng che lấp khiến chúng ta còn chưa tin Phật tánh đang hiện diện ở đây và bây giờ. Thế nên kinh nói, "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng cần phải tu hành Thánh đạo vô lậu rồi mới thấy được" (Phẩm Bồ-tát Sư tử rống).

Tu hành có hai:

- Dùng trí huệ phá tan phiền não chướng và sở tri chướng để thấy Phật tánh.

- Quan sát trực tiếp Phật tánh để thấy Phật tánh ("Nếu Đại Bồ-tát quan sát Phật tánh như vậy thì thấy được rõ Phật tánh" – Phẩm Bồ-tát Sư tử rống).

Kinh thường nói Phật tánh "chẳng phải tức, chẳng

phải lia". Chẳng phải tức là các pháp, vì Phật tánh siêu vượt các pháp. Chẳng phải lia các pháp, vì Phật tánh vẫn nội tại nơi các pháp.

Thấy tất cả mọi sự vật, có sự sống hay không có sự sống, chung quanh và mọi cái bên trong mình đều là Vô tướng, Vô tướng ấy là Một tướng, Một tướng là Phật tánh. Thấy tất cả bóng đều là gương, thấy tất cả hình tướng đều nằm trong gương Phật tánh và là gương Phật tánh. Thấy tất cả sóng đều là đại dương, đồng một tánh nước. Thấy tất cả mọi sự đồng một tánh vàng.

Đó là sự quan sát trực tiếp Phật tánh. Sự quan sát này càng ngày càng mạnh mẽ vì có cơ sở là lòng tin vào nền tảng Phật tánh của tất cả mọi sự:

"Tín tâm là nhân của Giác ngộ vô thượng. Dầu Giác ngộ có vô lượng nhân, nhưng nói tín tâm thì đã nhiếp hết cả.

"Này thiện nam tử! Dù Như Lai nói vô lượng các pháp, đó là Phật tánh, nhưng chẳng lia ấm giới nhập vậy" (Phẩm Bồ-tát Ca-diếp).

Trong Phật tánh, các pháp tu không còn là phương tiện để đạt đến Phật tánh, mà chúng chính là cứu cánh Phật tánh.

"Sắc thọ tưởng hành thức là Phật tánh... Phật tánh chẳng phải tức sáu pháp nhưng cũng chẳng lia sáu pháp. Vì thế ta nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải sắc chẳng phải li sắc, cho đến chẳng phải ngã, chẳng phải lia ngã...

"Đại từ đại bi đại hỷ đại xả gọi là Phật tánh. Vì sao thế? Tất cả chúng sanh tất định sẽ được đại từ đại bi đại hỷ đại xả, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi đại hỷ đại xả chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

"Đại tín tâm gọi là Phật tánh. Vì sao thế? Vì do tín tâm mà đại Bồ-tát được đầy đủ Bồ thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, tất cả chúng sanh tất định sẽ được đại tín tâm, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại tín tâm chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

"Mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Vì sao thế? Vì do nhân duyên mà Như Lai được thường trụ. Vì tất cả chúng sanh đều tất định có mười hai nhân duyên như vậy, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Mười hai nhân duyên chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai" (Phẩm Bồ-tát Sư tử rống).

Thấy Phật tánh tức là thấy tánh và tướng của sanh tử là Niết-bàn. Vị tổ thứ hai của dòng Thiền Vô Ngôn Thông là Cầm Thành (thế kỷ thứ 9) khi có vị Tăng đến hỏi, "Thế nào là Phật?", Sư đáp, "Khắp tất cả chỗ". Lại hỏi, "Thế nào là tâm Phật?", Sư đáp, "Chẳng từng che giấu".

"Khắp tất cả chỗ" và "Chẳng từng che giấu" là sự bình đẳng rốt ráo của Phật tánh. Cho đến Nhất-xiển-đề cũng có Phật tánh, như kinh nói. Đây là sự bình đẳng, hay không hai, bất nhị của Niết-bàn và sanh tử, sự bình đẳng hay không hai của chúng sanh và các bậc giác ngộ.



Chúng ta đang sống trong tánh bình đẳng, tánh không hai ấy của Phật tánh. Toàn bộ kinh Đại Bát Niết-bàn là để cho chúng ta có được sự Khai Thị Ngộ Nhập Phật tánh ấy. Đây là lòng tin đưa chúng ta thể nhập “đại dương tịch diệt của chư Phật” (câu trong kinh *Viên Giác*). Đại dương ấy là Phật tánh.

Phật tánh như hư không. Không chúng sanh nào có thể ở ngoài hư không. Và hư không thì vô ngại, vốn tự giải thoát:

“Phật tánh hay Đại Niết-bàn thì không ép bức, như hư không. Giải thoát cũng vậy. Hư không kia thí dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai” (Phẩm Bốn tướng).

Quán sát thân tâm mình đang ở trong Phật tánh như hư không và thân tâm cũng như hư không, trong và ngoài đồng như hư không, người ta bắt đầu đi vào Phật tánh vốn không chướng ngại.

Phật tánh là Đệ nhất nghĩa Không. Bồ-tát tu Phật tánh là tu tánh Không:

“Đại Bồ-tát trụ bình đẳng Không, thời chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, họ hàng quyến thuộc, người oán thù, người không thân không oán, cho đến chẳng thấy ấm, giới, nhập, chúng sanh, thọ mạng. Giống như hư không, không có tất cả những cái ấy. Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp cũng như vậy. Tâm Bồ-tát bình đẳng như hư không, vì Bồ-tát khéo tu tập những pháp Không.

“Không ấy là Nội Không, Ngoại Không, Nội Ngoại Không, Hữu Vi Không, Vô Vi Không. Vô Thủy Không, Tánh Không, Vô Sở Hữu Không, Đệ Nhất Nghĩa Không, Không Không, Đại Không” (Phẩm Phạm hạnh).

Chúng ta trích một đoạn về Vô Thủy Không để thấy tánh Không và Thường Lạc Ngã Tịnh của Phật tánh liên hệ thế nào.

“Bồ-tát quán Vô Thủy Không như thế nào? Đại Bồ-tát thấy sanh tử không có chỗ khởi đầu, hết thảy đều không tịch. Đó gọi là Không. Thường Lạc Ngã Tịnh thảy đều không tịch, không có biến đổi. Chúng sanh, thọ mạng, Tam Bảo, Phật tánh và pháp vô vi cũng như vậy. Đây gọi là Bồ-tát quán Vô Thủy Không.” (Phẩm Phạm hạnh).

Tánh Không và Phật tánh Thường Lạc Ngã Tịnh là một. Thế nên, kinh không chỉ nói Phật tánh là tánh Không, mà còn gọi là Thường trụ, Cảnh giới chư Phật, Như Lai tạng, Bảo tạng, Thân kim cương của Như Lai, Phật pháp, Trung đạo, Hoa sen vi diệu, Bảo tạng Kim cương, Thường Lạc Ngã Tịnh...

Phẩm Bồ-tát Sư tử rống nói Phật tánh là Không mà Bất Không, hay Trung đạo. Nếu dùng chữ của Đại thừa thì Phật tánh là Chân Không Diệu Hữu. Điều cốt tử đối với chúng ta là chúng ta đang sống trong Trung đạo Chân Không Diệu Hữu đó, dù có biết hay không, có nhận thức được hay không.

Chúng ta đang sống trong Phật tánh. Và trong Phật tánh, sanh tử tức là Niết-bàn:

“Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Bạch Thế tôn, trong đệ nhất nghĩa đế có thể đế chẳng? Trong thế đế có đệ nhất nghĩa đế chẳng?”

“Đức Phật trả lời, ‘Này thiện nam tử! Thế đế chính là đệ nhất nghĩa đế... Này thiện nam tử! Năm ấm hòa hợp mà xưng là tôi. Chúng sanh phàm phu tùy theo đó mà tự xưng, đây gọi là thế đế. Hiểu biết năm ấm không có tên gọi người này người kia, lìa năm ấm cũng không có tên gọi người này người kia. Người xuất thế đúng như tánh tướng mà hiểu biết thì gọi là đệ nhất nghĩa đế’” (Phẩm Thánh hạnh).

Chúng ta đang sống trong “Thường Tịch Diệt Quang, tức là Đại Niết-bàn của chư Phật” (Phẩm Ứng tận hoàn nguyên). Thường Tịch Diệt Quang này trùm khắp ba cõi và là nền tảng vô sở trụ của ba cõi.

Chúng ta đang sống trong Phật, vì Phật là “thường trụ”, “thân Kim cương của Như Lai là vô tận” (Phẩm Văn tự), Phật là “Vô biên thân” (Phẩm Bồ-tát) cho nên dù có biết hay không, dù có muốn hay không, chúng ta luôn luôn ở trong Phật.

Chúng ta đang sống trong Phật. Tất cả sắc đều là sắc Phật, tất cả âm thanh đều là âm thanh Phật, tất cả hương vị xúc pháp đều là hương vị xúc pháp Phật. Tất cả căn trần thức đều là căn trần thức Phật. Chúng ta đang ở trong Mạn-đà-la vũ trụ Kim cương giới của chư Phật:

“Lại nữa, thiện nam tử! Phạm chỗ nào có kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này truyền bá, phải biết đất ấy là kim cương, những người ở đó cũng như kim cương. Nếu ai có thể nghe được kinh này liền không thối chuyển với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều được thành tựu những điều mong nguyện” (Phẩm Bốn y). ■

Sương khói sông Hương

THỊ GIỚI

Muốn viết một bài về Huế nhưng viết rồi lại bỏ. Mới chợt hiểu câu thơ của Hàn Mặc Tử “Áo em trắng quá nhìn không ra”.

Mà có lẽ chẳng những áo trắng, mà áo xanh, áo vàng, áo đỏ... cũng sẽ “nhìn không ra” trong màu sương khói của Huế, của sông Hương. Màu đó là màu của không gian pha với màu thời gian, màu âm thanh pha với màu của mùi hương và sự tĩnh lặng.

Màu không gian của sông Hương là màu xanh biếc, có khi lại trắng ngát như cái thấy của thi sĩ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu (*Chơi Huế* - 1921). Màu thời gian của sông Hương là cái màu đọng lại từ thời Huyền Trân công chúa về Chiêm, thời Nguyễn Hoàng mở cõi, Nguyễn Huệ giông thuyền trên dòng sông chưa có tên Hương... Tiếng của sông Hương là tiếng chuông chùa Thiên Mụ từ hòa hòa trong điệu hò câu hát Nam Ai, Nam Bình, nỗi lòng thiết tha muôn thuở của nhân sinh. Mùi của sông Hương là mùi của hương và sen, là mùi của thạch xương bồ, hoặc mùi của huyền thoại nói rằng vì quá yêu con sông nên người dân hai bên bờ nấu nước thơm để đổ xuống dòng sông, hay là cái mùi thoang thoảng của đất trời cỏ cây, mùi của ban mai tinh khôi, của buổi chiều tha thiết...

Chỉ có thể nói màu của Huế, của sông Hương là “màu sương khói”. Và đúng như câu thơ tiếp theo của Hàn Mặc Tử, “Ở đây sương khói mờ nhân ảnh”. Sương khói sông Hương làm cho con người mờ nhạt, cá thể mờ nhạt, bản ngã hòa tan. Phải chăng trong màu sương khói đó, màu áo trắng sẽ hòa với màu của thời gian, màu áo xanh sẽ hòa với màu của không gian, màu áo vàng sẽ hòa với màu của vũ trụ, màu áo tím sẽ hòa với màu của những câu hò, giọng hát...? Và không còn lại gì cho một cá thể!

Có một cái hồn khép mở nằm sau mọi cảnh vật, mọi con người ở đây. Sông Hương lớn mà mặt nước phẳng lờ. Những ngôi chùa, lăng tẩm cũng có một không khí yên tĩnh, phẳng lờ như vậy, dù ngoài kia thế giới đang gia tốc biến đổi. Hình như khuôn mặt thật của Huế chỉ thấp thoáng phía sau những biểu hiện nghe được, thấy được. Cũng như lời của Hàn Mặc Tử “Lá trúc che ngang mặt chữ điền.” Có một khuôn mặt thật của Huế, cái bỗng lai diện mục của Huế, nằm bên sau những thành trì lăng tẩm, những núi Ngự, sông Hương, những chùa chiền am thất...

Một buổi sáng trước khi rời Huế, ngồi trong một quán cà phê phường Vĩ Dạ cạnh bờ sông Hương. Hồn còn phẳng phất hương vị trầm lắng yên tĩnh của những cảnh chùa vừa viếng, nhìn sương khói sông Hương dưới mưa phùn. Phải chăng khói sương đó có thể làm cho hồn người chìm đắm mơ màng, cũng có thể làm cho con người tìm về với cội nguồn của cảm xúc, của thấy và nghe?

Nhớ một bài thơ của Basho trong *Back Road To Far Town* (Oko-No-Hosomichi):

Mùa xuân đi
chim khóc cá
mất lệ A Di Đà.

Vàng, nước từ bi thấm đẫm khắp thế gian, cũng như Đức Quán Thế Âm nhỏ lệ A Di Đà để hóa thành những vị Tara ở khắp thế gian. Nước từ bi đó được nhìn thấy rõ ràng hơn ở những nơi có thể đưa tâm hồn vào không gian rộng lớn, vào thời gian xa xăm để cảm nhận được tính chất vô thường, dâu bể của đời sống. Cái lãng mạn của Huế là cái lãng mạn dần trải xa xăm, cái cô đơn của Huế là cái cô đơn của lòng người giữa đất trời rộng lớn. Trong bài thơ gốc tiếng Nhật của Basho không đề cập đến A Di Đà, nhưng có lẽ đó là cảm xúc thật sự của Cid Corman, cũng là một thi sĩ và có thời gian sống ở Nhật, dịch cùng Kamaike Susumu. Những người niệm Phật A Di Đà, mỗi khi có sự va chạm sâu thẳm trong tâm, hầu như Đức Phật A Di Đà lại hiện về như là một mảng nền yên ả thanh tịnh của tâm.

Có khi nhìn thấy sương khói sông Hương thì đồng thời cũng thấy được sự êm đềm, tĩnh lặng, nét dịu dàng trầm tư của sông Hương. Khi nghe tiếng chuông chùa vang vọng tan biến vào hư không trên sông Hương, đồng thời nghe được sự tĩnh lặng vô cùng của vũ trụ, của thời gian, và của lòng mình.

Và phải chăng đó là những giọt nước mắt đậm đà, chất nước từ bi đã sinh ra những bậc cao tăng, nhân tài xứ Huế.

Trong tiếng chuông Thiên Mụ thả xuống dòng sông Hương lan tỏa khắp Huế là những giọng hò réo rắt, là những tà áo trắng thơ ngây, những mối tình lãng mạn. Và trong tiếng chuông chùa đó cũng là chí nguyện giải thoát độ sanh, những tâm tư vì đạo vì đời, những con người mang ý chí hiến dâng cho tổ quốc quê hương.



Đến Huế tự nhiên người ta hướng tâm vào không gian tĩnh mịch, vào thời gian mật mờ dầu bể. Sương khói ở đây hoặc làm cho con người không nhận rõ được mình, hoặc làm cho con người nhận ra được vị trí thật của mình trong cái vũ trụ bao la. Con người ở đây hoặc chìm trong ảo mộng, hoặc biết mình đang ở trong một cơn mộng lớn.

Kinh đô của bất cứ nơi nào cũng đều là nơi chứng kiến nhiều cuộc dâu bể tang thương. Và qua lịch sử xây dựng bờ cõi và giữ gìn đất nước, Huế cũng trải qua nhiều dâu bể tang thương. Nhưng Huế cũng đã giữ được nét thanh bình sâu lắng của một dòng sông. Tiếng ca buồn thăm thẳm quyện trong tiếng chuông chùa thanh thoát làm cho Huế như ảo như thật, như có như không.

Theo các bậc Đạo sư, tính chất chân thật của Tâm hay của pháp giới là rỗng không, thức giác và vô ngại hay vô biên. Nói theo kinh *Hoa Nghiêm* thì rỗng không hay Không cũng đồng nghĩa với vô ngại hay vô biên. Trong pháp giới vô biên đó, có những thế giới của không gian và thời gian, và những thế giới đó dù phân biệt riêng rẽ nhưng đồng thời cũng ở trong nhau và hòa điệu nương vào nhau.

Như sương khói sông Hương. Phải chăng có thế giới nương trên màu sắc, có thế giới nương trên âm thanh, có thế giới nương trên mùi hương, có thế giới nương trên thời gian, có thế giới nương trên hư không, hoặc nương trên tất cả những thứ đó. Tùy theo tâm thức của người đối diện mà thấy một thế giới hay nhiều thế giới đó. Và phải chăng đạo Phật Huế cũng đã nương trên đó mà tồn tại và trang nghiêm. Và tính chất như huyền như mộng, như thực như hư đó đã làm Huế trở thành Huế, làm sông Hương trở thành sông Hương? Và phải chăng đất trời đó đã làm cho Phật giáo Huế - cái nôi của Phật giáo Việt Nam - nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung tuy bằng bạc mà không tách rời với lịch sử, với đời sống.

Có sự trùng hợp vô tình hay cố ý giữa cái tên Hương Giang của Huế với Hương Thủy trong kinh *Hoa Nghiêm*. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, những con sông Hương Thủy và biển Hương Thủy được coi là cái nền của mọi thế giới hay pháp giới.

Kinh nói rằng có vô số những con sông Hương Thủy bao quanh những biển Vô Biên Diệu Hoa Hương Thủy. Biển Hương Thủy đứng yên nhưng những con sông Hương Thủy thì chảy vòng chung quanh biển theo phía hữu. Và trong biển Vô Biên Diệu Hoa Hương Thủy và sông Hương Thủy này có vô số thế giới với vô số tướng trạng được thành lập, mỗi thế giới lại có vô số thế giới bao quanh. Những thế giới đó đều được xây dựng trên nghiệp hay tâm của chúng sanh và nguyện lực của chư Phật, và luôn luôn có bóng dáng của Đức Phật Bất Động Tỳ Lô Giá Na.

Phải chăng “nước hương” (hương thủy) chính là những đam mê và niệm tưởng của chúng sinh từ cõi dục đến cõi vô sắc? Và các thế giới nương vào đó và vào nguyện lực vô vi của chư Phật để được hình thành? Và phải chăng Huế cũng đã được xây dựng trên những đam mê, ước muốn và sức nguyện?

Ở Huế, nơi chúng tôi đến viếng đầu tiên là chùa Thiên Mụ. Nơi đây, ý chí và cái nguyện đầu tiên của người dân xứ Huế và các chúa Nguyễn được hình thành: Xây dựng nền tảng của đời sống an lạc thái bình trên tinh thần đạo Phật.

Ngôi chùa được dựng trên đồi Hà Khê nằm cạnh sông Hương, sáng và tối thả đều những tiếng chuông từ hòa lan khắp Huế và theo dòng sông Hương đi vào cõi vô cùng. Có thể nói người dân xứ Huế lớn lên và trưởng thành trong tiếng chuông chùa đó.

Các chúa Nguyễn đều là những Phật tử và có chúa đã thọ Bồ-tát giới, sống theo giới luật nhà Phật và lấy

từ hòa để đối nội cũng như đối ngoại.

"Ngay khi chúa Nguyễn Hoàng vào cát cứ ở Đàng Trong đã chăm lo phát triển mở rộng đất đai; vừa làm cho vùng đất này trở nên trù phú vừa lo vũ khí, lương thực chống lại chúa Trịnh. Là người Phật tử thuần thành, chúa Nguyễn Hoàng xây dựng chùa trên đồi Hà Khê (huyện Hương Trà, xứ Thuận Hóa) ứng theo giấc mộng được sự chỉ bảo của Tiên Bà (1601) mà đặt tên là chùa Thiên Mụ. Chúa còn trùng tu chùa Sùng Hóa (1602), lập chùa Bửu Châu ở Trà Kiệu - Quảng Nam (1607), lập chùa Kính Thiên ở Xã Thuận Trạch (Quảng Bình) và trọng đãi các bậc Thiền Tăng." (Thích Nguyên Hạnh - *Phật giáo và chúa Nguyễn trong cuộc đồng hành Nam tiến*).

Ở Thiên Mụ còn để di tích của cuộc đấu tranh bất bạo động của Phật giáo là chiếc xe mà cố Hòa thượng Thích Quảng Đức sử dụng để đi đến nơi tự thiêu. Tôi hình dung được dáng vẻ ung dung từ tốn của Ngài như những lời trong bức thư Ngài để lại. Có lẽ một trái tim mạnh là một trái tim hiền. Ra đi, Ngài để lại một bức thư hiền, một bức thư đầy khoan dung độ lượng, và một trái tim không thể đốt cháy.

Sau đó chúng tôi viếng chùa Từ Đàm và Thuyền Tôn, tổ đình của hai vị Thầy mà tôi có nhân duyên gắn gũi là cố HT Thích Thiện Siêu và cố HT Thích Thiện Minh. Cố HT Thích Thiện Minh là bổn sư truyền Tam quy - Ngũ giới cho tôi ở chùa Long Sơn, Nha Trang. Chùa Tỉnh hội Khánh Hòa (Long Sơn), Hải Đức Nha Trang và Già Lam Gia Định là những nơi mà tôi có duyên được gắn gũi ba vị Thầy, một vị như cây cổ thụ ẩn mình thoát tục trong khu rừng Thiền, dùng sự học rộng hiểu sâu để giáo huấn hậu bối; một vị như đám mây lớn tưới tắm mưa pháp không mệt mỏi trong rừng tứ chúng mà đời sống vẫn tiêu dao; một vị như con voi chúa đi giữa trần đời. Những vị đó là cố HT Thích Thiện Siêu, cố HT Thích Trí Thủ và cố HT Thích Thiện Minh.

Như một duyên lành, chúng tôi đến Từ Đàm đúng ngày hoàn kinh *Pháp Hoa*, được tham dự đạo tràng *Pháp Hoa*, tụng kinh lễ Phật với chúng ở đó. Kinh *Pháp Hoa* hình như chỉ được trì tụng phổ biến ở Việt Nam bắt đầu vào khoảng đầu thập niên 1960. Người ta tung tin đồn rằng tụng kinh *Pháp Hoa* cũng như một số kinh Đại thừa khác sẽ bị "đổ nghiệp". Như má tôi, cũng sợ bị "đổ nghiệp", và chỉ bắt đầu tụng kinh này khi được cố HT Thích Trí Thủ là bổn sư của bà bảo tụng. Và phải chăng có những kết nối vô hình thiêng liêng nào đó từ những lời khuyên của cố Hòa thượng trên hơn nửa thế kỷ trước với chúng tôi bây giờ!? Sau khóa lễ, chúng tôi vòng ra sau lễ bàn thờ Tổ. Bức hình cố HT Thích Thiện Siêu trên bàn thờ với chiếc áo tràng màu vàng mỏng, một xâu chuỗi đeo cổ và một xâu chuỗi trên tay. Ngài vẫn đơn giản và tự nhiên như đời sống của Ngài, một đời sống dường như không thể đơn giản hơn. Nhìn hình Ngài, nghĩ đến Ngài tâm tôi thường có cảm giác như được dừng lại và rơi rớt hết mọi sự, đạo cũng như đời.

Rời Từ Đàm, chúng tôi lên đường đi đến chùa Thuyền Tôn. Một bác cư sĩ ở chùa Từ Đàm đưa chúng tôi một đoạn đến Đền Nam Giao rồi chỉ đường cho chúng tôi đi đến chùa Thuyền Tôn. Chạy xe trên những con đường nhỏ, chúng tôi đi đến một cảnh chùa im vắng. Thấy trụ trì đi vắng, chúng tôi xin một vị sa-di mở cửa để lễ Phật và sau đó xin phép được lễ bái các tháp.

Sau khi lễ tháp Ôn cố HT Thích Giác Nhiên, chúng tôi được hướng dẫn lễ tháp cố HT Thích Thiện Minh cũng ở gần đó. Nhìn qua tháp bên cạnh, thấy đề ba chữ "Huyền Không tháp", tôi nghĩ có lẽ là tháp cố HT Thích Mãn Giác. Và quả thật, đối diện với tháp là bia nói về hành trạng của Ngài. Tháp cố HT Thiện Minh thì không thấy có bia.

Cố HT Thích Mãn Giác tôi không được gắn gũi nhiều ngoài những giao tình với song thân tôi. Thỉnh thoảng HT từ Mỹ gọi điện thoại qua thăm và gửi tặng sách, hoặc thăm hỏi khi có sự mất mát trong gia đình. Giọng và lời của HT thật từ hòa. Năm 1994, sau khi cố HT Thích Minh Châu tham dự Hội nghị Tăng-già Quốc tế tại Vancouver, Canada hoàn mãn, chúng tôi cung thỉnh Hòa thượng cùng Ni sư Thích nữ Trí Hải và Thầy Thích Giác Dũng lúc đó làm thị giả cho Hòa thượng về nhà tôi nghỉ ngơi một tuần trước khi bay về lại Việt Nam. Trong thời gian này xảy ra một số lời thị phi bên ngoài nhắm vào tôi. Cố HT Thích Mãn Giác có gọi điện thoại qua thăm cố Hòa thượng Thích Minh Châu, đồng thời an ủi chúng tôi về những lời thị phi kia, dù tôi vẫn biết rằng những chuyện thị phi xảy ra hàng ngày trong đời sống của mỗi người...

Đó là một số những vị Thầy, những hình ảnh đặc trưng của Tăng-già Việt Nam mà đầu tiên tôi muốn viết về. Trong rừng Thiền đó có những vị âm thầm hành trì mà ánh sáng đạo đức và tâm linh đã và đang soi sáng cho giáo chúng và xã hội; có những vị học rộng hiểu sâu hướng dẫn, dìu dắt lớp hậu học không mệt mỏi; có những vị như những con bướm đem hương và nhụy của Phật pháp gieo rắc trong mọi chốn quần sanh; có những vị thông dong vô úy đi giữa trần đời... Đạo Phật đó cũng không tách biệt với lịch sử đất nước. Chùa Việt Nam dù thâm nghiêm nhưng cổng chùa luôn mở rộng để chia sẻ những thăng trầm, vinh nhục của dân tộc.

Những nhân duyên trong đời sống thì trùng trùng, những ân tình với đời sống, những con suối mát của tình thầy-trò, bạn đạo... tràn ngập trong đời sống người Phật tử Việt Nam. Đời sống chắc chắn sẽ khác đi nếu gắn kết với những nhân duyên khác. Thầy tôi thường nói: "Sai một li, đi một dặm". Và bóng mát của những vị Thầy, của Tăng-già Việt Nam, những ngôi chùa, những người bạn đạo có thể đã chuyển chở hình bóng của Đức Phật A Di Đà, cho tôi niềm tin về nguyện lực của chư Phật trong đời sống này, cảm nhận được bóng dáng của Đức Tỳ Lô Giá Na trong sương khói sông Hương, hay của những nơi nào khác... ■



Ông lão trì kinh Dược Sư

LÊ ĐÀN

Sáng mông một Tết năm nay thời tiết rất thuận lợi, trời lành lạnh trong cái nắng nhạt. Thường thì ông Trời ưu tiên cho con người ba ngày Tết, bảy ngày xuân tạnh ráo mà đi chơi thăm thú đó đây; chỉ thỉnh thoảng những năm ông Trời “bận rộn” quá nên “quên dặn dò” quan thượng giới lo việc thời tiết nắng mưa ở trần gian thì mới mưa rét ba ngày Tết.

“Ông Tàu!” Tôi gọi.

Tên ông là Nguyễn Văn Tàu, vậy mà khi quy y lại được thầy đặt cho pháp danh là Tâm Việt. Việt chính cố không lai tí nào, còn sở dĩ ông có thể danh là Tàu vì hồi sanh ra ông, bố ông còn đi tàu viễn dương.

Nghe tiếng kêu, người đàn ông đang lếch thếch đi bộ ngoài đầu lại lắng nghe.

Đúng là ông Tàu rồi. Nhưng sao ông lại đi bộ ở đoạn đường này, cách nhà ông hơn mười cây số, đoạn Quốc lộ 1 có rất nhiều xe cộ tốc hành xuôi Nam Bắc, nguy hiểm cho ông vô cùng. Đi bộ mà còn đội nón bảo hiểm mới là chuyện lạ!

Tôi đi từ Huế ra đến đoạn Ái Tử thì gặp ông, nhìn ông với bộ dạng này rất tức cười, nhưng cố nén, tôi dừng xe lại:

“Thằng Việt làm chi không chở ông, để ông đi bộ...”

Ông Tàu khiêm thị là hàng xóm láng giềng của tôi dừng lại nhưng vẫn quơ cái gậy dò đường lóc cóc trên đường theo thói quen.

“Chào anh Toán! Mấy đứa cháu ở trong thị xã chở tui vô chơi từ sáng sớm, thằng Việt biểu tui ở nhà chú thím chơi đến chiều nó vô đón ra; nhưng mới vô ngôi chưa nóng ghế, cặp vợ chồng già này lại cơm không lành canh không ngọt. Buồn quá! Tui nói đi dạo phố một chút, chú nó dặn về ăn cơm, nhưng tui đi thẳng một mạch ra tới đây, Ái Tử phải không? Được 5 cây số chưa anh Toán?”

“Dạ được! Thôi mời ông ngồi lên xe, cháu sẽ chở ông về đến nhà an toàn”.

Ngồi trên xe, ông thủ thủ tâm sự:

“Ngày xưa còn nhỏ, tui đi học trường tỉnh, 12 cây số vừa đi vừa chạy vừa ôn bài, mất một tiếng rưỡi. Hồi đó đường ít xe cộ, bây giờ nhiều xe cứ vùn vụt qua mắt cả mặt! Con đường này thì ăn thua chi với tui, trong chiến tranh tui đã từng đi bộ hàng trăm cây số mà”.

Ông Tàu vẫn to con cao lớn như ngày nào, bắp thịt rắn chắc, nước da hồng hào; vẫn có cái phong độ còn sót lại của người lính một thời tung hoành ngang dọc; tuy đã ngoài tuổi cổ lai hy mà còn đẹp lão với bộ râu

bạc muối tiêu; nếu như trời cho ông đôi mắt sáng nữa thì quả là phước báu vô lượng. Tội nghiệp cho ông! Con mắt bên phải bị hỏng, con mắt bên trái còn 3/10, chỉ nhìn lờ mờ thôi. Có nhiều đợt mổ mắt miễn phí, ông có đi khám nhưng bác sĩ bảo trường hợp của ông, tỉ lệ mổ thành công rất thấp, và ông đang do dự.

Tôi và ông là đôi bạn láng giềng vong niên, vừa là đôi bạn đạo, chúng tôi thường tham gia sinh hoạt Phật sự với nhau. Trời phú cho ông cái chất giọng khỏe, tụng kinh cứ sang sáng như có loa lẫn át cả giọng người khác. Tôi bái phục ông về trí nhớ tốt, *kinh A-di-đà, kinh Dược sư* rất khó thuộc mà ông tụng không cần nhìn sách. Cả sáu tháng nay, ông nguyện tụng *kinh Dược sư* tại nhà hàng ngày vào buổi chiều lúc hai giờ, để nhờ phước đức trí tuệ của chư Phật phù hộ cho đôi mắt của ông được sáng lại. Ông thường tụng một mình, chủ nhật tôi mới sang tụng với ông vì ông chọn trùng cái giờ công sở làm việc. Đọc *kinh Dược Sư* đến đoạn "*Nguyện thứ sáu và nguyện thứ bảy*" là ông đọc to:

"Nguyện thứ sáu: Ta nguyện đời sau khi chứng được đạo Bồ-đề, nếu có chúng hữu tình nào thân hình hèn hạ, các căn không đủ, xấu xa khờ khạo, tai điếc mắt đui, nói năng ngọng lịu, tay chân tật nguyền, lác hủi điên cuồng; chịu tất cả những bệnh khổ ấy mà khi đã nghe danh hiệu Ta thì liền được thân hình đoan chánh tâm tánh không ngoan, các căn đầy đủ, không còn các bệnh khổ ấy nữa.

"Nguyện thứ bảy: Ta nguyện đời sau, khi chứng được đạo Bồ-đề, nếu có chúng hữu tình nào bị những chứng bệnh hiểm nghèo không ai cứu chữa, không ai để nương nhờ, không gặp thầy, không gặp thuốc, không bà con, không nhà cửa, chịu nhiều nỗi nghèo hèn khổ khổ, mà hễ danh hiệu Ta đã nghe lọt vào tai một lần, thì tất cả bệnh hoạn khổ não đều tiêu trừ, thân tâm an lạc, gia quyến sum vầy, của cải sung túc, cho đến chứng được đạo quả vô thượng Bồ-đề".

Lễ Vu-lan, chùa tổ chức cài bông hồng, năm nào người ta cũng yêu cầu ông hát bài "*Tắm áo mẹ vá năm xưa*", một bài nhạc đỏ mà người ta thường hát vào dịp lễ khác, nhưng vì ông hát rất hay và xúc động, trước khi ông hát ông còn phi lộ vài lời khiến cho người nghe xúc động ứa nước mắt:

*"... Núi xương khô bỏ bấy lâu đời
Thế Tôn bèn vội đến nơi
Liền lay ba lay rồi rơi giọt hồng
Đức A Nan tủi lòng ái ngại
Chẳng hiểu sao Phật lay động xương?"*

... Đọc đoạn kinh này tui nhớ đến cha mẹ tui, tui muốn hát bài *Tắm áo mẹ vá năm xưa*... Tui xin được bắt đầu: Tắm áo ấy, bấy lâu nay con quý hơn cơm gạo, để nhớ ngày con về Hà Bắc, mẹ vá cho tắm áo nên thương... Tắm áo ấy bấy lâu nay con thường vẫn mặc. Để nhớ ngày con về Hà Bắc, mẹ vá cho tắm áo rách vai... Đời mẹ nghèo...".

Nước mắt ông tuôn đầm đìa trong câu hát... làm cho ai cũng "đắm đìa" giọt lệ theo ông.

Người ta nói "*Cóc kêu lâu cũng thấu trời*." Đó là chuyện con cóc cựa của ông Trời. Nhưng ông Tàu kiếm thị bạn tu của tôi cầu *kinh Dược Sư* hơn sáu tháng, để làm gì? Không cần hỏi ông tôi cũng biết! Có lẽ Trời Phật đã thấu hiểu và cho ông một cơ hội. Trong lời nguyện của tôi, tôi cũng rất muốn giúp ông. Đúng vào ngày mồng hai Tết này, tôi gặp lại một người bạn chí cốt từ phía Nam về thăm quê, anh là giáo sư tiến sĩ y khoa đang công tác tại TP.HCM, là một người con quê hương Quảng Trị rất thành đạt. Nhân dịp này tôi trình bày hoàn cảnh của ông Tàu, người bạn thân vừa là bạn tu của tôi, và tôi nhờ vị bạn bác sĩ này giúp cho ông. Rất may! Cơ duyên đã đến với ông vì bạn tôi rất hoan hỷ sẵn lòng giúp. Vị giáo sư tốt bụng này đã hứa tài trợ toàn bộ mọi chi phí cho ông Tàu vô Viện Mắt Sài Gòn để thay thủy tinh thể.

May ba đời cho ông... Cậy nhờ người ta giúp cho mình thì khó nói, nhưng cậy nhờ họ giúp cho bạn thì mạnh dạn bày tỏ. Tôi thực sự vui mừng chỉ mới được một nửa vì niềm vui chỉ trọn vẹn khi ca mổ mắt của ông thành công tốt đẹp, nên tôi phải chờ đợi. Tôi xin nghỉ phép hai tuần cùng đi với ông như ý nguyện của tôi muốn trợ duyên cho ông.

Ông lắm thâm niệm danh hiệu: "Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật" suốt chuyến tàu vô Sài Gòn, cho đến khi mổ mắt ông vẫn tín tâm câu niệm không rời. Thành tâm của ông, ý chí của ông đã được đáp lại. Ca mổ mắt của ông đã thành công.

Niềm vui lớn trong ông vỡ òa.

Ông đã nhìn thấy mọi người, đã nhìn thấy vạn vật.

Ông đã nhìn thấy chư Phật, chư Bồ-tát, Đức Phật Dược Sư Y Vương Lưu Ly, Bồ-tát Nhật Quang Biến Chiếu, Bồ-tát Nguyệt Quang Biến Chiếu, và Thập nhị Dược-xoa Đại Thần tướng, đã gia hộ cứu giúp ông.

Ông đã nhìn thấy ánh hào quang của Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Một tháng Giêng mùa xuân đáng nhớ của ông. Những từ kiếm thị, đui mù, không còn gần cho ông nữa. Ông đã chuyển được cái nghiệp của ông ngay tại kiếp hiện tiền này bằng cách trì *kinh Dược Sư*, và tôi là người chứng kiến để ghi chép lại câu chuyện nhiệm mầu về một ông lão trì *kinh Dược Sư*. Tôi nhớ lại một đoạn đối thoại giữa Đức Phật và A-nan trong *kinh Dược Sư* bốn nguyện công đức, ở đó Tôn giả A-nan thưa với Phật: "*Bạch Đức Thế Tôn, đối với kẻ kinh của Như Lai nói không bao giờ tôi sanh tâm nghi hoặc. Tại sao? Vì những nghiệp thân, khẩu, ý của các Đức Như Lai đều thanh tịnh. Bạch Đức Thế Tôn, mặt trời mặt trăng có thể rơi xuống, núi Diệu Cao có thể lay động, nhưng những lời của chư Phật nói ra không bao giờ sai được...".*

Bạn có tin về sự mầu nhiệm này không? ■



Giáo dục Phật giáo: Giáo dục thực hành

THÍCH GIÁC TOÀN

Bất cứ môn học nào của bất cứ ngành giáo dục nào đều phải có phần thực hành. Việc thực hành là của thầy và trò, lại có liên hệ với kế hoạch, tổ chức việc học hành. Phật pháp nhằm để thực hành nên mới có từ *tu hành*. Tu có nghĩa là tu sửa cho tốt đẹp hơn, thực hành. Các học giả phương Tây dùng từ *praxis, practice, pratiquer...* nghĩa là thực hành để trở việc tu hành.

Điều quan trọng ở giáo dục là nhằm cho người học thực hành những gì đã học. Phật dạy tất cả chúng sinh đều có Phật tính, vậy giác ngộ là tự mình giác ngộ. Kinh *Tương ưng bộ*, chương 22, phẩm *Tự mình làm hòn đảo* ghi lời dạy của Đức Phật: “*Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình, này các Tỳ-kheo, hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy Pháp làm hòn đảo, hãy lấy Pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một ai khác.*”

Không thể kể hết các nội dung mà người học Phật cần thực hành: tu Thiền, tu Tịnh độ, tu Mật, tu Tứ đế, tu duyên khởi, tu giới, tu định, tu tuệ, tu phước... Chư Thánh đệ tử của Đức Phật, Bồ-tát, A-la-hán, chư Tổ..., mỗi người đều nổi tiếng về một phép tu riêng, phù hợp với căn cơ, hoàn cảnh riêng. Mục đích của tu tập hay thực hành Phật pháp là để diệt trừ phiền não, lậu

hoặc. Trong kinh *Tất cả các lậu hoặc* (số 2) của *Trung bộ kinh*, Đức Phật có nêu bảy thứ lậu hoặc và phương cách đối trị; tóm tắt như sau:

1/ Có những lậu hoặc phải dùng tri kiến để đoạn trừ: Phải học tập, nghiên cứu giáo lý để có tri kiến đúng đắn, sáng suốt;

2/ Có những lậu hoặc phải dùng phòng hộ để đoạn trừ: Đó là sự phòng hộ về ngũ căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân để tránh sự tham ái;

3/ Có những lậu hoặc phải dùng thọ dụng để đoạn trừ: Thọ dụng vật chất để đối trị với đói khát, bệnh tật, cơn trùng...;

4/ Có những lậu hoặc phải dùng kham nhẫn để đoạn trừ: Chịu đựng nóng lạnh, thương tổn thể chất, tinh thần;

5/ Có những lậu hoặc phải dùng sự lánh xa để đoạn trừ: Lánh xa thú dữ, vực thẳm, nước sâu, kẻ độc ác...;

6/ Có những lậu hoặc phải dùng sự trừ diệt để đoạn trừ: Nỗ lực trừ diệt tận gốc tham, sân, si, ba thứ độc hại nhất gây khổ đau, luân hồi;

7/ Có những lậu hoặc phải tu thất giác chi để đoạn trừ: Tu thất giác chi khiến trí tuệ sáng suốt, thân tâm khinh an, thành tựu phạm hạnh.

Phần tiếp theo đây là tóm tắt một số phép tu thường được nhắc đến. Đó là: Bốn Vô lượng tâm, Các Ba-la-mật và Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Từng chi phần của cả ba tổ hợp có thể trùng nhau. Điều ấy có thể được hiểu rằng người thực hành có thể chọn bất cứ nhóm nào phù hợp với căn cơ, hoàn cảnh của mình. Lại nữa, người ta có thể thực hành một hay nhiều chi phần của tổ hợp này hay tổ hợp khác và mức độ thực hiện theo đó mà có thể mang tính tương đối. Vấn đề là sự thực hành phải kiên trì, lâu bền cho đến khi có kết quả tối thắng, việc thực hành có thể lâu dài đến các đời sống trong tương lai.

I. BỐN VÔ LƯỢNG TÂM (Catvari Apramanani – Catasso Appamannayo)

Các kinh điển nói đến các tâm này: *Kinh Thuyết xứ* (Trung A-hàm), *kinh Nhập tức xuất tức niệm* (số 118) của Trung bộ, *kinh Di-lặc Bồ-tát sở vấn*, *kinh Tân đà-na* (Trường A-hàm), phẩm A-lam (Tăng nhất A-hàm), *kinh Vị tầng hữu nhân duyên*, *Đại kinh phương quảng...*, *luận Du-già sư địa*, *luận Đại thừa trang nghiêm*, *luận Thành thật*, *Pháp hoa kinh huyền nghĩa tán...*

Tâm vô lượng là cái tâm mở rộng đến vô biên, lớn lao không thể đo lường được. Đây là tâm Phật, tâm Bồ-tát và có thể chỉ cho mục tiêu tu tâm của những ai đang hành trì Phật pháp. Thực hiện các tâm vô lượng thì có thể đạt đến trí tuệ, nhất tâm, đoạn trừ tham, sân, si, thành tựu vô ngã, giải thoát.

Bốn tâm vô lượng (hay còn gọi là Phạm trú – Brahmavihara) là:

1/ Tâm từ: Lòng thương yêu rộng lớn, trải khắp chúng sinh. Thương chúng sinh như bà mẹ thương yêu đứa con độc nhất của mình, hoan hỷ khi thấy chúng sinh được hạnh phúc, nỗ lực giúp cho chúng sinh được lợi lạc, an vui.

2/ Tâm bi: Mong mỗi các chúng sinh hết khổ, nỗ lực làm cho chúng sinh vui khổ, xúc động khi thấy chúng sinh khổ đau.

3/ Tâm hỷ: Luôn giữ trạng thái bình an, hoan hỷ cho chính mình, hài hòa, nhu thuận, hoan hỷ với tất cả chúng sinh.

4/ Tâm xả: Xả bỏ, không chấp trước dính mắc, không oán hận, phiền trách ai, trải lòng đến tất cả, xem chúng sinh là bình đẳng.

Trong *Đại kinh Giáo giới La-hầu-la* (số 61) của Trung bộ kinh, Đức Phật giảng về hiệu năng của việc thực hành bốn vô lượng tâm như sau: “*Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về lòng từ. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng từ, cái gì thuộc sân tâm sẽ được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về lòng bi. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về lòng bi, cái gì thuộc hại tâm sẽ được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về hỷ. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về hỷ, cái gì thuộc bất lạc sẽ được trừ diệt. Này Rahula, hãy tu tập sự tu tập về xả. Này Rahula, do tu tập sự tu tập về xả, cái gì thuộc hận tâm sẽ được trừ diệt.*”

Trong *Đại kinh phương quảng*, Đức Phật dạy: “*Này Hiền giả, vô lượng tâm giải thoát này, vô sở hữu tâm giải thoát này, không tâm giải thoát này và vô tướng tâm giải thoát này có một pháp môn, này Hiền giả, do pháp môn này, các pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt. Và này Hiền giả, lại có một pháp môn, do pháp môn này, các pháp ấy có nghĩa đồng nhất và danh sai biệt. Này Hiền giả, thế nào là có pháp môn, do pháp môn này các pháp ấy có nghĩa đồng nhất và có danh sai biệt? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biến mãn một phương với tâm câu hữu với Từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với Từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với Bi... Vị ấy an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với Hỷ... Vị ấy an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với Xả, cũng vậy với phương thứ hai, cũng vậy với phương thứ ba, cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với Xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Như vậy, này Hiền giả, gọi là vô lượng tâm giải thoát.*”

Đức Phật dạy chư Thánh đệ tử thực hành Bốn tâm vô lượng. Ngài còn khuyên chư vị ấy dạy lại cho những người trẻ. Như vậy, việc thực hành bốn tâm này được áp dụng cho tất cả mọi người. Ngài còn nêu hiệu quả của việc thực hành này: “*A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn vô lượng, Tỷ-kheo tâm đi đôi với Từ biến mãn một phương, thành tựu, an trụ. Cứ như thế, hai phương, ba phương, bốn phương, tứ duy, trên dưới biến khắp tất cả, Tâm đi đôi với Từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh, vô cùng rộng lớn, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. Bi và Hỷ cũng vậy. Tâm đi đôi với Xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không tranh, vô cùng rộng lớn, vô lượng, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trụ. A-nan, bốn vô lượng này, ông hãy nói để dạy cho các Tỷ-kheo niên thiếu. Nếu ông nói và dạy cho các Tỷ-kheo niên thiếu về bốn vô lượng này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.*” (Kinh Thuyết xứ, Trung A-hàm)

II. CÁC BA-LA-MẬT (Paramita)

Các kinh điển nói về các Ba-la-mật: *Kinh Hoa nghiêm*, *kinh Kim quang minh tối thắng vương*, *kinh Tâm địa quán*, *kinh Bồ-tát nội tập lục ba-la-mật*, *kinh Quán Âm Phổ Hiền Bồ-tát hành Pháp*, *luận Biện trung*, *luận Đại thừa trang nghiêm*, *luận Đại trí độ*, *luận Du-già sư địa*, *Đại huệ độ kinh tông yếu*, *luận Câu-xá*, *Nhân vương bát-nhã ba-la-mật-đa kinh* số...

Ba-la-mật, paramita được hiểu theo hai ý nghĩa theo hai cách phân tích từ nguyên: 1/ *parami*: sự toàn hảo, trọn vẹn, *parama*: tốt nhất, cao nhất, tuyệt hảo, quan trọng nhất; 2/ *para*: vượt qua, qua bờ bên kia, *-mita*: đã đến, đang đến (bờ bên kia). Ba-la-mật là phép tu của chư

Thánh đệ tử Phật. Có vị đã đạt đến chỗ tối thượng có vị đang trên đường đạt tối thượng. Trong ý nghĩa này, những ai đang theo hạnh nguyện đạt đến tối thượng thì cũng được gọi là đang thực hành ba-la-mật.

Trong kinh *Tâm địa quán*, Đức Phật giảng về các ba-la-mật và bảo rằng chư Phật có tới tám vạn bốn ngàn ba-la-mật, Ngài dạy Bồ-tát Di-lặc: “Thiện nam tử! Ở nơi A-lan-nhã, Bồ-tát xuất-gia vào trong xóm làng khát thực, những món ăn xin được, trước tiên nên đem phần nhỏ cho chúng sinh, sau nữa lại đem phần còn thừa cho những chúng-sinh nào muốn, tức được tên gọi là Bồ thí Ba-la-mật. Đem thân mệnh mình cúng dàng Tam bảo, đem đầu mắt, tủy, óc bỏ thí cho người lại xin, tức được gọi là Thân cận Ba-la-mật. Vì người cầu pháp, nói pháp xuất thế, khiến họ phát tâm vô thượng Bồ-đề, tức được gọi là Chân thực Ba-la-mật. Thiện nam tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu Bồ thí Ba-la-mật. Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, tu mười hai hạnh Đầu-đà, nếu khi đi bộ nên coi xuống đất cách chừng hai khuỷu tay, để không làm tổn hại chúng sinh, tức được tên gọi là Trì-giới Ba-la-mật. Kiên-trì giới cấm, không tiếc thân mệnh, tức được gọi là Thân cận Ba-la-mật. Vì người cầu đạo xuất thế, thuyết pháp giáo hóa, khiến họ phát tâm vô-thượng Bồ-đề, tức được gọi là Chân thực Ba-la-mật. Thiện nam tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu Trì giới Ba-la-mật. Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát xuất-gia ở nơi A-lan-nhã, diệt sự giận bực, được Từ tâm tam-muội và cũng không hủy nhục hết thầy chúng-sinh, tức được tên gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Nếu vì một người nói một câu pháp, khiến họ phát tâm vô thượng chính-đẳng chính-giác, tức được gọi là Chân thực Ba-la-mật. Thiện nam tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành-tựu Nhẫn nhục Ba-la-mật. Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát xuất gia vì muốn khiến chúng sinh được thành Phật nên tu hạnh tinh tiến. Chưa được thành Phật, phúc đức, trí tuệ kém cỏi, không tham yên vui, không tạo mọi tội, đối với trong những hạnh khổ-hạnh của những Bồ-tát xưa, sinh tâm rất mừng, cung kính, tôn ngưỡng, luôn luôn không lúc nào thôi, bởi nhân duyên ấy, tức được tên gọi là Tinh tiến Ba-la-mật. Bỏ thân mệnh như nhỏ nước bọt, dãi, trong hết thầy thời chưa từng biếng nhác, tức được gọi là Thân cận Ba-la-mật. Gặp người có duyên, nói đạo tối-thượng, khiến họ đi tới vô thượng chính đẳng Bồ-đề, tức được gọi là Chân thực Ba-la-mật. Do tâm tinh tiến, mười hạnh như thế, đời quá-khứ không bị thoái chuyển, đời hiện tại được vững bền và đời vị lai chóng được viên mãn. Thiện nam tử! Thế gọi là Đại-bồ-tát xuất-gia thành-tựu Tinh tiến Ba-la-mật. Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát xuất gia ở nơi A-lan-nhã, tu-tập chính-định, vì giữ cho các pháp không tan mất, thế nhập các môn giải thoát, dứt hẳn biên kiến, hiển hiện thân thông, hóa độ chúng sinh, khiến họ được chính trí, dứt được gốc phiền não, chứng nhập chân pháp giới, ngộ đạo như thực và sẽ tới Bồ-đề; bởi nhân duyên ấy, tức được tên gọi là Thiền định Ba-la-mật. Muốn làm cho chúng sinh như ta không khác, nghĩa là đều được đầy đủ phép

điều trị chúng sinh, không bỏ chính định, không tiếc thân mệnh; tu chính định ấy, tức được gọi là Thân cận Ba-la-mật. Vì các chúng sinh nói pháp sâu-nhiệm, đều khiến họ xu hướng đạo vô thượng Bồ-đề, tức được gọi là Chân thực Ba-la-mật. Thiện nam tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu Thiền định Ba-la-mật-đà. Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát xuất gia ở nơi không nhàn, thân cận cúng dàng chư Phật, Bồ-tát. Là những bậc trí giả các Bồ-tát thường thích nghe những pháp sâu nhiệm, tâm sinh khát ngưỡng, luôn luôn không biết chán, đủ; lại hay phân biệt ràng chần lý Nhị đế, dứt trừ hai chướng, thông suốt ngũ minh, nói các pháp yếu, giải quyết mọi sự ngờ vực; bởi nhân duyên ấy, tức được tên gọi là Bát-nhã ba-la-mật... Dùng trí tuệ vi diệu vì các chúng sinh nói pháp Nhất thừa, khiến họ chứng nhập đạo vô thượng chính đẳng chính giác; bởi nhân duyên ấy, tức được gọi là Chân thực Ba-la-mật. Thiện nam tử! Thế gọi là Bồ-tát xuất gia thành tựu Trí Ba-la-mật”.

Kinh điển Đại thừa thường nói đến sáu ba-la-mật (sad parami) trong khi Kinh điển Nguyên thủy nêu ra mười ba-la-mật (dasa parami), ý nghĩa chỉ khác nhau đôi chút về phương diện hành trì. Hạnh ba-la-mật thường được miêu tả nổi bật về sự thực hành và hiệu quả của trí tuệ và từ bi.

Sáu ba-la-mật của Đại thừa là:

1/ Bồ thí: Bồ thí tài vật (tài), giảng giải Phật pháp (pháp) và khiến người ta không sợ hãi mọi trở ngại (vô úy), dũng tiến trên đường tu tập.

2/ Trì giới: Giữ gìn giới luật, oai nghi (luật nghi), làm việc thiện, tạo nghiệp lành (thiện pháp), nỗ lực gây lợi lạc cho chúng sinh (nhiều ích).

3/ Nhẫn nhục: Kiên trì chịu đựng mọi thử thách, giữ tâm an tịnh trước nghịch cảnh, không oán hận, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng.

4/ Tinh tấn: Siêng năng, chăm chỉ tu hành để cầu tiến bộ. Tinh tấn là ý chí, là động lực để hành giả không ngừng đạt những thành quả ngày càng tốt đẹp.

5/ Thiền định: Ổn định tâm thức, không bị dao động vì ngoại cảnh. Đây là sự nhất tâm, tụ điểm của quán sát và là phương tiện để đạt trí tuệ viên mãn.

6/ Trí tuệ: Trí tuệ viên mãn, tối thắng, nhận biết chân tướng của vạn pháp, thế nhập Không tính, chứng đạt Pháp thân thường trụ.

Mười ba-la-mật của Phật giáo Nguyên thủy: Gồm năm ba-la-mật giống như nhóm sáu ba-la-mật của Đại thừa là bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, trí tuệ và năm ba-la-mật sau đây:

6/ Xuất gia: Từ bỏ gia đình, sống nơi tĩnh tịch, xa lánh những xáo động của đời thường để tu tập.

7/ Chơn thật: Luôn giữ gìn sự chơn thật, giữ đúng lời hứa, không gian dối ngoa ngụy.

8/ Quyết định: Dứt khoát thực hiện theo chánh đạo, dứt khoát trong mọi công việc và dự định.

9/ Từ tâm: Lòng yêu thương tất cả chúng sanh, mong mỗi và tìm mọi cách để chúng sanh thêm vui bớt khổ.

10/ Xả tâm: Tâm xả bỏ mọi chấp trước, không bị ràng buộc, chấp trước, xem mọi chúng sanh là bình đẳng, không phân biệt, không vui buồn hờn giận.

III. BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO (Saptatrimśad Bodhipaksika Dharmah)

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là một tập hợp các nhóm vô cùng quan trọng cho việc thực hành giáo pháp của Đức Phật, giúp cho hành giả thăng tiến về mọi mặt tu tập, chủ yếu là về trí tuệ, đạo hạnh và phước đức. Đây cũng là những phương tiện mang hiệu quả lớn cho thiền định. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm bảy nhóm, bảy pháp số gộp lại gồm ba mươi bảy chi phần. Các chi phần ở nhóm này có thể được tìm thấy ở nhóm kia và ngược lại. Sở dĩ như vậy là vì nội dung thực hành của các hành giả chủ yếu là không khác nhau nhưng tùy căn cơ hoàn cảnh mà việc hành trì có hơi khác nhau. Lại nữa, không bắt buộc hành giả phải thực hiện trọn vẹn các chi phần trong một nhóm, hành giả có thể chọn các chi phần thích hợp để tu tập. Đây là lý do ta thấy chư Thánh đệ tử Phật, chư Tổ, Đại sư nổi tiếng vì sự thực hành thù thắng về một hay vài chi phần của ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Bảy nhóm của ba mươi bảy phẩm trợ đạo là: Bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo, cộng thành ba mươi bảy phẩm hay ba mươi bảy chi phần, liệt kê như sau:

1/ Bốn niệm xứ: Bốn đề tài quán niệm: *Thân thể* là bất tịnh, *cảm thọ* là khổ, *tâm thức* là vô thường, *vạn pháp* đều vô ngã.

2/ Bốn chánh cần: Bốn điều phải chuyên thực hành: *Điều ác đã sinh* phải diệt trừ hẳn, *điều ác chưa sinh* phải ngăn chặn, *điều thiện chưa sinh* phải làm cho sinh, *điều thiện đã sinh* phải làm cho tăng trưởng.

3/ Bốn như ý túc: Bốn ý nghĩa mà hành giả phải nắm vững khi thiền định: *Dục*, mong muốn đạt thiền định rất ráo; *Tinh tấn*, dũng mãnh tiến lên, thực hiện ý nguyện nhập sâu vào thiền định; *Niệm*, nhất tâm, chuyên chú trong thiền định; *Quán*, dùng trí tuệ thanh tịnh quán sát pháp tu của mình.

4/ Ngũ căn: Năm điều căn bản làm tăng trưởng nghiệp thiện, hàng phục phiền não, đưa đến Thánh đạo: *Tín*, tin Phật pháp, tin vào con đường giải thoát mình đang thực hành; *Tấn*, Siêng năng, quyết tiến bộ mãi trong tu tập Phật pháp; *Niệm*, nhớ nghĩ đến bố thí, Tam bảo, chư thiên, các cõi lành; *Định*, an trụ tâm, nhất tâm, không chao đảo; *Huệ*, trí tuệ tối thượng, vô phân biệt, quán sát cùng khắp, thấy thực tướng Không của vạn pháp.

5/ Ngũ lực: Năm năng lực phá ác tạo thiện: *Tín*, sức mạnh của niềm tin, phá trừ nghi hoặc; *Tấn*, sức mạnh thúc đẩy sự siêng năng, phá trừ lười biếng. *Niệm*, sức mạnh phá diệt tà niệm, phát triển chánh niệm; *Định*, sức mạnh phát sinh thiền định, diệt trừ loạn tưởng; *Huệ*, sức mạnh phát triển trí tuệ.

6/ Bảy giác chi: Bảy yếu tố tu tập đưa đến giác ngộ

viên mãn: *Niệm*, thực hành thiền định, quán bốn niệm xứ thân, thọ, tâm, pháp; *Trạch*, chọn lựa chánh pháp, xa lìa tà pháp; *Tinh tấn*, siêng năng, chăm chỉ, tiến lên không ngừng, dùng bốn chánh cần để đẩy mạnh tinh tấn; *Hỷ*, hoan hỷ, không bị tham sân si trói buộc, nhiếp phục được các pháp bất thiện; *Kinh an*, giữ tâm nhẹ nhàng, thanh thoát, sẵn sàng nhập vào thiền định; *Định*, Thiền định, nhập vào các cõi thiền; *Xả*, xa lìa tham sân si, xa lìa sáu sắc trần, tâm bình đẳng, không chấp trước, phân biệt.

7/ Tám chánh đạo: Tám con đường thực hành để đi đến giác ngộ, đây là phần quan trọng nhất, bao gồm phần lớn nội dung và ý nghĩa của các phần kia: *Chánh kiến*, thấy đúng đắn, thông hiểu Phật pháp, lý tứ đế, duyên khởi, nhân quả nghiệp báo...; *Chánh tư duy*, suy nghĩ đúng đắn, không có dục, sân, hại, không tà niệm; *Chánh ngữ*, lời nói chân chính, không ngoa ngụy; *Chánh nghiệp*, luôn tạo thiện nghiệp, vun trồng phước đức; *Chánh mạng*, nghề nghiệp chính đáng, không làm các nghề tà vạy; *Chánh tinh tấn*, siêng năng tu tập, hành thiện, trừ ác; *Chánh niệm*, tưởng nghĩ đúng đắn, quán bốn niệm xứ, tưởng nghĩ Tam bảo, các cõi thiện lành, bố thí; *Chánh định*, tâm thức ổn định, thực hành thiền định, nhập vào các thiền.

Như trên đã nói, việc chia thành nhóm để tu tập chỉ có tính chất tương đối. Hành giả có thể chọn một hay cả các tổ hợp hay nhóm để thực hành, có thể chọn một vài chi phần trong một nhóm, một vài chi phần rải rác trong các nhóm. Thật vậy, bốn tâm vô lượng, các ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều có nhiều chi phần trùng nhau, sự trùng hợp này xảy ra rất nhiều.

Điều này cho thấy đường tu rộng rãi, người tu tự do lựa chọn pháp môn thích hợp, không bắt buộc phải chọn tổ hợp nào hay nhóm nào, không bắt buộc phải tu một lúc các chi phần theo thứ tự đã nêu. Ví dụ, trong kinh *Tương ưng 5*, khi giảng về bảy giác chi, Đức Phật dạy: “*Tu tập một giác chi cũng thành tựu mục đích của đời sống Phạm hạnh hướng nữa là tu tập cả bảy giác chi*”. Một ví dụ nữa, Trong kinh *Nhập tức xuất tức niệm* (số 118) của *Trung bộ kinh*, khi giảng về ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những vị Tỳ-kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bốn niệm xứ. Các vị Tỳ-kheo như vậy, này các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này. Này các Tỳ-kheo, trong chúng Tỳ-kheo này, có những vị chuyên tâm, chú tâm tu tập bốn chánh cần. Các vị Tỳ-kheo như vậy, này các Tỳ-kheo, có mặt trong chúng Tỳ-kheo này... tu tập bốn như ý túc... tu tập năm căn... tu tập năm lực... tu tập bảy giác chi... tu tập tám Thánh đạo...*”

Trong giáo dục, vị thầy phải có kinh nghiệm sâu dày về các thực hành này và có phương pháp, biện pháp sư phạm để giảng dạy, hướng dẫn và theo dõi. Việc tổ chức, giảng dạy, thảo luận và thực hành tập thể chỉ là những phương cách thứ yếu, điều quan trọng là người học phải ý thức rằng mình là một hành giả, tự mình nỗ lực thực hành để tự mình tiến lên trên đạo lộ và tự mình giác ngộ. ■



Môi trường sống và sức khỏe từ nguyên thủy đến đương đại

LANIE JOHNSON
NGUYỄN ĐÌNH CHUNG dịch

Những khởi đầu không chắc chắn

Tôi chẳng quan tâm gì đến sức khỏe mãi đến tận năm 1973 khi tôi choáng váng vì bất ngờ phát hiện mình đã bị thấp khớp mãn tính, một điều hóa ra vừa là một sự may mắn lẫn một tình trạng đáng nguyên rủa. Tình trạng đáng nguyên rủa của sự đau đớn và hầu như tàn tật là một chuyện khác, nhưng sự may mắn là, sau một tiến trình dài, tôi đã phát hiện khái niệm sức khỏe toàn diện; thay vì “học để sống chung với bệnh tật” như các bác sĩ của nền y học quy ước đã khuyên tôi

sau những cuộc chẩn đoán, chỉ trong vòng hai năm tôi đã không còn bị hành hạ bởi những triệu chứng bệnh hoạn và duy trì được tình trạng như vậy đến nay là đã trên 35 năm.

Đầu thập niên 1980, tôi bắt đầu đọc tài liệu về những kỹ năng sống của người nguyên thủy rồi tham dự những khóa học về những kỹ năng tồn tại ngoài thiên nhiên tại những cơ sở đào tạo như ở New Jersey và Utah. Chẳng bao lâu, tầm hiểu biết về mô hình sức khỏe toàn diện rất được tôi ưa thích đã trở nên có vẻ

như vẫn còn hạn chế. Mặc dù cái khái niệm “*thân, tâm, nghị lực*” là nhắm đến con người như một toàn thể chứ không chỉ chú tâm đến các triệu chứng bệnh tật, tôi cũng đã bắt đầu nghĩ đến việc chúng ta sống ở đâu và như thế nào; phải chăng cũng sẽ là quan trọng để sống một cách hòa hợp với môi trường chung quanh của một con người? Vì Mẹ Đất cung cấp mọi vật liệu cho chỗ ở, nước uống, năng lượng và thực phẩm của chúng ta, chúng ta không chỉ cần phải biết cách tìm được những vật liệu ấy, chúng ta còn cần phải duy trì chúng, chẳng hạn như hãy cẩn thận đừng nhổ trừ đám cỏ gà (chickweed) hay cây gừng dại trên một mảnh đất. Tuy nhiên đây chỉ là một bước nhỏ để đi tới câu hỏi kế tiếp: Liệu chúng ta có thể học được những gì về sức khỏe từ những người nguyên thủy và môi trường sống của họ?

Học tập từ những người nguyên thủy

Suốt trong những khóa huấn luyện khắc nghiệt về mưu sinh thoát hiểm ở New Jersey, tôi thích thú học về những loại thảo mộc hữu ích ăn được và có dược tính. Từ những hiểu biết rất ít khi tôi tham dự những khóa học ở Utah, hầu như tôi đã có thể bắt đầu bới tìm và nghiên cứu về những giống thảo mộc mới lạ từ một hệ sinh thái hoàn toàn khác biệt! Đó chính là bài học đầu tiên của tôi về môi trường sống và việc mưu sinh thoát hiểm: nếu ta muốn tồn tại trong một vùng đất đặc biệt, việc quen thuộc với hệ thực vật và những đặc điểm khác của nơi đó là điều mang lại những giúp đỡ quan trọng. Một bộ lạc Săn bắn Hái lượm thời cổ biết rõ về môi trường sống của họ – nếu lại là một bộ lạc du mục thì họ còn biết nhiều hơn. Kiến thức của họ về những thứ có thể dùng làm thực phẩm và cách chế biến được truyền từ đời này sang đời khác. Thế thì thực đơn hàng ngày và lối sống của họ đã ảnh hưởng đến sức khỏe của họ như thế nào? Phải mất nhiều năm tôi mới trả lời được câu hỏi này. Tôi đã học được rằng những thực đơn thích hợp với những loại thực phẩm tự nhiên ở địa phương mang lại một sự khác biệt lớn lao. Câu trả lời hầu như chủ yếu đến từ một quyển sách đáng kinh ngạc, *Nutrition and Physical Degeneration (tạm dịch Dinh Dưỡng và Sự Suy Thoái của Cơ Thể)* do một Tiến sĩ Nha khoa là ông Weston Andrew Valleau Price (1870 – 1948) viết và xuất bản năm 1939. Một nha sĩ ư? Đúng vậy, một cuộc nghiên cứu sâu rộng và những tấm ảnh chụp trong khoảng thời gian thập niên 1930 về các dân tộc còn giữ được truyền thống đã cho chúng ta một sự hiểu biết rõ rệt về các thông tin mà ngày nay không còn được thấy vì sự mở rộng của nền văn minh. Tiến sĩ Price nghiên cứu về các nền văn hóa của những dân tộc nguyên thủy trên khắp thế giới, những nền văn hóa vẫn còn chưa tiếp xúc với văn minh và các loại thực phẩm tinh chế thiếu dưỡng chất của xã hội văn minh.

Mọi chuyện bắt đầu khi Tiến sĩ Price nhận thấy những bệnh nhân răng miệng của ông ở Cleveland thường có một sức khỏe rất kém. Nhiều người trưởng thành bị răng hư cùng với các chứng thấp khớp, loãng xương, đái tháo đường và những cơn đau định kỳ. Ông quan tâm đặc biệt đến những bệnh nhân trẻ tuổi hơn, những người mà tình trạng sức khỏe yếu kém của họ được ông theo dõi suốt cả chục năm. Ông đã nhận thấy những bộ răng xiêu vẹo ngày càng trở nên thông thường đi kèm những gương mặt hẹp, những lỗ mũi trĩu, tình trạng răng mọc lộn xộn không trật tự và xương gò má lõm. Những bệnh nhân trẻ tuổi này cũng khổ sở vì thường xuyên bị nhiễm trùng, dị ứng, thiếu máu, suyễn, nhìn không rõ, phản xạ thiếu chuẩn xác và cả những vấn đề về hành vi.

Tiến sĩ Price đã dành nhiều mùa hè để nghiên cứu cả một sự phân bố rộng rãi về những tộc người nguyên thủy còn bị cô lập với nền văn minh trên hầu khắp thế giới. Những nơi và những tộc người mà ông đã đến tìm hiểu có thể kể đến là những ngôi làng hẻo lánh ở Thụy Sĩ, một hòn đảo ngoài khơi vùng duyên hải Scotland, sắc dân Inuit (còn gọi là người Eskimo) ở vùng Bắc cực, một số bộ tộc bản xứ ở Canada, những cư dân vùng Nam đảo, người Maoris ở New Zealand và dân bản địa Australia, người bản địa ở Peru và các bộ tộc trong vùng Amazon, các bộ tộc Phi châu trong lãnh thổ xứ Kenya (gồm các nhóm người Masai, Kikuya, Wakamba, Jalou) và giống dân Pigmy. Trong khắp sự phân bố rộng rãi và đa dạng của những môi trường sống ấy, ông đã phát hiện những thực đơn hàng ngày theo thứ tự ưu tiên sau:

- Sữa tươi chưa làm tiệt trùng, bánh nướng làm bằng bột lúa mạch nhào, súp nấu với nước hầm xương, các loại rau củ quả, thỉnh thoảng có một ít thịt.
- Cá, trứng cá, thịt hải cẩu, mỡ cá voi, các loại thủy thực vật, các loại quả mọng.
- Khoai lang, các loại đậu, hạt kê, thịt dê, kiến, châu chấu.
- Thịt các loài gặm nhấm, chuột túi.
- Thịt, máu và sữa động vật.

Quyển sách của ông chứa đựng hơn 150 tấm ảnh thể hiện sự tương đồng nhất quán về mặt sinh lý học và cơ thể học trong những tộc người tiêu hóa những thức ăn theo những thực đơn khác nhau đó: dưới năm phần ngàn người bị sâu răng, những hàm răng đều và thẳng, xương hàm răng và xương gò má bình thường có chỗ cho một bộ răng đủ 32 chiếc răng, và hầu như họ ít bị bệnh tật, ngay cả ở những tộc người sống trong những môi trường khắc nghiệt nhất. Tương phản với những vấn đề về hành vi đã được ghi nhận trước đó ở những bệnh nhân răng miệng trẻ của Tiến sĩ Price, những người sống cuộc sống nguyên thủy này thể hiện một thái độ hợp tác chân thành; ông nói rằng ông chưa bao giờ thấy những người hạnh phúc như vậy.

Có vẻ như thay vì một lối sống hoàn toàn nguyên

thủy, nhiều người trong chúng ta đã bắt đầu một cuộc hành trình đi ngược lại để đến với một tình trạng nguyên thủy hơn về sức khỏe trong sự liên hệ với môi trường sống của chính chúng ta và như vậy chúng ta có thể dựa vào chính mình mà theo đuổi một khuynh hướng không chỉ là Sức khỏe Toàn diện nhưng còn là một trạng thái mà tôi có thể gọi là Sức Khỏe Hải Hòa.

Tiến sĩ Price nhận ra rằng những cộng đồng nguyên thủy ấy sống gần những nhóm người gần gũi với họ về chủng tộc; nhưng, những nhóm người sau này, sau khi tiếp xúc với các thương nhân và các đoàn truyền giáo phương Tây, đã thay đổi thực đơn hàng ngày theo truyền thống của họ bằng những món hàng có sẵn trong các cửa hàng tổng hợp đã được thành lập: đường, hạt ngũ cốc xay xát sạch, thực phẩm đóng hộp, sữa tiệt trùng và các loại dầu thực vật tinh chế. Những người này lập tức có những hàm răng bị hư hỏng, bị những chứng bệnh nhiễm khuẩn và ở trong điều kiện thoái hóa về sức khỏe. Con cái của họ, nghĩa là thế hệ kế tiếp theo chế độ ăn uống thay đổi, có những hàm răng tụt tụt lại và lệch lạc, những gương mặt hẹp, bị biến dạng về cấu trúc xương và bị giảm khả năng miễn dịch trước bệnh tật, tất cả những điều đó đã củng cố nhận xét của Tiến sĩ Price.

Sau khi mang về nước một số thực phẩm bản địa để đưa vào phân tích, Tiến sĩ Price phát hiện rằng so với thực phẩm đương thời của Hoa Kỳ, thực phẩm bản địa chứa hàm lượng khoáng chất bốn lần nhiều hơn và hàm lượng các loại sinh tố A, D mười lần nhiều hơn.

Chúng ta hiện đang ở đâu

Những bộ tộc nguyên thủy sống cô lập được Tiến sĩ Price tìm hiểu ở đầu thế kỷ 20 đã duy trì được sức khỏe tốt và được giải thoát khỏi bệnh tật. Tuy nhiên, như lịch sử đã cho thấy, điều đó chỉ còn là sự thật bao lâu mà họ chưa có sự tiếp xúc với con người bên ngoài môi trường sống của họ. Hệt như người da trắng hiện đại mang những thực đơn hàng ngày về những thực phẩm nhân tạo của họ đến những vùng xa xôi hẻo lánh, những nhà thám hiểm châu Âu ngày trước đã mang bệnh tật của họ đến và vì thế những tộc người nguyên thủy không còn được sự miễn nhiễm.

Một bản tường thuật thú vị về lịch sử bệnh tật, tác phẩm *Guns, Germs and Steel* (tạm dịch *Súng, Vi trùng và Thép*) của Jared Diamond xuất bản năm 1997 có mô tả trường hợp những người thuộc lục địa Âu-Á đã lần đầu tiên như thế nào mà bị nhiễm những bệnh hay lây từ những thú nuôi đã được thuần hóa bị nhốt trong những chuồng trại chật hẹp, như bệnh đậu mùa chẳng hạn, và sau đó họ đã dần dần đạt tới sự miễn nhiễm đối với các chứng bệnh đó như thế nào. Tác giả chỉ ra rằng bò và lợn, những nguồn bệnh chính ở Cựu Thế giới, vốn trước đây không có mặt ở Tân Thế giới, nơi mà chỉ có rất ít động vật đã được thuần hóa, cho nên con

người nơi đây đã không đạt được sự miễn nhiễm để chống lại những chứng bệnh có nguồn gốc Á-Âu đó. Như Diamond dẫn chứng bằng tài liệu thì số người bản xứ ở Tân Thế giới bị giết vì vi trùng của người châu Âu nhiều hơn số người bị giết vì súng đạn. Ông viết, "*Khi Hernando de Soto...[hành quân] qua vùng Đông nam Hoa Kỳ [ngày nay] vào năm 1340, ông đã bắt gặp những thị trấn người bản xứ bị bỏ hoang từ hai năm trước đó vì dân cư đã chết sạch bởi dịch bệnh. Những trận dịch bệnh này đã được truyền vào từ những người bản xứ sống ở vùng duyên hải bị nhiễm phải khi người Tây Ban Nha đến vùng bờ biển này. Vi trùng do người Tây Ban Nha đem đến đã lan rộng vào nội địa theo bước tiến của người Tây Ban Nha... Trên toàn thể lãnh thổ của Tân Thế giới, mức giảm dân số của người bản địa châu Mỹ trong vòng một hay hai thế kỷ sau ngày Columbus đặt chân đến nơi này được ước tính là có thể lên đến 95 phần trăm*".

Một tác giả khác là Robin C. Brown trong tập *Bulletin of Primitive Technology*, Fall 2009 (tạm dịch *Tin thư về Công nghệ Nguyên thủy số mùa thu năm 2009*) chỉ ra rằng "*không một nơi nào mà sự giết hại vì bệnh tật lại khủng khiếp hơn vùng Florida. Vào năm 1500 Tây lịch, có tới khoảng 100.000 thổ dân sống tại nơi mà nay là Florida. Đến năm 1800, toàn bộ thổ dân nơi đây đều biến mất*".

Ngày nay, vào đầu thế kỷ 21, hầu hết những tộc người nguyên thủy mà Price từng viếng thăm đã trở nên văn minh đến mức mà về mặt thực tiễn thì toàn thể thế giới đã trở thành một môi trường đồng nhất mênh mông như được mô tả trong *The Geography of Nowhere* (tạm dịch *Địa lý học về Chẳng một nơi nào*) của James Howard Kunstler, 1993): "*Chẳng có mấy ý nghĩa trong việc đến bất cứ nơi nào vì lẽ bất kỳ chỗ nào trông cũng giống như chẳng có chỗ nào nói riêng*". Và như Norm Kidder nhận xét trong bài tiểu luận *Fire Watchers* (tạm dịch *Những người canh lửa*) đăng trên *Bulletin of Primitive Technology*, Fall 2009 rằng, "*mục đích của chúng ta có vẻ là làm cho ở mỗi nơi không chỉ có cảm xúc; nhưng rồi đâu cũng đều thế cả*". Khuynh hướng đó có lẽ vừa là nguyên nhân vừa là hậu quả của trạng thái bị tách rời khỏi thiên nhiên vốn là tình trạng chung của thời đại hiện nay. Tương ứng với môi trường sống hiện đại của chúng ta là một thực đơn hàng ngày đơn điệu quá phổ biến bao gồm những loại thực phẩm dễ dàng được sản xuất ở quy mô lớn và thuận tiện cho việc chuyên chở bằng đường biển đến bất cứ nơi nào: bột mì tinh và đường, gạo xay xát kỹ, dầu thực vật tinh chế và sản phẩm đóng hộp; tất cả đều được trồng cấy trên những nông trang kỹ nghệ hóa với đất đã bạc màu. Một kết quả rõ rệt của môi trường sống và thực đơn hàng ngày hiện tại là tình trạng sức khỏe ngày càng tồi tệ của rất nhiều người.

Chúng ta có thể đi ngược lại chăng?

Tất nhiên việc ở trong tình trạng sức khỏe tồi tệ và bị

cắt đứt khỏi thiên nhiên chẳng phải là một hiện trạng thực tế đối với tất cả mọi người hiện nay, nhưng đó là khuynh hướng chủ đạo. Chúng ta có thể làm gì? Phải chăng chúng ta có thể trở lại với lối sống nguyên thủy? Tác phẩm *Nature and Madness (tạm dịch Thiên nhiên và sự Điên rồ)* của Paul Shepard cho rằng sự phát triển của những đứa trẻ sơ sinh là nhờ chúng được tiếp xúc thường xuyên với người mẹ. Ngay cả những con chuột con mà mất sự chăm sóc của chuột mẹ cũng bị thiếu kích thích tố oxytocin và bị dẫn đến tình trạng còi cọc. Sheppard cũng mô tả “sự cộng sinh địa hình” như một thành phần thiết yếu cho việc phát triển của đứa trẻ trong xã hội nguyên thủy, ở đó trẻ em sống và trưởng thành ngoài trời với những người cùng bộ tộc, như thể môi trường sống của chúng là một bộ phận của gia đình. Trong lối sống đó chúng trở nên gắn bó với thiên nhiên – thật là tương phản với sự rối loạn do việc thiếu vắng thiên nhiên! Tuy nhiên, hầu hết mọi người sẽ đồng ý rằng việc trở lại với lối sống nguyên thủy không phải là một chọn lựa thích hợp vì dân số thế giới đang tăng. Vậy thì đâu là một vài giải pháp khả thi?

Trong chương cuối của *Nutrition and Physical Degeneration* với chủ đề *Practical Applications of Primitive Wisdom (tạm dịch Những áp dụng thực tiễn từ Trí tuệ Nguyên thủy)*, Tiến sĩ Price đưa ra nhiều đề nghị mang tính cung cấp tư liệu cho việc cải thiện sức khỏe trẻ sơ sinh. Ông chỉ ra rằng hầu hết các tộc người nguyên thủy có những hành vi dẫn đến việc các đợt sinh con của người phụ nữ cách nhau từ hai năm rưỡi tới bốn năm, điều đó giúp mang lại sức khỏe tốt hơn cho cả bà mẹ và các đứa con. Ông cũng mô tả thực đơn hàng ngày đặc biệt theo truyền thống của người nguyên thủy dành cho người phụ nữ sắp làm mẹ, hiển nhiên là phụ thuộc vào môi trường sống của họ: trứng cá rõ ràng là rất quan trọng đối với những tộc người sống ở vùng duyên hải trong khi các sản phẩm từ sữa có phẩm chất cao được quan tâm đối với các bộ tộc chăn thả súc vật ở châu Phi và những ngôi làng cô lập của Thụy Sĩ trên vùng núi Alpes. Trong vòng nhiều tháng trước khi các cô gái thuộc bộ tộc Masai có thể được kết hôn, họ phải dùng sữa từ những con bò được chăn thả trong mùa có cỏ tươi. Price suy ra rằng một thực đơn trong lúc mang thai của người phụ nữ nguyên thủy lúc bấy giờ, dựa trên sự dinh dưỡng của những tộc người nguyên thủy thành công nhất, hẳn là phải gồm có sữa, bơ, rau xanh, hải sản và dầu gan cá thu. Price kết thúc quyển sách của ông với lời hô hào rằng chúng ta nên trở lại để “*sử dụng những thực phẩm thiên nhiên vốn cung cấp một tập hợp toàn thể những yếu tố thực phẩm giúp xây dựng và điều chỉnh cơ thể...*” vì “*... mọi hình thái của đời sống động vật là sản phẩm của môi trường thực phẩm đã sản xuất ra chúng...*” và “*... cách thức cướp đoạt thực phẩm thiên nhiên trong thời hiện đại của chúng ta vì sự thuận tiện hay vì lợi nhuận*

đang ngăn trở hoàn toàn chương trình lẽ ra không thể bị vi phạm của thiên nhiên”.

Đã bảy chục năm trôi qua từ khi tác phẩm của Tiến sĩ Price được xuất bản và ngày nay đang có một sự tăng trưởng của những phong trào sử dụng thực phẩm thiên nhiên như việc xây dựng các nông trại hữu cơ, chương trình nông nghiệp bền vững (tạm dịch thuật ngữ *permaculture*), và “thực phẩm chậm” (“*slow food*”, thay vì thực phẩm nhanh “*fast food*”). Ý tưởng địa phương hóa việc cung cấp thực phẩm cho chúng ta quan trọng ở chỗ việc ăn thực phẩm địa phương và đúng thời vụ có thể kết nối lại chúng ta với môi trường sống của chúng ta và giúp chúng ta giữ được sự hòa hợp với thiên nhiên.

Một tài liệu có giá trị khác là *Nourishing Traditions (tạm dịch Các Truyền thống Dinh dưỡng)* của Sally Fallon và Mary Enig xuất bản năm 2001, một tập bách khoa toàn thư về việc chế biến món ăn bằng những thực phẩm hoàn toàn thiên nhiên bao gồm những phương pháp chuẩn bị món ăn giúp tiêu hóa tốt nhất, trong số đó có nhiều phương pháp cổ điển có ích đã được quan sát bởi Tiến sĩ Price mà tác phẩm của ông là nguồn gợi hứng quan trọng cho tập bách khoa toàn thư về nấu nướng này.

Chúng ta cũng có thể mua những sản phẩm được chế biến tại địa phương. Một số nhà sản xuất đã bắt đầu vận dụng toàn bộ chu kỳ cuộc đời của các sản phẩm của họ và để tiến thêm một bước nữa họ có thể sắp xếp việc sản xuất theo nhịp điệu thiên nhiên bằng cách kiểm chế việc tạo thêm những sản phẩm mới trong mùa đông; thay vào đó họ sử dụng thời gian nghỉ ngơi này vào việc chuẩn bị các vật liệu đã qua sử dụng để dùng lại trong mùa sản xuất kế tiếp; chẳng hạn, một nhà sản xuất thu gom những tấm thảm mà các khách hàng của họ đã bỏ đi rồi chế biến những vật liệu có thể dùng lại thành những tấm thảm mới.

Có vẻ là thay vì áp dụng toàn thể lối sống nguyên thủy, nhiều người trong chúng ta đã bắt đầu một hành trình trở về với một trạng thái sức khỏe mang tính nguyên thủy nhiều hơn trong mối liên hệ với môi trường sống hiện đại và như thế có thể nói rằng chúng ta đang theo đuổi không chỉ một nền sức khỏe toàn diện mà là điều có thể được gọi là một nền sức khỏe hài hòa. ■

Lanie Johnson là thành viên của *Society for Primitive Technology* (một Hiệp hội phi chính phủ có trụ sở ở bang Idaho, Hoa Kỳ, chuyên nghiên cứu ứng dụng những kinh nghiệm của các tộc người nguyên thủy), thường xuyên đóng góp bài viết cho *Bulletin of Primitive Technology* là cơ quan liên lạc và phổ biến các kết quả nghiên cứu của Hội.

Nguồn: *Habitat and Health, from the primitive to the contemporary*, *Bulletin of Primitive Technology*, số mùa thu năm 2010.



Chùa lạ giữa quần đảo Hải Tặc

Bài & ảnh: NGUYỄN PHƯỚC THỊ LIÊN

Hải tặc chỉ có nghĩa là cướp biển. Trên vùng đất Hà Tiên xưa của Việt Nam cũng có cướp biển, do đó người Pháp vẽ bản đồ đã gọi nhóm Hòn Tre là “Quần đảo Hải Tặc” (Iles des pirates).

Chúng tôi từ Hà Tiên háo hức đáp tàu ra Hòn Tre, nay là Tiên Hải trong quần đảo Hải Tặc. Tàu ra khỏi cửa biển, bỏ lại phố chợ Hà Tiên cùng núi non nhấp nhô. Chúng tôi tiếp cận đảo, cái gần cái xa; lẫn trong đó có cả những ghe tàu ra khơi đánh bắt.

Gần hai giờ sau, tàu cập bến. Đường lên bờ ngay chỗ tàu đậu nhưng chúng tôi phải vất vả vì chồng cọc bê tông nằm cản lối, chắc rằng nơi đây sắp xây cầu cảng. Đi giữa lộ cái đến ủy ban xã, cũng phải len qua nhiều hàng quán. Người dân đảo nhìn chúng tôi ngỡ ngàng xa lạ nhưng nụ cười đầy vẻ hiếu khách. Từ ủy ban xã, theo

con lộ chính là lối đi quanh đảo, chúng tôi đến thăm đồn biên phòng 738. Trường học, bệnh xá, nhà dân nằm gọn hai bên đường. Ai chưa đến Hoàng Sa, Trường Sa của tổ quốc, khi đến đồn biên phòng xã đảo, sẽ có cái nhìn vừa tổng thể vừa chi tiết về cuộc sống người lính đảo. Nói về lính biên phòng, phần lớn họ đến từ các tỉnh miền Trung, miền Bắc nước ta. Chính vì vậy, anh em lính đảo thiếu vắng tình cảm gia đình. Nhưng bù lại, họ được nhân dân và chính quyền tận tình chăm sóc. Nhờ vậy, họ an tâm vững dạ bảo vệ an ninh vùng đảo này của tỉnh Kiên Giang. Vui thay, cũng có anh lính đảo tình nguyện nhập cư “ở rể” luôn. Từ đồn, chúng tôi đến xem hồ nước ngọt, có hệ thống lọc, do các anh bộ đội biên phòng xây cất. Thêm chặng đường ngắn thì gặp bãi tắm. Bãi lài và cạn. Tuyệt vời với làn nước trong xanh êm ả, mặt nước phẳng lì đến khó tin, tìm không ra một gợn sóng vỗ bờ.

Cát thì cứ trắng phau phau. Từ đây trở lên, đường được trải nhựa khá tốt. Chúng tôi cứ thế mà đi. Chợt có người phát hiện dưới bờ biển, một trụ bia hình mỏ neo của Hải quân chế độ cũ, bia khắc tên đảo: Hòn Tre Lớn, Hòn Tre Nhỏ, Hòn Tre Vinh, Hòn Đước, Hòn Giang, Hòn Gùi, Hòn Bánh Lái, Hòn Đồi Mồi, Hòn Kiến Vàng, Hòn Phụ Tử Nhỏ, Hòn Bánh Tét, Hòn Bánh Ít, Hòn Bánh Tổ...

Chúng tôi tiếp tục lên cao dưới cái nắng chói chang thôi thúc. Khi vừa qua khúc quanh, lại thấy nhiều bậc cấp cao, trên đó thật im mát. Mọi người phấn khích bước lên. Ôi, thì ra... cái chùa, có tên Sơn Hòa tự. Vừa bắt ngờ lại quá mừng, nổi mẹt nhọc bỗng dung tan biến, chúng tôi hăng hái vào chùa thắp nhang lạy Phật để rồi... cãi nhau:

- Đây không phải chùa mà là miếu.

- Sơn Hòa tự. Tự là chùa. Nhưng sao không có người trông coi, không có sư trụ trì, cửa mở toang mà bốn bề vắng tanh vắng ngắt.

- Chẳng qua người dân đảo có nhu cầu thờ cúng. Họ tự lập chùa, nhỏ thôi, để đến cầu xin, dâng lễ, tạ ơn trước hoặc sau khi ra khơi.

- Đúng là "Mái chùa che chở hồn dân tộc - Nếp sống muôn đời của tổ tông".

Có người hăng máu cãi rằng:

- Nơi thờ Phật không thể gọi là miếu. Và xin nhớ cho rằng, thị xã Hà Tiên có những ba ngôi chùa mang tên "Hòa". Đó là Thanh Hòa tự ở xã Thuận Yên, Vạn Hòa tự ở xã Dương Hòa và Sơn Hòa tự ở xã Tiên Hải, tức là chùa này đây.

Mỗi người nhìn Sơn Hòa tự bằng cái tâm phân biệt đối xử của riêng mình, bởi vì chùa này sao mà vắng vẻ, đìu hiu, nhỏ nhắn sơ sài quá, thật không giống ai. Có giống chằng, ở cách bài trí nghi tượng cùng các vật dụng bình hoa, đèn nhang, chung trà, quẹt lửa v.v. Tất nhiên không có thùng phước điển. Điều lạ nữa, ở đây, từ trong ra ngoài đều sạch. Sau chùa có mắc võng, cả chổi quét, giỏ đựng rác. Điều chứng tỏ có bàn tay con người ẩn mình, chăm sóc.

Và hơn cả sự bất ngờ, chúng tôi lại được một phụ nữ Phật tử nơi đây cho biết: "Vào mồng một, rằm, nhất là ngày Tết, ngày lễ Phật, chùa này đông vui lắm, cũng trống cũng chuông mõ đàn hoàng. Các cụ già lo việc cúng kiếng. Tiền bạc thì người dân, mạnh ai nấy cúng...". Nghe vậy, chúng tôi khắp khởi mừng, góp tiền cúng dường ngay tại chỗ, nhờ chị này chuyển giúp vì gần đến ngày lễ Vu-lan. Chị có hỏi tên để ghi vào sổ, chúng tôi chỉ cười, bảo rằng: "Phật tử".

Chùa ở lưng chừng núi đảo, đủ cho ta bao quát cái mệnh mông diệu vợi của biển trời; lô nhô nhiều đảo lớn, đảo nhỏ, vừa xa vừa gần. Khách lạ khó bề phân biệt cái ta cái bạn giữa hải phận Việt Nam - Cambodia. Nhưng đó là chuyện nhỏ, không phải lo, người dân xứ đảo, từ tấm bé, khi mới bước chân xuống biển đã thuộc nằm lòng tên gọi từng chỗ đứng mỗi ngọn đảo của tổ quốc mình.

Đầu óc loay hoay với Sơn Hòa tự, chúng tôi không thể không nghĩ tới một khi Tiên Hải được xây dựng thành khu du lịch nghỉ dưỡng, người ta không ngần ngại phá bỏ Sơn Hòa tự. Nếu quần đảo Hải Tặc được duyên lành thì nơi đây sẽ có ngôi chùa tầm cỡ hoặc khu thiền viện thay thế, vừa tôn vinh cảnh sắc thiên nhiên vừa làm trụ bảo vệ "hồn dân tộc" tại khu vực biên giới phía Tây Nam này.

Trước khi ra về, theo đường nhựa, chúng tôi lên đỉnh núi. Lại bất ngờ thấy dãy nhà đơn sơ của Hải quân Việt Nam Cộng hòa, nay vẫn còn nguyên vẹn.

Và đúng là cái duyên thật diệu kỳ. Từ đó về sau, mỗi lần nhớ Sơn Hòa tự, chúng tôi ra đó bằng tàu sắt hay tàu gỗ, mua vé 40.000 đồng/người, lại được hưởng chế độ giảm giá cho người già. Vui nhất, mỗi lần ra, mỗi lần thấy chùa khang trang tươi tắn hơn. Nhiều bàn ghế đá đỏ hồng, ghi tên người hỷ cúng được kê kín sân gạch, tượng Phật còn đậm nét sơn, mái tôn ở sân hiên cũng được thay, coi nói thêm...

Bây giờ tôi đã là người khách quen của tàu. Nếu không ra đó được, tôi chỉ cần gửi tiền cúng dường của mình qua người chủ tàu hay chú tài công, họ sẵn lòng giúp, có khi lại cúng thêm vào. Trước thêm năm mới Quý Tỵ 2013, việc cúng này cũng không ngoại lệ. ■





Trái chanh và ly nước chanh

VÕ VĂN LÂN

1 Ra trường, cảm quyết định bổ dụng trong tay tôi chưa mừng đã thấy lo! Chỉ nghe đến cái tên cũng đủ ớn lạnh! Tôi muốn trả quyết định ngay nhưng ai cũng khuyên cứ đến coi thử. Hai ngày chờ ở bến xe thị trấn mà không có xe càng thúc đẩy tôi nuôi ý định trở về. Nhưng lỡ hẹn với An, người đồng nghiệp tôi lên thay, nên tôi còn nán lại. Hôm sau, khi tôi đã ngồi trên xe về sở thì anh ta đến, lời tôi xuống và thuyết phục tôi lên trường. Tôi không còn suy tính mà như cái máy làm theo anh ta. Chờ đến hơn bảy giờ xe mới chuyển bánh. Chiếc xe đốt-cát (Dodge-quatre) cải tiến thùng dài rộng ưu tiên chở hàng hóa nên nhiều khách phải bu

sau xe. Qua khỏi thị trấn bảy tám cây số, đường càng trở nên xấu dần; đất đá gồ ghề và chiếc xe ì ạch lên dốc vừa chạy vừa gầm gừ. Những lúc lên dốc, khách ở phía sau phải xuống phụ đẩy xe. Quãng đường gần hai chục cây số một bên dốc núi một bên vực thẳm, ngồi trên xe mà cứ run sợ và nghĩ đại...! Đến mười một giờ, xe dừng lại trước chân đèo..., nhưng chỉ để đổi người và hàng hóa lên xuống xe! An cho biết đây là nơi tập kết để cùng mọi người qua đèo. Mỗi ngày có một chuyến xe lên và xuống đèo dừng lại đây ăn uống nghỉ ngơi. Tôi mệt đừ nên chẳng muốn ăn uống gì. Những gian nan bất trắc nơi đây tôi đã nghe nói trong thời gian chờ xe,

nhưng đầu gối tình hình lại đến nỗi này! Chiếc va-li đủ thứ áo quần chân mùng, sách vở thuốc đau bụng, đau đầu, ngửa sốt rét... tôi khệ nệ rinh từ trên xe xuống. An cười: "Hai năm trước mình cũng thế nhưng chỉ một thời gian bỏ hết". Theo lời An, tôi gói va-li ở quán chỉ đem vài bộ áo quần và vài thứ cần dùng, sau về lấy dần.

Hai giờ chiều chúng tôi theo đoàn người lên đường. Trước mắt núi rừng trùng điệp, cây cối ngút ngàn và đá núi lởm chởm cản bước chân. Vượt qua hai ngọn đèo và lội qua không biết mấy con suối gần ba giờ đồng hồ mới xuống đến vùng thung lũng, một làng người Kinh sinh sống không biết tự bao giờ, đã lâu đời! Những nhà mái tranh, mái tôn nhỏ như chiếc hộp diêm xen kẽ mấy đám bắp, sắn... lác đác hai bên đường. Ngôi trường năm phòng mái ngói đỏ còn tươi rói trông bề thế ngoài cả sự tưởng tượng của tôi nằm lọt giữa rừng cây. An chỉ cho tôi ngôi trường và chỗ anh trọ cách không xa chừng trăm mét. Đến nơi, tắm rửa ăn uống xong thì trời đã tối. Chuyện trò đến mười giờ tắt đèn đi ngủ, hẹn sáng mai bàn giao. Tôi leo lên võng nằm đu đưa, trần trọc mãi không ngủ được. Buồn, nhớ nhà... và lo sợ vẫn vơ. Đêm núi rừng sâu hun hút, không gian chùng xuống với bao thứ âm thanh mơ hồ xa vắng, tiếng côn trùng rả rích bản hợp tấu bất tận. Chuyện ma thiêng nước độc, thú dữ cộp beo vồ người... như được cơ hội khởi lên! Tôi trông cho mau sáng để về...! Gần sáng mới chợp mắt được một chút, tôi thấy mình được chuyển về dạy ở ngôi trường gần nhà. Giấc mơ đẹp bị phá hỏng khi An lay tôi dậy bảo: "Cậu đừng căng thẳng quá có hại cho sức khỏe, mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp!". Tôi nghĩ chắc mặt mày mình thiếu não lắm! Mấy đêm rồi tôi có nhắm mắt được đâu, cứ chập chờn... suy đi nghĩ lại! Bao năm nỗ lực học tập và lọt vào sự phạm đầu phải dễ! Hy vọng của gia đình, bao nhiêu người đang trông cậy vào mình. Sẽ ra sao nếu tôi bỏ dạy! Tôi vừa đánh răng rửa mặt vào thì An nhìn tôi bảo "Cậu ký đơn đi!".

- "Đơn gì?" Tôi ngạc nhiên!

- "Tôi hoán chuyển cho cậu về chỗ tôi, tôi ở lại!" .

Tôi trở mắt nhìn An:

- "Anh không đùa đó chứ?"

- "Không đùa đâu, nói nghiêm chỉnh đó! Tôi ưu tiên cho cậu, con người giàu tình cảm! Đơn viết sẵn để trên bàn, cậu ký đi!". An nhắc lại lần nữa.

Có thể có chuyện như thế? Tôi vẫn chưa tin nhưng dầu sao tôi vui mừng đến nỗi quên cả bày tỏ cử chỉ gì đó, chẳng hạn nói lời cảm ơn người bạn mới quen.

Chúng tôi xuống núi về Sở nộp đơn. Tiếp chúng tôi, ông Giám đốc tỏ vẻ ngạc nhiên hỏi An:

- "Năm rồi thấy một mực xin về, nay đòi ở lại?"

- "Tôi đã quen. Và lại muốn giúp người bạn đồng nghiệp mới ra trường!"

- "Thấy đã ở hai năm, và lại bên Ủy ban còn chưa quên chuyện... đòi hỏi phân bổ công bằng, hợp lý!"

2 Nguyễn vọng bất thành, An vội vã đến nhiệm sở mới, tôi còn nán lại thị trấn đắn đo suy nghĩ "ở hay về!". Tiến thoái lưỡng nan, về thì không ổn rồi, còn ở thì làm sao chịu nổi! Nơi đây vùng thung lũng hẻo lánh, núi đèo cách trở, đời sống khó khăn. Cuối cùng thôi đành để "xem con tạo xoay vần đến đâu?" Tôi lên trường bắt tay vào việc và thắm nhủ "vạn sự khởi đầu nan", khó khăn gì rồi cũng sẽ qua. Và lại, phải chăng đây cơ hội thực hiện hoài bão bấy lâu. Tôi cố khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ. Nhưng số phận gian nan nào đã chịu buông tha, hết biến cố này đến biến động nọ dồn dập đẩy tôi vào bế tắc. Bỗng sực nhớ câu tục ngữ "gian nan tỏ mặt anh hào", đã đến nỗi này phải ra sức làm việc, chúng tỏ cho những kẻ "có ô có dù" được ưu tiên chọn nhiệm sở tốt, ưu đãi trường lớn, sân rộng người đông ở ngay thị trấn, thành phố... cho họ biết mặt "khả năng, bản lĩnh mình không tồi... chẳng qua thiếu may mắn!". Tôi ra sức vận động các thầy cô giáo, chính quyền và phụ huynh học sinh tiếp tay làm thêm hàng rào, dọn dẹp phòng học, sắp xếp lại bàn ghế bằng đen rồi bắt tay vào việc củng cố nền nếp dạy và học. Thầy cô giáo được động viên phần khởi giảng dạy, người dân tích cực hỗ trợ và phụ huynh học sinh hưởng ứng... Ba bốn tháng mọi việc tạm ổn, sinh hoạt dạy và học đi vào nề nếp. Tôi yên tâm về sở hợp, xong tranh thủ về thăm nhà. Ngờ đâu một biến cố xảy ra. Mới vào thu mà trận bão lớn nổi lên, xóa sạch những gì tôi cùng tập thể đổ bao công sức. Trở về qua đường đèo, đất đá và cây cối ngã rạp đã lấp hết lối đi. Nhiều người mở lối tắt. Họ khuyên tôi không nên vội vì nguy hiểm nhưng tôi nôn nóng. Đến trường cảnh tượng hỗn độn trường lớp hư hại mái bị tốc ngói, bàn ghế gãy đổ, hồ sơ sổ sách rách nát. Sinh hoạt khó khăn mới vào nền nếp chưa lâu, tình hình này khó mà phục hồi. "Số mình sao gian truân?" tôi bồn chồn lo lắng! Người dân hư hao mùa màng, nhà cửa sụp đổ xiêu vẹo, có cái nằm ẹp bên đường nhưng họ để đó... đến tiếp tay các thầy cô giáo và các em học sinh dọn dẹp "để bọn trẻ sớm được đến trường". Chưa kịp lấy lại sức, số phận lại lần nữa thử thách sức chịu đựng của tôi. Cha tôi qua đời mà tôi không kịp về nhìn mặt! Người cha kính yêu cả một đời cực khổ lận đận vì con cái; thiếu sự động viên của ông tôi khó mà có được như hiện nay! Tiếc một nỗi là căn bệnh của ông không lấy chi trầm trọng mà ba mất bởi thiếu thuốc men và không có người ở bên chăm sóc. Tôi thực sự chơi vơi. Hoài bão bình thường dạy học không thể thực hiện mà mong muốn đơn giản được ở gần để chăm sóc cha mẹ già... cũng ngoài tầm tay. "Phải chi được dạy gần... tôi đâu chịu sự mất mát quá lớn không được gần và thấy mặt cha già phút cuối!". Tôi bứt rứt tự nhủ! Tinh thần sa sút khiến tôi gần như mất hết nghị lực... thì may gặp anh. Sự cảm thông và thái độ chí tình của anh đã đem lại cho tôi hơi ấm tình người và niềm tin. Thì ra đời vẫn còn người tốt! Với niềm tin



đó tôi lao vào công việc để cho ngày tháng chóng lụi tàn. Và chính hoàn cảnh khó khăn của vùng quê nghèo với những con người hiền từ chất phác, những em học sinh ngoan hiền chăm chỉ... đã là động lực vực tôi dậy, thúc tỉnh tôi giúp tôi vượt qua nỗi khắc khoải số phận. Và sự nỗ lực của tôi được đền đáp. Mấy năm trường đều giành được kết quả tốt đẹp: Học sinh tiến bộ cả về đạo đức lẫn học lực. Mặt khác, tôi cố động các thầy cô giáo tìm hiểu về các kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và cả về thuốc men nữa, để khi cần có thể góp ý với người dân ở đây vốn thiếu kiến thức. Riêng phần tôi, hình ảnh người cha đau đớn vì cơn bệnh do thiếu thuốc men như còn hiện trước mắt tôi cộng thêm tình hình thực tế nơi đây không ngừng thúc giục tôi tìm hiểu sâu về Đông y, nghiên cứu liệu pháp châm cứu áp dụng vào điều trị. Nhờ đó có thể nói tôi đã góp phần thay đổi tình hình vùng quê nghèo không những khó khăn thiếu ăn thiếu mặc mà y tế còn là vấn đề nan giải. Từ thầy dạy học tôi kiêm luôn thầy thuốc địa phương! Tiền thù lao tôi không nhận dù họ năn nỉ, nhưng sau đó họ lại biếu chục thanh trà lồng, trái dưa hấu vùi dưới cát, con gà trống hay chục trứng gà... nặng trĩu chiếc xe đạp mỗi khi tôi về thăm nhà... từ chối không được! Thế nhưng số phận an bài hay Trời định đoạt sao đó, bốn năm phấn đấu làm việc tôi vẫn ở hết vùng sâu vùng xa đến nông thôn hẻo lánh, cách trở đèo giang... Hứa mãi mà vẫn còn hẹn, đến bao giờ tôi mới được về gần! Một sự kiện xảy ra đã giải đáp thắc mắc của tôi. Năm học kết thúc với thành tích nổi trội, tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp cao, nhân đó “để làm cho ra lẽ” nỗi ám ức bấy nay, tôi về sở gặp ông Giám đốc!

-“Thầy có việc gì?” Mời tôi ngồi, ông Giám đốc chậm rãi hỏi.

-“Thưa ông, bốn năm tôi ở vùng xa xôi khó khăn, trở ngại... với nhiều lời hứa. Tuy thế, trái chanh ông ưu đãi giành cho tôi, tôi đã nỗ lực hết sức mình chế thành ly nước chanh ngọt. Hôm nay tôi mang đến...!”. Tôi đặt bản báo cáo trước mặt ông.

Vẫn thái độ bình tĩnh, ông nhìn tôi mỉm cười:

-“Thầy đã làm được việc trước đây nhiều người chưa làm được. Tôi ghi nhận và biểu dương! Nhưng tôi xin lưu ý thầy không có trái chanh chua làm sao có ly nước chanh ngọt? Và trái chanh có được là hợp thành của nhiều yếu tố và công sức nhiều người. Người chế ly nước chanh là người trước tiên được uống, hưởng cảm giác mát ngọt, thành quả việc mình làm và cả niềm vui mang lại cảm giác mát ngọt cho người khác nếu biết chia sẻ! Và lại trái chanh tuy cần nhưng người được chọn trao trái chanh mới quan trọng và người biết ‘chọn mặt gửi vàng’ để trao trái chanh có kém phần quan trọng?! Chỗ thầy khó khăn tôi biết nhưng ‘đá thử vàng gian nan thử sức’ ông bà ta từng nói, khó khăn mới tỏ rõ lòng người! Mỗi địa phương có đặc thù riêng nên phải bố trí sắp xếp sao cho phù hợp, đó là vai trò của giáo dục và là lương tri của người thầy! Nếu ai cũng muốn chỗ tốt, chọn ở gần... vùng sâu vùng xa, vùng nông thôn khó khăn gian khổ ai dạy và các em học sinh nơi đây sẽ thế nào, hay là suốt đời phải chịu thiệt thòi? Tôi biết người... và đặt niềm tin ở thầy khi giao phó nhiệm vụ khó khăn; chắc thầy thông cảm?”

Tôi hậm hực bước ra khỏi phòng. Sau một thoáng lặng đi tôi thấy người nhẹ nhàng, khoan khoái. “Độc chiêu” tôi chuẩn bị chu đáo nhằm đáp lại thái độ cố chấp, cửa quyền của ông Giám đốc đã bị thái độ an nhiên tự tại của ông hạ “nốc-ao!”. Lâu nay cứ bực tức bất mãn vì bất công năng lực, trình độ... không được trọng dụng. Đứng ra tài năng của tôi phải được mọi người tán thán kính nể, học sinh tôn trọng. Và tôi phải thế này thế nọ... hiệu phó, hiệu trưởng trường lớn... Thái độ kiên quyết nhưng từ hòa của vị Giám đốc, một nhà giáo mà lâu nay tôi vẫn bực tức phê phán - ẩn chứa tấm lòng nhân hậu - khác nào *cú đấm, tiếng hét vị thiên sư* có sức lay động trời đất... đã làm tôi tỉnh ngộ. Tôi như trút được gánh nặng! Áo tưởng về “cái ta” như căn bệnh trầm kha bao lâu trĩu nặng tâm trí tôi bỗng dung được gột sạch làu làu... ■

Bên bờ sanh tử²

HƯƠNG ĐỨC

Trong mấy mươi năm ở ngành y, tiếp xúc không biết bao nhiêu bệnh nhân nhưng những bệnh nhân tự tử lại khiến tôi nhớ đến họ nhiều. Mỗi người có hoàn cảnh riêng, có nỗi đau riêng nhưng lại có cách giải quyết chung là chạy trốn cuộc đời bằng cách tự giết mình. Nhiều anh em trong ngành y bày tỏ quan điểm không ưa những người tự tử vì họ rất cực nhọc trong việc cứu chữa những người tự tử; đặc biệt là họ rất khó chịu khi rửa dạ dày cho bệnh nhân nhất là bệnh nhân tự tử bằng thuốc trừ sâu; hiện tượng nhức đầu, chóng mặt, nôn nao khó chịu thường xuyên xảy ra do họ hít phải hơi thuốc từ chất rửa dạ dày thoát ra; sau rửa dạ dày, việc điều trị cũng rất vất vả, họ phải theo dõi liên tục do bệnh nhân thường giãy giụa khiến kim dây truyền dịch trật mạch, các thiết bị hỗ trợ thường xuyên bị trật, sút. Có người lại không ưa vì quan điểm sống, họ cho rằng tự tử là hèn nhát không dám đối đầu với nghịch cảnh. Riêng tôi, tôi không ghét người tự tử, tôi vẫn sẵn sàng sóc họ như những bệnh nhân khác nhưng tôi cũng chống lại việc tự sát; hoàn cảnh nào cũng sẽ có giải pháp tháo gỡ, vội vàng hủy bỏ cuộc sống của mình là quá yếu đuối và ích kỷ. Đầu phải chỉ mình ta sống mà còn là sự hiện hữu chằng chéo vô số quan hệ, việc tự hủy cuộc sống sẽ gây sụp đổ các quan hệ đó cùng biết bao hệ lụy xấu mà nó mang tới.

Tôi còn nhớ một buổi sáng tại phòng khám của bệnh viện khu vực, bệnh nhân chờ khám rất đông. Lúc đang khám cho một em bé tôi bỗng thấy một người đàn ông tay cầm chai thuốc trừ sâu bước nhanh về phía tôi, vội vã nói: "Bác sĩ làm ơn cắt đứt chai thuốc, ông kia định dùng nó để tự tử!". Vừa nói ông ta vừa chỉ ra cửa, một người đàn ông khác đang hốt hải bước tới. Tôi nhanh chóng đứng dậy lấy chai thuốc để vào tủ hồ sơ rồi khóa lại; bỏ chìa khóa tủ vào túi áo xong, tôi nghiêm sắc mặt hỏi người đàn ông đến sau: "Đầu đuôi như thế nào chú vui lòng cho tôi biết". Người đàn ông có vẻ mặt u buồn phân bua: "Bạn tôi nói bậy đó bác sĩ, tôi mua thuốc về để xịt sâu chứ có tự tử gì đâu". Người bạn ông ta lên tiếng: "Ông muốn tự tử thiệt đó bác sĩ, hỏi này ông nói con ông đánh chửi ông, buồn quá muốn chết phút cho rồi; ông còn nói uống thuốc

trừ sâu là chắc ăn, khỏi ai cứu được. Tôi giật chai thuốc trên tay ông đó". Tôi nói với người bị cho là có ý định tự tử: "Tôi không biết chú có định tự tử hay không nhưng chú này đã báo, tôi tạm giữ chai thuốc ở đây. Chú kêu thân nhân vô lãnh về". Người đàn ông đó ngần ngừ không chịu đi, cứ đứng năn nỉ xin lại chai thuốc. Nghe lộn xộn trong phòng khám bệnh, bác sĩ Tăng là bác sĩ trực đêm vừa rỗi vào hỏi đầu đuôi câu chuyện sau đó mời người đàn ông định tự tử qua phòng tiếp khách để nói chuyện, tôi quay lại khám bệnh tiếp. Khoảng một giờ sau bác sĩ Tăng trở vào gặp tôi: "Anh cho em mượn chìa khóa tủ hồ sơ". Tôi hỏi lấy chìa khóa để làm gì, bác sĩ Tăng bảo: "Em tính trả lại chai thuốc cho người đàn ông định tự tử kia, này giờ em tâm sự, phân tích phải trái cho ông nghe, ông hứa sẽ không tự tử nữa". Tôi nói: "Không được đâu, trả lại là ông ta uống liền đó, tôi thấy đôi mắt ông không còn thiết tha sống nữa!". Bác sĩ Tăng lại bảo: "Anh cứ an tâm tin vào tài thương thuyết của em, và lại em không đưa cho ông mà đưa cho bạn của ông". Tôi mở tủ lấy chai thuốc trừ sâu đưa cho bác sĩ Tăng rồi bảo: "Ông ta mà uống là cậu phải rửa dạ dày đó!". Bác sĩ Tăng cười ra vẻ tự tin. Tôi thầm nghĩ, đúng là Tăng rất có tài ăn nói, tương lai còn phát triển nữa nhưng nói năng có giỏi gì cũng khó mà thuyết phục nổi người đã quyết tâm chết, cần được lần này khó cần được lần sau.

Khoảng mười lăm phút sau, người bạn của người đàn ông định tự tử chạy vào la lên: "Chết rồi bác sĩ ơi, ông giật chai thuốc chạy mất rồi". Tôi đứng phắt dậy: "Làm sao ông giật được". Người đó trả lời: "Tôi lên giường châm cứu, ông nhào tới giật chai thuốc trên tay tôi rồi đâm đầu chạy, tôi đuổi theo không được vì kim châm cứu còn ghim đây mình". Tôi chỉ biết than đúng là ý trời khó cản.

Nửa giờ sau, khám xong người bệnh cuối cùng tôi đứng lên định qua phòng trực uống nước thì bất ngờ người đàn ông định tự tử khi này loạng choạng bước vào, mặt mày tái xanh, thều thào nói: "Cứu tôi với bác sĩ, tôi lỡ uống thuốc rồi". Tôi vừa kêu trời vừa kè ông ấy vào giường bệnh: "Đã năn nỉ cả buổi xin ông đừng uống mà ông vẫn cứ uống, bây giờ bảo cứu, cứu làm sao kịp đây!".

Hai y tá nhanh chóng đưa ông ta đến phòng chuyên dành rửa dạ dày, tôi bực bội tìm bác sĩ Tăng bảo: "Cậu thuyết khách giỏi quá, cái ông hồi nãy uống thuốc rồi đó, khoan ra trực, đi phụ rửa dạ dày với tôi". Đang sửa soạn ra về bác sĩ Tăng lật đật mặc áo chuyên môn lại, cùng chúng tôi rửa dạ dày cho người đàn ông đó. Nước rửa từ dạ dày ông ta tuôn ra hôi nực nồng mùi thuốc trừ sâu, đục như sữa bò. Dù cửa sổ phòng mở toang, quạt máy mở hết mức nhưng anh em trong phòng đều hoa mắt, chóng mặt, hóc trong cổ họng vì hít phải hơi thuốc bốc lên. Tôi trầm nghĩ: "Uống cỡ này voi cũng chết nữa nói chi là người!".

Sau rửa dạ dày, mặc dù được hồi sức tích cực, truyền dịch, dùng thuốc đối kháng nhưng do uống quá nhiều thuốc trừ sâu nên một giờ sau ông ta tử vong. Khi người nhà mang xác ông ta về, tôi mệt mỏi nhìn theo còn bác sĩ Tăng lặng lẽ ra về không nói một tiếng nào. Có lẽ cậu ta thấy cần rút lương tâm vì mình đã góp một phần vào cái chết của người đàn ông đó. Nhưng công bằng mà nói dù cậu ta không trả lại chai thuốc thì người đàn ông đó vẫn tìm cách khác để tự tử. Tôi chỉ thấy thấm thía về bản năng muốn sống của con người, dù quyết tâm chết nhưng khi cái chết đến lại hoảng sợ bầu vịu bất cứ cái gì có thể giúp mình được tiếp tục sống dù



trước đó mình đã bỏ ngoài tai lời khuyên lớn ngăn cản. Lại nhớ đến Bồ-tát Thích Quảng Đức, trong ngọn lửa cháy rừng rực thiêu thân xác mà ngài vẫn an nhiên tĩnh tọa; khi cái chết đến trong đống đau cùng cực của thể xác, ngài vẫn không lay động. Quả chỉ có bậc thánh mới có thể có hành động như vậy.

Lại nhớ khoảng một tháng sau, trong phiên trực tôi tiếp nhận một ca tự tử đặc biệt - một đứa trẻ mới học lớp ba đã uống thuốc trừ sâu. Nhìn em nằm quần quai trên giường chuẩn bị rửa dạ dày, tôi nắm cánh tay gầy guộc còn đeo hai cọng dây thun màu vàng, ngón tay dính đầy mực tím, tôi hỏi: "Sao con uống thuốc chi vậy?". Đứa trẻ trả lời: "Tại con giận, con đói bụng lục cơm ăn mà má "quánh" con, cứu con với bác sĩ ơi". Khi rửa dạ dày cho em ngoài thuốc trừ sâu hòi nồng chỉ có hai, ba miếng cơm dừa nạo, không có hạt cơm nào trong bụng. Do bụng đói, thuốc thấm nhanh nên em đã chết khoảng một giờ sau đó dù chúng tôi đã tận tình cứu chữa. Hỏi thăm người nhà mới biết em theo bạn đi chơi tới gần một giờ trưa mới về, đang lục cơm nguội ăn, mẹ em trông thấy nóng nảy rút roi đánh em văng cả chén cơm; em dỗi, lén lấy chai thuốc trừ rầy để bên hiên uống. Khi người nhà phát hiện đem vào bệnh viện thì đã quá trễ. Bây giờ mỗi lần uống nước dừa nạo tôi lại nhớ đến em; tội nghiệp, khi chết, trong bụng em trống rỗng. Nếu mẹ em biết theo lời ông bà dạy "trời đánh tránh bữa ăn" thì đâu tới nỗi mất con.

Hai cái chết trên chỉ là một phần rất nhỏ trong những cái chết do tự tử mà tôi đã gặp, họ không có cơ hội để quay lại kể cho tôi nghe trạng thái tâm lý, những ước muốn nếu được tiếp tục sống ngoài sự sợ hãi biểu lộ ra bên ngoài khi họ cảm nhận cái chết đến. Tôi chỉ có điều kiện tiếp xúc duy nhất với một người đã từ cõi chết quay về, kể lại cho tôi nghe những cảm xúc, những ước nguyện khi cận kề cái chết- đó là thầy của tôi.

Thầy của tôi cũng đã tự tử nhưng may mắn thoát chết một cách kỳ diệu nhờ sự phù hộ của Đức Bồ-tát Quán Thế Âm. Thầy tôi kể tuổi thơ của thầy rất đau buồn, cha là một quan chức trí thức lớn của chính quyền Pháp thuộc, mẹ thầy chỉ là người hầu trong gia đình. Trong một phút không cầm lòng với cô người hầu trẻ trung, cha thầy đã tạo ra oan nghiệt, kết quả là thầy tôi có mặt trên cuộc đời mà không ai muốn chào đón. Khi mẹ thầy có thai, bà đã bị xua đuổi ra khỏi gia đình danh gia thế tộc của cha thầy. Bà phải đi làm thuê, làm những công chuyện nặng nhọc để sống qua ngày. Thầy được sinh ra trong hoàn cảnh bần hàn, mẹ nuôi không nổi phải gửi vào cô nhi viện, thỉnh thoảng mới vào thăm. Khi tuổi đã lớn, biết mình có cha mẹ đầy đủ mà phải ở trại mồ côi, thầy rất tủi thân. Một hôm, thầy tìm đến căn nhà mà mẹ thầy thuê để ở ban đêm còn ban ngày buôn bán ngoài chợ; ở đó, thầy viết một bức thư tuyệt mạng gửi mẹ rồi lấy dây dù mang theo làm thông lọng và tự treo cổ. Thầy bảo lúc thầy đập chiếc ghề đẩu, cổ bị dây dù

siết chặt đau đớn không thở được, một mặt hai tay thầy nắm sợi dây dù ghì giữ cho dây đừng siết vào cổ họng, một mặt van vái: "Bồ-tát Quán Thế Âm ơi cứu con với, nếu con được sống xin hứa cả đời đi lượm miếng chai ngoài đường giúp đời". Chịu được một lúc hai tay thầy thấy rã rời đành buông xuôi, thầy bị nghẹt thở rồi không còn biết gì nữa. Lúc ấy ở ngoài chợ, do bán ế mẹ thầy ngồi dựa cột nhà lồng thiu thiu ngủ bỗng mơ thấy một người đàn bà mặc quần áo trắng tinh nắm tay bà lời mạnh rồi chỉ về hướng nhà bà thuê gần đó. Bà chợt giật mình tỉnh giấc và đau bụng dữ dội, bà ôm bụng bỏ cả hàng hóa chạy về nhà trọ để đi vệ sinh, khi mở cửa vào thấy con mình treo cổ trên xà nhà tay chân đang quờ quạng co giật, bà chỉ kịp la lên bớ người ta cứu con tôi với rồi té xỉu. Khi bà tỉnh dậy thấy con nằm bất động bà khóc la thê thảm; may nhờ nghe tiếng bà la, hàng xóm có người biết y thuật đến tháo dây siết cổ kịp thời nên thầy tôi mới sống lại. Từ đó thầy tôi đã biết quý trọng sự sống và kiên tâm thực hiện lời phát nguyện "lượm miếng chai suốt đời", mà đời đâu có miếng chai ném ngoài đường hoài cho thầy lượm, thế là thầy đã xuất gia để chuyên tâm thực hành nghiệp thiện. Thọ cụ túc giới năm 1972, thầy không mong muốn mở chùa, vẫn ở trong một cái cốc nghèo nàn, vật chất thiếu thốn như một người tu khổ hạnh nhưng thầy đã quyên góp, vận động giúp đời. Những học bổng nhờ thầy vận động có được đã hỗ trợ rất nhiều học sinh nghèo hiếu học được tiếp tục học đến nơi đến chốn. Những chiếc cầu bê tông vững chãi lần lượt mọc lên ở các xã nghèo sau những chuyến quyên góp của thầy ở TP.HCM. Thầy tôi thường nói suýt mất đi cuộc sống nên thầy trân quý cuộc sống từng giây, từng phút, thầy luôn tâm niệm phải sử dụng thời gian một cách hữu ích nhất để không phụ công Bồ-tát Quán Thế Âm đã ra tay giữ mạng sống lại cho thầy.

Phật dạy được làm người là rất khó, ví như cả trăm năm một con rùa mù dưới đáy biển mới trồi lên gặp được một khúc cây bọng để nó chui vào. Do hiếm được làm người, ta phải biết trân trọng cuộc sống, sống có ích. Đức Phật ngăn cấm việc tự tử vì việc tự hủy cuộc sống là hành động trốn chạy luật nhân quả, mà đã là luật thì có trốn chạy nơi nào cũng không thể tránh khỏi, kể cả cái chết; nghiệp đã tạo thì phải trả. Việc chết đi chỉ tạm thời ngưng trả nghiệp nhưng khi tái sinh người đó vẫn phải trả tiếp và phải trả nhiều hơn vì nghiệp chướng nghiệp và việc giết một mạng sống dù giết chính mình vẫn mắc tội giết một vị Phật sắp thành - đó là trọng tội.

Tôi luôn nghĩ dù trong hoàn cảnh nào cũng phải trân trọng cuộc sống và sử dụng thời gian được sống một cách tích cực, có ích cho mình và cho đời, đừng vì một suy nghĩ, một hoàn cảnh khó khăn mà hủy hoại cuộc sống. Không có điều gì là bế tắc hoàn toàn, thời gian và duyên hợp sẽ giải quyết các khó khăn nếu bạn biết chấp nhận và chờ đợi, có nhiều điều tốt đẹp đang ở phía trước chờ ta! ■



Trông người mà ngẫm đến ta

HOÀNG TÁ THÍCH

Bưởi sáng tôi thường đi bộ ở công viên Lê Văn Tám. Công viên này được tổ chức khá tốt để người ta có thể đến đó đi bộ, tập thể dục, nhờ một lối đi trải xi-măng chạy quanh bên trong công viên và những khoảng đất trống để người ta chơi vũ cầu hay các hoạt động thể dục thể thao khác... Ngoài ra, công viên còn có chỗ gửi xe và cả nhà vệ sinh công cộng phải trả phí.

Có một hôm, vừa bước vào thì thấy ngay cổng, trong một góc tường, một người đàn bà bước ra, hai tay vừa buộc dây lưng quần, và trong nách kẹp một cuộn giấy vệ sinh... Thực hết chỗ nói, vì không phải là bất ngờ phải làm một chuyện chẳng đáng dừng, mà người đàn bà này đã có chủ ý trước, bằng chứng là cuộn giấy vệ sinh còn kẹp trong tay không cần giấu diếm.

Hàng ngày trên báo *Công An*, đầy rẫy những tin tức xã hội về những vi phạm giao thông, những tệ nạn xã hội, trộm cắp, đĩ điếm mà có lẽ không một quốc gia nào trên thế giới có thể có được, như:

Một chiếc xe tải trọng tải 30 tấn, chạy qua một chiếc cầu có ghi rõ sức chịu đựng 3 tấn. Thế là cầu gãy, có

người chết hoặc bị thương, và làm trở ngại giao thông.

Một tài xế taxi bị chặn lại vì vi phạm giao thông, đã lái xe đẩy lùi người công an cả trăm thước.

Một cái xe hơi đang chạy, và mọi người đi đường nghe tài xế la bai bãi, vì có kẻ đang chạy theo bẻ kính chiếu hậu ngay giữa phố.

Chỉ vì một sợi dây chuyền đeo cổ không đáng bao nhiêu mà phải giết người để mà giật cho được.

Chặt tay một người vì giằng co một chiếc điện thoại di động muốn cướp giật cho được.

Ăn cắp dây điện trên trời, ăn cắp cả dây cáp truyền thông dưới biển, ăn cắp luôn cả hàng tấn thịt thối nhà nước chưa kịp tiêu hủy...

Vân vân... và vân vân.

Ngày nào cũng có vô số tin tức như thế. Tuy nhiên những người đi vệ sinh bữa bãi trong công viên, những kẻ bạ đâu cũng có thể xả rác, bạ đâu cũng có thể đáai bậy ngoài đường thì báo không bao giờ đăng vì công an không có biên bản. Những điều này thực ra báo cũng chẳng cần đăng, vì mọi người ai cũng thấy những chuyện đó hàng ngày.

Những tệ nạn đó đủ để cho chúng ta có thể kết luận nước mình, dân trí quá thấp, có thể nói là vô cùng thấp, nhất là những chuyện mà báo không bao giờ đăng ấy.

Ở Singapore, đường phố lúc nào cũng sạch sẽ và an ninh, vì đừng nói đến trộm cắp, mà chỉ vứt một cọng rác ra đường cũng có thể bị xử phạt rất nặng. Ở xứ ta, chỉ sau một đêm, thì những công viên trở thành một bãi rác vì buổi tối, người ta hẹn hò, vui chơi, ăn uống ở đó.

Ở Thái Lan chẳng hạn, xe hơi chạy như mắc cửi, nhưng xe chạy trước chỉ nháy đèn hiệu muốn đổi làn xe, lập tức chiếc xe phía sau chậm lại nhường đường. Trong thành phố, ít nghe tiếng còi xe.

Ở xứ ta, chỉ một ngã tư bị hỏng đèn hiệu thì đã gây ra hỗn loạn do việc giành đường nhau mà đi. Ngay cả đèn hiệu vẫn hoạt động, nếu không có công an, thì vẫn rất nhiều người vượt đèn chạy ẩu. Khắp nơi, tiếng còi xe inh ỏi, đình tai, nhức óc.

Ở Thượng Hải, có những góc đường xe cộ rất vắng, nhưng hiếm khi thấy một chiếc xe chạy trước đèn báo hiệu. Người đi đường, chạy xe đều tôn trọng luật đi đường một cách nghiêm túc.

Ấy là vì dân chúng của họ được giáo dục tốt. Phạt một số tiền lớn cho một vi phạm công cộng là một cách giáo dục. Ở xứ ta, cũng có phạt tiền, nhưng nhẹ nhàng như gãi ngứa. Lên máy bay, rồi dọa là có bom trong hành lý, để hãng máy bay phải đình chỉ chuyến bay, kiểm tra, khám xét... chuyến hành khách qua máy bay khác, tốn không biết bao nhiêu là tiền bạc của công ty và thời giờ của hành khách. Thế mà chỉ bị phạt vài triệu bạc, và đôi khi nặng nhẹ còn tùy gốc gác của người vi phạm. Không chỉ trong trường hợp nói trên, mà trong nhiều lãnh vực khác cũng thế, nên những chuyện vi phạm đó vẫn tái diễn nhiều lần. Vượt đèn đỏ nhiều lần là bị phạt vài trăm ngàn. Công an có vẻ không hiệu quả cho lắm đối với những vi phạm giao thông, phần vì tiêu cực, thiếu cứng rắn với người vi phạm và dần dần, họ không còn nể nang những nhân viên đại diện cho luật pháp nữa... Tuyên bố trừng phạt một người công an tiêu cực hoặc vinh danh một người công an ngay thẳng không phải là biện pháp hữu hiệu.

Phần nhiều những người chạy xe máy với những hàng hóa công kênh không cần biết đến đèn xanh đèn đỏ, nhất là vào buổi sáng sớm, là những kẻ buôn thúng bán bưng của thời đại mới. Những kẻ đi vệ sinh bừa bãi nơi công cộng, giật giũ trong các hồ nước công viên là những thành phần thấp kém trong xã hội. Tuy nhiên, phải nghĩ rằng nếu những người này đã không ý thức được việc làm của họ là sai trái, thì họ cũng không bao giờ biết giáo dục con cái họ được. Rồi con cái họ lớn lên cũng sẽ không khác gì họ và những cái tệ hại cuộc đời này sẽ tiếp diễn qua cuộc đời khác. Một trăm năm hay mấy lần trăm năm rồi cũng thế. Thường có câu: "Đàn gậy tai trâu". Nói chuyện văn hóa với những hạng trộm cướp có thể chặt tay người ta để lấy một cái điện thoại

di động, cạy nắp cống để đập ra lấy thép đi bán... thì chẳng khác gì đàn gậy tai trâu vậy. Tuy nhiên, bây giờ người ta mới tìm ra thú vật, ngay cả trâu bò, cũng biết nghe nhạc; không phải là tiếng đàn, mà là một loại âm thanh thích hợp với chúng giúp cho người ta có thể điều khiển chúng được. Đối với những hạng người ngu si, không biết phân phải trái như loại trộm cướp vừa kể trên, cũng phải có một thứ ngôn ngữ thích hợp mới có thể giáo dục được. Trước hết là một biện pháp giáo dục bằng roi vọt thực tế thì có lẽ hiệu quả hơn.

Trộm cắp không hẳn là văn hóa thấp, vì xã hội nào cũng có thể xảy ra chuyện bản cùng sinh đạo tặc. Nhưng ở nước ta thì khác. Trộm cướp của cải, tiền bạc thì đã đành, giật dây chuyền, xách tay phụ nữ, cũng là chuyện thường. Đàng này, lại ăn cắp dây điện đang giăng trên trời, ăn trộm cả cáp truyền thông dưới biển, ăn cắp nắp cống đập ra để lấy sắt vụn thì thật hết thuốc chữa. Du khách trên những con đường vắng là những miếng mồi ngon cho đạo tặc không cần kể đến thể diện quốc gia hay là kế hoạch thu hút du lịch của nhà nước. Nếu cứ làm nặng tay cụ thể một vài trường hợp thì có thể có hiệu quả ngay. Nghe nói ở Singapore trước đây trộm cắp có thể bị chặt tay. Có lần báo chí đăng tin một thiếu niên người Mỹ bị bắt về tội vẽ bậy, phá hoại công cộng đã bị cảnh sát dùng hình phạt bằng roi. Tổng thống Mỹ biết chuyện, can thiệp cũng không có hiệu quả. Bây giờ thì ở Singapore, ban đêm cửa tiệm không cần phải đóng cửa, đường phố sạch sẽ như lúc nào cũng vừa mới quét dọn.

Có những quốc gia như Nhật Bản, thì chúng ta khó có thể mơ tưởng đạt đến được như họ về mặt xã hội mà dân trí là một niềm kiêu hãnh của một dân tộc, của bất cứ một người dân Nhật nào. Tuy nhiên đôi khi cũng phải tự hỏi tại sao Thái Lan, Singapore lại có thể làm được mà mình thì không?

Công viên Lê Văn Tám cách đây hơn ba mươi năm là một nghĩa trang chiếm một khu đất bốn mặt đường lớn trong thành phố, nhưng bây giờ, những người thường đi dạo trong đó không có một khái niệm gì về một nghĩa trang đã bị xóa bỏ. Trong tương lai gần đây, phía dưới công viên này sẽ là một bãi đậu xe hơi ngầm có thể chứa cả hàng chục ngàn chiếc. Buồn một điều là người ta có thể xóa bỏ một vết tích to lớn của một nghĩa trang, thay đổi bộ mặt của một khu phố, nhưng những vết nước tiểu bám đen trên tường hàng rào, những đồng phân người rải rác quanh công viên thì vẫn muôn đời còn đó. Bởi vì những đồng phân đó, những vết nước tiểu đó, luật pháp khó lòng giải quyết mà chỉ có người dân mới có thể tự quét dọn được mà thôi. Có điều, dân trí có thể được nâng cao hay không thì cũng chỉ những người lãnh đạo mới có thể làm được. Muốn giáo dục dân trí thì cũng phải bắt đầu bằng một quyết tâm thực sự với một kế hoạch cụ thể, thì may ra mới có thể thực hiện được. ■

Má ơi! Con...

NGŨ NGHINH

Hẳn là các bạn còn nhớ bé Nga, năm 2011 lên 15 tuổi, thi đậu vào lớp 10, theo mẹ lên núi hái củi chẳng may bị ngã trượt chân té gãy xương sống. Vì không có kinh nghiệm sơ cứu thương cho nên thay vì đặt nạn nhân nằm trên cáng để đưa vào bệnh viện thì Nga được chở bằng xe máy trên một quãng đường gồ ghề vài cây số rồi mới tới đường nhựa tương đối bằng phẳng trên bốn chục cây số nữa, khi đến bệnh viện thì tình trạng

xương sống của em trở nên tồi tệ hơn rất nhiều. Sau khi trải qua vài lần giải phẫu, em đã bị liệt. Từ bụng trở xuống, em hoàn toàn mất cảm giác và không thể kiểm soát được. Em phải mặc tã suốt ngày đêm.

Khi tôi hay tin và đến thăm thì em đã bị liệt 18 tháng rồi. Sau một thời gian dài chạy chữa cho em, gia đình anh chị Kim trở nên khánh kiệt, chị Kim phải bỏ công việc để ở nhà chăm cho con. Kinh tế gia đình ngày càng đi vào ngõ cụt khi thu và chi chênh lệch quá nhiều.



Thủy, chị của Nga, đang học lớp 11 muốn bỏ học vì muốn ở nhà giúp mẹ chăm cho em, nhưng em út của Nga không đồng ý:

- Chị học đến lớp 11 rồi, nghỉ uống lăm, để em nghỉ vì em mới học lớp 8, em đi học thì còn lâu lăm.

- Không được, em là con trai, em phải học. Hơn nữa em học giỏi nhất lớp mà nghỉ uống lăm ..

Thấy hoàn cảnh của các em như vậy nên cô Chính, cô giáo vùng cao ở huyện Trà Bồng báo tin và đưa tôi đến thăm. Ai cũng tìm mọi cách để giúp đỡ họ. Thế là Thủy được một ngôi chùa ở huyện cho em tá túc và được miễn tiền ăn hàng ngày. Việc bây giờ chỉ là lo cho Nga vào Bệnh viện Chợ Rẫy mổ lại. Sau khi đưa tin lên tôi nhận được 30 triệu đồng để giúp bé Nga. Liên lạc với mấy người bạn ở Bệnh viện Chợ Rẫy xong thì tôi lo thủ tục chuyển viện nhưng bác sĩ Trị nói là vô ích vì vết mổ rất tốt, không nhiễm trùng, đã lành và khô, mổ lại cũng vô ích. Em phải chịu tàn phế suốt đời. Tốt nhất là cho em chiếc xe lăn để em tự di chuyển và phải đi Đà Nẵng tập vật lý trị liệu cho cơ khỏi bị teo lại thôi, may ra em có thể phục hồi việc kiểm soát đại tiểu tiện thì mới đi học lại được. Tôi lặng người khi nghe như vậy. Nhưng biết làm sao? Đành phải chấp nhận. Sau mấy tháng trời ra Đà Nẵng tập, em cũng chẳng tiến triển gì cả. Anh chị Kim từ chối không nhận tiền tài trợ giải phẫu:

- Cám ơn cô nhưng mong cô hiểu cho, số phận con tôi như vậy rồi, tôi có nhận số tiền này con tôi cũng không thể đi đứng được; hơn nữa số tiền này để dành cho bệnh nhân khác cần mổ thì có lợi hơn. Con tôi đã dùng hết 6 triệu tập vật lý trị liệu rồi mà kết quả không khả quan gì hết thì cho phép chúng tôi trả lại 24 triệu đó với ước mong bệnh nhân khác giải phẫu thành công...

Tôi cảm động trước tấm lòng của họ, một tấm lòng giàu tình nghĩa, trong lúc họ quá khó khăn. Xin được cho em chiếc xe lăn với chiếc ghế được gắn dính liền, tôi mừng lăm, hy vọng em có thể tự di chuyển được.

Tôi luôn khuyến khích em cố gắng và lạc quan vì cuộc sống này rất tốt đẹp, còn nhiều người từ tâm chung quanh ta... hãy cầu nguyện mỗi ngày, Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ nghe thấy lời cầu nguyện của em... Sau ngày Trung thu vừa rồi, tôi biết được một người cho thuốc Nam ở xã Nghĩa Kỳ huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi, thường cho thuốc về cột sống. Tôi dùng thuốc này thấy bớt rất nhiều, tôi bèn thử giới thiệu cho anh chị Kim để họ chữa trị cho bé Nga. Tôi cũng khuyên cháu niệm Phật mỗi ngày. Ngay sau khi uống ly thuốc đầu tiên Nga đã biết đau bụng, cả nhà mừng vui và tiếp tục cầu nguyện. Trước khi bùng chén thuốc lên uống, Nga vẫn luôn đọc chú Đại Bi.

Sau vài tuần dùng thuốc, Nga đã kiểm soát được đại tiểu tiện, em không còn phải mặc tã Bim Bim nữa. Em vui hẳn lên và tự chăm sóc cho mình để cho ba mẹ đi làm. Lần lần, đôi chân em bắt đầu ấm dần lên, em



có thể nhúc nhích được một chân bên phải. Gần cuối tháng 11 âm lịch thì người cho thuốc đã ngưng lại. Thay vì uống thuốc, nay em được xoa bóp bằng rượu ngâm gừng và vài loại lá cây trên rừng. Đến sáng sớm mồng một tháng Chạp âm lịch, bỗng nhiên Nga la lên:

- Má ơi, con đứng được rồi...

Cả nhà ngạc nhiên và òa khóc vì sung sướng! Sau đó anh Kim gọi điện thoại cho tôi để báo tin. Tôi vui mừng vô cùng. Bé Nga tiếp tục cầu nguyện và em tự xoa bóp mỗi ngày với rượu.

Tôi đến thăm Nga vào giữa tháng 1 năm 2013, em vịn đứng thử cho tôi xem vài phút rồi ngồi xuống. Chân bên phải của em đã cử động được tới bàn chân, còn chân trái thì từ đầu gối trở xuống vẫn còn mất cảm giác...

Sáng Chủ nhật vừa rồi, được tin em đã đứng được bằng hai chân... tôi vui lăm... Mong rằng em hãy cố gắng hơn nữa để có thể trở về với hình hài năm xưa... Tôi mong một ngày nào đó em sẽ tự bước đến bên má em và nói rằng: "Má ơi, con bước đi được rồi...". ■



Sự cô đơn

SARAH SHIFFERD
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Một buổi chiều đầu xuân tại Portland, Oregon. Nhìn theo vẻ ngoài thì tôi vừa tản bộ qua những khu vườn đầy hoa cực kỳ tinh tế và những dãy nhà đẹp tuyệt vời có kiến trúc theo phong cách Craftsman, đã được thấp sáng ở bên trong, tương phản với cảnh trời chiều chạng vạng. Trong tâm tôi, những suy nghĩ mâu thuẫn không ngớt gây nên sự huyền ảo chung quanh nỗi bất hạnh không thể tỏ lộ. Một tấm ngân phiếu của khách hàng đã không đến kịp lúc khiến tôi hầu như rỗng túi. Công việc của tôi trong ngày hôm ấy chỉ toàn là những bực tức và căng thẳng. Tôi đã hoàn toàn thuyết phục được chính mình, dựa trên tình trạng căng thẳng thần kinh do chứng rối loạn tâm thần của tôi, rằng tôi thiếu cảm hứng, không đủ quyết đoán, không đủ chú tâm, không đủ sáng tạo và không đủ kiên trì đối với người phụ nữ mà tôi đã từng theo đuổi. Một người bạn vừa hủy bỏ cuộc hẹn gặp nhau vào buổi chiều. Cảm thấy sự đen tối đang nhận chìm sự bén nhạy của tâm trí, tôi cố giữ một giọng điệu nhẹ nhàng

để thăm dò một vài người bạn khác xem sao, để nghị với họ cùng đi ăn tối theo kiểu Mexico hay đi xem một cuộn phim. Tất cả bọn họ đều đã có những kế hoạch riêng, có những người khác cần gặp, có những việc khác phải làm. Tệ hại hơn nữa, ngay cả con mèo đen nhỏ bé xấu xí của tôi, tôi vẫn gọi nó là Drolma Jangsem, cũng có cái gì trong đầu khiến nó bỏ ra ngoài ngủ trên lối chạy xe vào nhà chứ không chịu nằm trong nhà.

Khi rẽ vào đại lộ Hawthorne và bước vào New Seasons Market, tôi tính toán trong đầu xem những món nhu yếu phẩm nào tôi có đủ khả năng mua sắm và những món nào không. Ánh đèn vàng rực rỡ của cửa hàng làm cho tôi cảm thấy ngọt ngào, những bó hoa trang trí khiến tôi chói mắt và anh chàng đứng gác ở quầy hàng lại quá mức thân thiện. Tôi chọn một vỉ trứng, một gói bánh tráng bột bắp và nửa ký cà-rốt.

Tôi đang cân nhắc về món bơ hạnh nhân thì tiếng nhạc cất lên. Trước hết là một đoạn dạo đầu ngắn gọn với nhạc khí điện tử, thế rồi một chuỗi âm thanh trầm để báo hiệu bài hát. Tôi lạnh cứng người. “Đừng, đừng”.

Tôi van lơn với cả vũ trụ. “Xin đừng chơi bản nhạc này”. Cả vũ trụ cũng vẫn cứ chơi bản nhạc ấy. Giọng nam trung đầy âm hưởng của ca sĩ Scott Walker trưởng nhóm The Walker Brother đã vang vọng trên khắp các mặt hàng. *Cô đơn là chiếc áo choàng anh mặc...**

Tôi nghiêng chặt hai hàm răng và gồng cứng toàn thân. Sự thôi thúc trong lòng tôi về việc phải thoát khỏi những cái loa và quảng chúng ra khỏi tấm kính cửa sổ chỉ dụ đi bởi một thực tế là tôi chẳng biết chúng nằm ở chỗ nào.

*Ánh mặt trời sẽ không còn soi sáng nữa
Ánh trăng sẽ chẳng còn treo trên bầu trời**

Tôi chụp vội lấy lọ bơ hạnh nhân và vài trái táo rồi nhanh chóng lao về hướng quầy tính tiền. Viên kế toán là một anh chàng người Pháp nhỏ thó chẳng thèm nói với tôi một lời. Tôi quan sát anh ta đang cẩn thận đặt từng trái táo lên bàn cân rồi dán mã hiệu vào.

*Lệ luôn làm mờ mắt bạn
Khi bạn không có tình yêu!**

Con đường là sự an toàn. Những cánh cửa tự động lách cách đóng lại sau lưng tôi. Chuyển xe buýt tôi hy vọng đón được đã nhanh chóng vù qua trước mặt tôi. Tôi cố tình không nhận ra anh chàng bán báo, cho y là một kẻ vô gia cư, rồi cúi kính chạy nhanh về phía trạm xe buýt kế tiếp cách đó hai khối nhà. Tâm tôi đang lập lại bản nhạc mà tôi vừa tìm cách bỏ trốn. *Này em, tôi cần em... Tôi không thể đi... đi... tiếp**.

Tôi mặc kệ cho bản nhạc tiếp tục vang lên trong đầu tôi suốt một nửa khối phố. Khi đến phần hợp ca, tôi bỗng hát lên theo với nhịp thở. Tôi dứt khoát chống lại nụ cười đã nổi cáu với tâm trạng tăm tối của mình. Nhưng vào lúc đến được trạm xe buýt, tôi đã bật cười lớn vừa đủ gây sự chú ý của những người cùng chờ chuyển xe Tri-Met với tôi. Tôi nuốt vào lòng những tiếng cười khúc khích, kéo lê mấy cái túi đựng thực phẩm đặt lên chiếc ghế chờ và giả vờ như trông đợi chuyển xe.

Tôi yêu cái khoảnh khắc mà thế giới bên ngoài phản ánh hoàn hảo những ảo tưởng của mình; hoặc, tôi có thể nói, khi tôi có thể thực sự nhìn thấy cái thế giới bên ngoài phản ánh hoàn hảo đến như thế những ảo tưởng của tôi.

Tự điển Anh ngữ trên mạng định nghĩa tính từ “lonely (cô đơn)” là *“bị ảnh hưởng bởi, có đặc tính là, hoặc gây nên một cảm giác buồn chán vì ở một mình; thiếu tình bạn, sự nâng đỡ và mối giao tiếp mang tính thông cảm, thân hữu...”*.

Chúng ta đều biết cái cảm giác ấy. Sự cô đơn cảm nhận được sự phân chia, sự cách biệt tại mỗi một sự thay đổi về tính khí hay hoàn cảnh có thể xảy ra. Giống như người bạn tối tăm của nó là Sự Buồn Chán, nó sống trong một thế giới nhỏ bé hẹp hòi, những bờ mé

của tấm ảnh mờ nhạt và tròn trịa, như trong một chuỗi giấc mơ trên màn ảnh truyền hình. Và giống như Sự Buồn Chán, nó có một nguyên nhân duy nhất: cái tâm tự yếu mền chính mình.

Sự cô đơn chỉ tập chú về “Cái Tôi”; nó hướng đến cái tôi trong một sự ám ảnh. Và không phải chỉ bất kỳ cái tôi nào mà là một cái tôi tuyệt đối và hoàn toàn lâm lạc. Cái tâm đầy ảo tưởng khẳng khăng một cách cứng đầu trong việc kể mãi một câu chuyện và tóm lấy bất kỳ điều gì đang xảy ra như là chứng cứ để nâng đỡ câu chuyện ấy. Khi ảo tưởng là sự yếu mền chính mình, khi ta níu chặt vào cái tâm thức chỉ thấy rằng “Cái Tôi” là điều quan trọng nhất (hoặc thấy “Cái Tôi” trong sự loại trừ tất cả những người khác), sự đau khổ sẽ đến một cách nhanh chóng và mãnh liệt. Và khi sự đau khổ có mặt một cách nhanh chóng và mãnh liệt như thế, ta chẳng còn có thể thấy mình đang làm gì hoặc tâm thức của ta đang ở nơi nào. Khi ta không thể thấy ta đang làm gì hoặc tâm thức ta đang ở nơi nào, việc bước một bước nhẹ sang phía bên trái, chỉ là đi dạo quanh cái sự nhầm lẫn ban đầu đó, cũng trở thành điều hoàn toàn không thể thực hiện được.

Sự cô đơn chỉ là điều đối trá. Sự thật là, chúng ta có thể tìm thấy khía cạnh đối nghịch của nó bất kỳ lúc nào trái tim của ta mở ra cho những chúng sinh đang ở trước mặt ta – cứu vớt một con côn trùng đang bị đuối trong một hồ nước, dừng lại để vuốt ve một con mèo đang đứng bên đường, trò chuyện thực sự thân tình với một người đang bị bối rối trên một chuyến xe buýt, giúp một người nào đó thực hiện một dự án, kể cả ngồi một mình tại nhà, đọc một tờ báo. Sự thật là, ta có cô đơn hay không không phụ thuộc vào thái độ của người khác; điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào chính mình.

Scott Walker không chỉ quăng tôi ra khỏi cái ảo tưởng của mình bằng bài hát của anh, anh còn chỉ cho tôi một bài học căn bản trong một đường lối hoàn toàn mới mẻ. Anh đã đúng. Nước mắt luôn luôn làm mờ đôi mắt của ta khi ta không có tình yêu. Nhưng sự đánh mất tình yêu gây nên sự đau khổ cho chúng ta đó, sự cô đơn của chúng ta đó, không phải là tình yêu của người khác. Nó chính là tình yêu mà ta tìm thấy trong tim mình, cái tình yêu không điều kiện của ta đối với người khác, điều làm cho mặt trời (lòng từ) chiếu sáng và mặt trăng (trí tuệ) mọc lên giữa bầu trời trong xanh đang tỏa sáng tâm thức của chính chúng ta. Khi vô số chúng sinh vẫn có mặt mãi mãi, chúng ta thực sự chẳng cần bất kỳ điều gì khác. ■

* Lời của bài hát *The Sun Ain't Gonna Shine [Anymore]* (tạm dịch *Mặt Trời Sẽ Không Còn Chiếu Sáng nữa*) sáng tác của Stanley Robert Crewe và Robert John “Bob” Gaudio vào năm 1965, được ban nhạc The Walker Brothers ghi âm năm 1966 và là một thành công lớn của nền âm nhạc dân gian Hoa Kỳ trong thế kỷ 20.

Nguồn: *Loneliness*, fpmt Mandala October-December 2012.

Tháng giêng

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Hết một vòng bay, mọi khổ đau đáp xuống
trên tiếng gà gáy lúc rạng đông.
Ngoài đường và sau cánh cửa những căn nhà
những thanh âm đục lạnh đầy lui dần hơi lạnh.

Nơi đồng cỏ vệt bánh xe cày nát
hay cánh rừng khảng khiêu kêu cứu trời cao
có bước đi nặng nề của sự thật
chậm chậm dâng trong nỗi lao xao.

Buổi trưa, nét tròn đầy chùng lan rộng
Trong tất cả các vi mạch, nắng gọi nắng.
Tất cả, trừ đám gỗ mục cổ tình trơ ra
nơi góc vườn, người ta đang thu dọn.

Sẽ hiện lên vòng bay khác
như bình thường của tự nhiên cuộc sống.
Xin uống tràn hương sắc dòng sông
khi trong chiều đang xốn xao giọng hát.

Phật

MẶC PHƯƠNG TỬ

Sen thơm miền Cực Lạc
Sen thơm cõi Ta Bà
Tìm ra: đây đó khác
Ngồi lại: Phật hằng sa.

Soi mặt

Tự mình soi mặt cũ
Tìm ra cánh bướm vàng
Pháp nào không sinh diệt
Tâm nào không niết bàn!

Giáo hóa

Phật gọi Tỳ kheo đến
Mở ra phương trời Tâm
Ngồi bên bờ tuyết trắng
Mà nghe lời thậm thâm.

Yên tĩnh

Phật ngồi trên đỉnh tuyết
Mà sáu cõi dâng bông
Đá ngồi bên hòn nguyệt
Nghe tĩnh giọt sương trong.

Yêu nhau

Nghe chim cất tiếng hót
Vàng cõi đất trang nghiêm
Cỏ hoa cùng tụ lại
Yêu nhau ngồi tham thiền.

Nhiệm mầu

Ta rót vào cõi mộng
Một chút niềm suy tư
Để nghe từ cuộc sống
Ngàn hương hoa nhiệm mầu.



Thư xuân cho em

PHẠM THÀNH TÍN

Xuân này không được gặp em
Cây mai trước nhà anh không buồn vật lá
Cửa sổ phòng anh chiều nay lạnh quá
Thư này anh gửi về em...

Bạn bè anh cứ bảo
Thời @ trái đất ở trong tay
Chỉ cần một giây
Một enter là gặp nhau tức khắc
Lên facebook, yahoo là trông thấy mặt
Tội chi anh phải nhọc công...

Người ta thích gặp nhau trong tin nhắn vừa gọn vừa nhanh
Anh của em thấy hạnh phúc trong trang thư anh gửi
Em sẽ đọc và nâng niu từng chữ
Em sẽ nhoen miệng cười
Và bảo rằng anh ơi
Anh của em thật ngốc...

Thư xuân này anh gửi về em
Là tất cả tấm lòng anh giản dị
Nhỏ bé đơn sơ
Nhưng vẫn bên em như tự bao giờ...

Xuân này không được gặp em
Phải chi đường xa ngăn lại
Cho cánh thư này đến mau
Bên em một chút ngọt ngào...

Hãy nói vô thường

VĨNH HỮU

Vô Thường bật thốt trên môi
Khi kim tiền mất giữa đời lao xao
Nhẹ tênh không nuôi tiếc nào
Phủ tay mỉm nụ cười chào tương lai...
Vô Thường ta nói sớm mai
Khi danh lợi bỗng vụt bay xa vời
Cười khan ngựa mặt nhìn trời
Lòng liền thanh thân, hờn người làm chi?
Vô Thường bật thốt lên đi
Sân si quyết chẳng chút gì trong tâm
Vô Thường đến cả xác thân
Thắng thua, được mất có cần vắn vương?
Hãy quen gắm với Vô Thường
Đề Tâm trải rộng bốn phương với người
A ha... chỉ một nụ cười
Vô Thường tấn tốc ta ngồi thốt lên!

Một lần tôi lỡ yêu em

KÍNH BẮC

Có những lần tôi đứng ở bên sông
Thơ ngây gọi một con đò dĩ vãng
Dòng nước trôi xuôi – cuộc đời hữu hạn
Chẳng quay về nơi lỡ bỏ ra đi

Có những lần tôi đứng lặng trong mưa
Tay vuốt mặt thấy mình đơn độc quá
Tôi bật khóc – thương bóng hình em lạ
Đâu đáng hài cây cò của ngày xưa!

Có những lần không phải những chiều mưa
Tôi tắm gội giữa hai bờ chia biệt
Rồi ngó lại một hôm nào tha thiết
Rất muộn màng – tôi nói đã yêu em

Có những đêm không lửa khói không đèn
Tôi gói chặt nỗi buồn trong bóng tối
Ở nơi đây tình em tan rất vội
Mở ra ngoài chim chóc của hư vô

Và ngày mai có lẽ khác bây giờ
Tôi xa mãi trong tận cùng hư ảo
Vỗ cánh bay giữa nghìn trùng giông bão
Như một lời trần trối gửi về em.



Nỗi đau

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Bệnh nhân X. đang ngồi trước mặt ông, nét mặt chột thư giãn không còn vẻ đau.

- Thưa bác sĩ, cả tuần vừa rồi, chu kỳ đau rồi hết đau rồi đau lại cứ tiếp diễn như vậy.

Ông ngồi lắng nghe với sự chăm chú, tinh thức lạ thường. Chính ông đang bị cơn đau vùng thượng vị chột nhói lên hành hạ, đồng thời cơn đau làm mất đi sự máy móc trong việc khám bệnh vốn có cả chục năm nay. Bây giờ bệnh nhân X. không chỉ là “bệnh” mà là “con người” làm ông phải chú tâm khám phá.

Cách đây một tuần, bệnh nhân X. đã đến phòng mạch của ông để khám bệnh. Lúc đầu, phản xạ khám bệnh của ông xuất hiện như mọi khi. Rất kiệm lời, chỉ hỏi những câu ngắn ngủi với âm lượng biểu lộ sự thờ ơ. Kèm theo là sử dụng ống nghe, nghe tim nghe phổi một cách vô hồn. Trong khi đó, suy nghĩ gọi là chẩn đoán đã được lập trình chạy loang loáng qua đầu ông. Bệnh nhân X. kể đang đau ở vùng thượng vị và đau xảy ra khá lâu. Đau khi đói và làm đang ngủ phải thức giấc vào rạng sáng và đau đến độ bủn rùn tay chân thì đúng là triệu chứng của tổn thương tá tràng rồi. Phải nội soi dạ dày để xác định xem tổn thương ở tá tràng hay ở dạ dày, và nhất là làm *CLO-test* để xem có nhiễm *H. pylori* hay không. Đúng lúc đó thì ông thấy nhói đau ở vùng thượng vị của mình giống y như sự mô tả của bệnh nhân X. Cũng đúng lúc đó, mặt bệnh nhân X. dần ra có vẻ thư thái. Ông ta kêu lên: “Dạ, bớt đau rồi!”. Còn ông dù rất đau nhưng sự chuyên nghiệp trong hành nghề bắt ông ra vẻ không việc gì để tiếp tục khám bệnh. Bệnh nhân X. được nội soi dạ dày và sinh thiết niêm mạc. Đúng như ông dự đoán, bệnh nhân X. bị loét tá tràng với *H. pylori* “dương tính”. Trong thời gian khám sau đó, ông nhận thấy điều lạ thường xảy ra là có những lúc bệnh nhân giảm hoặc hết đau thì chính ông lại cảm thấy đau. Ông nghĩ thôi rồi, chính ông đã mắc cái bệnh mà bấy lâu nay ông chữa trị cho người ta! Đột nhiên, đối với ông, bệnh nhân X. trở thành mối quan tâm một cách lạ kỳ, bắt ông phải xử lý công việc một cách tận tâm chứ không

theo kiểu đối phó như “câu cá” đã trở thành thói quen từ lúc ông bắt đầu hành nghề cho tới nay. Ông nói năng mềm mỏng với bệnh nhân X. và nhận thấy khi nói những lời thân ái, tỏ thái độ ân cần, giải thích sự việc cặn kẽ thì cơn đau của ông giảm xuống. Cùng lúc đó, nụ cười lại rạng rỡ trên môi bệnh nhân X. làm ông nghĩ rằng ông ta giả vờ, vì nếu theo đúng quy luật đã xảy ra, cơn đau của ông giảm xuống thì cơn đau của bệnh nhân X. tăng lên. Trong khi viết đơn thuốc đầu tiên cho bệnh nhân X. và hẹn tuần sau tái khám, ông nghĩ phải nhờ gặp một đồng nghiệp nội soi và chẩn đoán bệnh cho ông.

Đồng nghiệp đã khám kỹ, thăm soi khá lâu hình ảnh nội soi và kết luận “Chẳng thấy gì hết, niêm mạc đường tiêu hóa trên của ông rất ngon lành, trông mượt mà như của bọn trẻ”. Ông thầm nói: “Nếu chẳng có viêm loét thì bị rối loạn tiêu hóa giống loét rồi!”. Ông tự ghi đơn thuốc cho mình để trị chứng “rối loạn tiêu hóa giống loét” mà ông nghĩ nó đang hành hạ ông từ hôm qua đến nay. Kỳ lạ thay, đơn thuốc là sự vận dụng hiểu biết mới nhất của ông về điều trị không làm giảm bớt chút nào các cơn đau theo chu kỳ, chứng cứ tiếp tục. Sự chuyên nghiệp trong hành nghề y của ông không hề suy suyển, ông tiếp tục làm các việc chuyên môn trong khi vẫn theo dõi các cơn đau đang chịu đựng. Ông thấy đau đúng là cực hình và lần đầu tiên trong đời hành nghề, ông đã theo dõi cơn đau đúng bài bản với sự toàn tâm toàn ý lạ thường. Ông lấy giấy ghi lại các thời điểm đau, mô tả cảm giác đau với chữ thường ghi nhất là “đau bủn rùn tay chân”.

Bệnh nhân X. đã đến tái khám đúng hẹn.

- Thưa bác sĩ, cả tuần vừa rồi, chu kỳ đau rồi hết đau rồi đau lại cứ tiếp diễn như vậy.

* * *

Ông hỏi bệnh nhân X. với vẻ mặt chăm chú chứ không thờ ơ như thói quen bấy lâu nay: “Phải ông đau trong một giờ, sau đó giảm đau một giờ rồi lại tiếp tục đau một giờ...?”. Bệnh nhân X. đã trở mắt ngạc nhiên

khi ông nói cụ thể hơn, bảy giờ đau, tám giờ hết đau, chín giờ đau lại... “Dạ, đúng y như vậy”.

Chợt cơn đau trong bụng ông dịu xuống rồi dứt hẳn. Ông nhìn đồng hồ đeo tay. Quái, cơn đau của ông không theo chu kỳ nữa rồi. Ông ngạc nhiên hơn là bệnh nhân X. cho biết chưa bị đau trở lại. “Dạ, mới hết đau có năm phút thôi mà bác sĩ”.

Điện thoại của ông reo lên. Ông xin lỗi bệnh nhân X. để nghe giọng nói của bác sĩ Y. vang lên một cách vui vẻ. “Nè ông bạn thân, mình mới mổ một ca quá đặc biệt. Đang mổ thì bệnh nhân bị tai biến bất ngờ xuất huyết ổ ạt ngoài dự kiến, đến độ chính mình phải hiến máu để cứu bệnh nhân. Mình rút ra một điều, nỗi đau cũng giống như máu, có thể chia sẻ. Nỗi đau tự nhiên

không mất đi, nếu được chia sẻ thì sẽ giảm. Còn máu chia sẻ thì sẽ làm giảm nỗi đau. Cảm nhận về nỗi đau, ta không phải là ta mà ta chính là thế giới đó ông bạn”. Lạ chưa, ông cảm thấy bác sĩ Y. không còn phát biểu khác người như ông thường nghĩ.

Gương mặt thư giãn không còn vẻ đau của bệnh nhân X. khiến ông trở về với thực tại. Hay là, nếu bệnh nhân X. không còn đau và chính ông dứt hẳn cơn đau như hiện nay thì có thể đơn thuốc ông ghi cho bệnh nhân X. bắt đầu có tác dụng rồi. Hay là cơn đau tự nhiên mất hẳn không như lời bác sĩ Y. vừa nói... Đúng lúc đó, điện thoại ông lại reo, giọng cô con gái bên kia vang lên có vẻ đau đớn: “Ba ơi, con đang học bài thì bụng chột đau dữ dội như đang bị loét dạ dày đây!”. ■



Thăm người thầy thuốc 103 tuổi

“Chúng ta có thể sống thong thả...”

ĐỖ HỒNG NGỌC

Ông mặc chiếc áo thun, ngồi trên giường đặt giữa phòng, hai chân đong đưa không chạm sàn. Cạnh đó là một tủ sách đồ sộ và một nửa bộ salon màu nhạt. Ánh sáng tràn ngập từ cửa sổ và cửa chính vào có vẻ như ông đang ngồi sưởi nắng. Thấy tôi đến, ông nheo mắt nhìn rồi nở nụ cười. “Chú nhớ ai không?” Tôi hỏi. Ông nhìn rồi mừng rỡ “Ngọc, Ngọc phải không? Ngồi xuống đây đi”. Đã lâu không đến thăm ông! Hôm sinh nhật cũng là dịp ra mắt tập thơ Thi Tâm của ông thì tôi đang ở Phan Thiết không đến được, sau đó ông đã gửi tập thơ đến tận nhà.

Ông chính là bác sĩ- họa sĩ Dương Cẩm Chương. Quý Ty này vừa tròn 103 tuổi. Ông nói đó là tính tuổi ta chứ tuổi tây thì mới 102 thôi!

Chú khỏe không? Khỏe. Khỏe chứ! Tôi ngồi phía salon, cách giường ông khá xa. Ngồi đây xa quá, nói chú nghe có rõ không? Được, được. Nói to tí là được. Nhưng rồi tôi thấy tốt hơn nên dịch đến chỗ ghế kê sát giường ông, đỡ phải nói to. Trên ghế nào đồng hồ, nào điện thoại di động, chuông điện gọi người nhà cách thứ...

Tôi “hành nghề”: Tai chú còn thính quá hả? Ừ, còn tốt lắm. Ông trả lời. Còn mắt thì sao? Chú đã phải mổ cườm chưa? Mổ một bên rồi! Mổ hồi 75 tuổi ở Maroc. Hơi trẻ. Sao lại mổ ở Maroc? Vì khám ở Pháp họ nói còn tốt không chịu mổ. Các con tôi là bác sĩ đều khuyên phải mổ. Nhân đi Maroc, ở đó có một bác sĩ mắt giỏi nên mổ luôn. Nhưng phải làm anesthésie générale (gây mê toàn thân) đó! Tốt đến bây giờ. Mắt trái hỏng, chỉ còn thấy lumière (ánh sáng). Bác sĩ Pháp cũng không chịu mổ, nói già quá rồi, gây mê toàn thân ngại! Thôi một mắt sáng đủ rồi!

Ông tiếp: Năm rồi có hai cái mắt lớn Phạm Duy và Trương Thìn. Tôi vừa gặp Trần Văn Khê ở buổi họp đồng hương Huế, Khê trẻ và vui lắm. (GS Trần Văn Khê nay đã 93 tuổi, với ông là một người quá trẻ!).

Chú ngủ tốt không? Tốt. Ngủ mấy tiếng? Chín tiếng! Thấy tôi có vẻ ngạc nhiên, ông nói rõ hơn: mỗi đêm

ngủ từ chín giờ tối đến sáu giờ sáng. Ngủ vậy mới khỏe. Trước khi ngủ thì coi như xong hết mọi việc trong ngày. Sáng dậy là một ngày hoàn toàn mới! Chú có bị prostate (tiểu liệt tuyến) không? Không. Đêm dậy chỉ hai lần. Sáng nào tôi cũng theo dõi cân nặng, huyết áp và glycémie (đường huyết). Chú bị tiểu đường hả? Không. Xưa có bị nhẹ. Nay để phòng thôi. Còn đi lại thì sao? Người cháu nói: Ông vẫn đi lại gầy gầy từ đây đến đó, có cháu nương theo vì sợ ông té ngã.

Tôi nhìn ông, không thể biết là trên trăm tuổi. Tươi tắn, hóm hỉnh, hơi móm mém một chút. Biết đang bị... quan sát, ông kêu cháu đem bộ răng giả ra, gắn vào rồi cười: có nó dễ nói chuyện hơn! Da nhăn, dúm dỏ như giấy nhưng cơ bắp còn rắn lắm. Ông siết chặt tay tôi để cho tôi ước lượng lực cơ của ông ra sao. Rõ ràng là ông rất sáng suốt.

Chú tập luyện thể nào? Ngày hai lần. Mỗi lần 30 phút, sáng lúc mười giờ, chiều lúc ba giờ. Tập gì? Đi vòng vòng với cái marchette đó (xe đi) và tập tay, chân, lưng...trên giường.

Tôi tiếp tục: Chú ăn uống ra sao? Ngon. Ngày ba bữa. Sáng sữa và pâté. Trưa chiều cơm với cá thịt và nhiều rau. Phải có azote (chất đạm, protêin) chứ! Tính calo thì chừng bao nhiêu? Không tính. Ăn ít thôi! Chú bón không? Chút chút thôi.

Ông kêu người cháu mang máy hình đến chụp vài tấm kỷ niệm. Người cháu choàng thêm ông cái áo sơ mi. Tôi nói, đừng gài nút, trông chú nghệ sĩ hơn!

Chú có hút thuốc lá không? Có. Rượu nữa. Xưa hút nhiều lắm. Ngày bốn gói! Nhưng đã bỏ rồi. Ông kể, sau Thế chiến thứ hai (1945), ông là bác sĩ phẫu thuật ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Người Pháp rút về hết nên chọn năm bác sĩ thay thế họ qua một kỳ thi. Ông giáo sư Pháp xét tay ông nói ông hút thuốc nhiều quá, muốn dự thi thì phải bỏ thuốc lá. Từ đó ông bỏ luôn. Kỳ thi có 60 người dự, ông đứng đầu trong năm người!

Tôi đổi đề tài: Chú còn vẽ không? Không, đã ngừng vẽ mấy năm nay vì vai phải đau không gờ lên được. Thì chú vẽ tay trái. Không được. Thấy chú vẽ mấy bức



tranh khóa thân rất đẹp. Người mẫu nào, ở đâu vậy? Ở trong trường! Tôi mê hội họa từ nhỏ, từng học dự thính ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội, sau này học thêm hội họa ở Mỹ và Pháp, lúc còn sống bên đó.

Không vẽ nữa thì bây giờ chú làm gì? Viết. Và mỗi ngày tôi vẫn làm cái gọi là “cập nhật”. Là sao? Là coi lại các ghi chép xưa nay, nhờ vậy mà trí nhớ tốt. Tốt thật. Chỉ thỉnh thoảng thấy ông lặp đi lặp lại cùng một chuyện như chuyện mổ mắt ở Maroc, ông có vẻ chê mấy bác sĩ Pháp không dám mổ cho ông vì ngại điều gì đó...

Ông bảo nguyên tắc sống của ông bây giờ là “Cái thân ngoài vật là tiên trên đời” (cái “thân” ở ngoài cái “vật”, nghĩa là không còn dính mắc gì cả thì sướng như tiên!). Rồi ông tự cười mình: nhưng thực tế vẫn còn phải... ăn!

Ông nói năm ngoái (2012), có viết một bài tựa là “Tuổi già đi lên hay đi xuống?”, ý chính tuổi già có đáng sống hay không? Ngọc đã có bài này rồi chứ? Dạ, chưa! Chắc chắn là có rồi. Tôi đã gửi cho hết các bạn bè mà! (Ông gửi tôi nhiều thứ lắm, kể cả thư riêng nhưng nhớ hình như chưa có bài này; hay tôi đã... lảm cẩm, quên chăng?).

Rồi ông giải thích: Tuổi già... đáng sống! Già có nhiều *atout* lắm (atout: có con chủ bài, có lợi thế, có điều kiện hơn). Già có nhiều *exotisme* (ngoại lai) lắm:

Một là không phải làm việc; hai là có nhiều thì giờ nhàn rỗi và ba là sống duy tâm hơn duy vật!

Không phải làm việc nên chỉ làm... cái gì mình thích. Như ông hồi nhỏ thích vẽ mà sau học y khoa, tới tuổi hưu thì trở về với hội họa. Ông tự hào làm nghệ thuật đồng thời với nghề y suốt đời mà “cái đời nghệ thuật bốn chục năm dài hơn con đường y nghiệp”.

Từ ngày về hưu, công việc của ông chỉ có đi và vẽ. Thú vị. Thú vị lắm! Ông lặp đi lặp lại. Thì giờ nhàn rỗi là một thứ tuyệt vời. Nhàn rỗi tạo ra hạnh phúc. Danh tiếng, tiền của cũng không có được! Còn tuổi già sống duy tâm hơn duy vật nên tìm được con đường dung hòa giữa nhiều thế hệ, tìm được con đường sám hối khi nhìn về quá khứ...

Chuyện tình yêu thì sao chú? Tôi định hỏi về những chuyện... tình của ông trong quá khứ nhưng ông đã khéo léo... lái qua hướng khác: Tình yêu rất quan trọng. Có ba thứ quyết định trong đời: Một là tình yêu, hai là việc làm và ba là sức khỏe. Ba cái đó cái nào quan trọng nhất? Ba cái như nhau. Không có sức khỏe thì không làm được gì hết, còn tình yêu là làm cái gì mình thích...

“Tôi nghĩ chúng ta có thể Sống thông thả với thuyết Bình Tâm Tri Đạo của Thiền”.

Người cháu ra dấu đến giờ cho ông ăn chiều. Tôi vội cáo từ và hẹn ngày khác sẽ tiếp tục câu chuyện đầy thú vị với ông... về một nghệ thuật “Sống thông thả”... ■



Những người sung sướng

CAO HUY HÓA

Người ở phương xa

Mới đây, bạn tôi đã vui vẻ chia sẻ với tôi về một cuộc điện thoại từ xa. Sau một chút ngỡ ngàng, anh bạn đã nhận ra người quen, tưởng đã mất hút đâu rồi, không ngờ vẫn giọng nói tình cảm, nhẹ nhàng, trong trẻo từ bên Mỹ. Người xưa vốn là một học trò, một người cộng sự của anh bạn tôi tại Trung tâm Văn hóa Thiếu nhi, thành phố Huế, từ những ngày đầu thành lập, sau năm 1975. Riêng tôi, câu chuyện của anh bạn tôi khiến tôi nhớ hình ảnh cô ca sĩ mảnh mai hát những bài tình cảm cách mạng trong sáng trên các buổi biểu diễn ca nhạc nhà văn hóa hay đêm văn nghệ xung kích. Thế rồi con chim họa mi biến mất, và sau một thời gian khá lâu, nghe đâu cô đã tốt nghiệp piano trường nhạc. Tuy thế, cuộc đời cô không theo nghiệp ca, mà theo nghiệp cầm: cô dạy đàn piano và kinh doanh nhạc cụ. Cách đây chưa đầy hai năm, cô qua định cư tại Mỹ.

Trở lại với cuộc điện đàm nói trên. Người thân của bạn tôi cho biết, qua bên đó con cái đều học tốt, và cô

may mắn hành nghề dạy piano tại tư gia cho con em các gia đình Mỹ. *Cuộc sống của em ư, không vui, không buồn, nhưng dẫu ở trong nước hay ở đây, em luôn luôn có Phật, vì hàng ngày, hàng giờ em chuyên tâm niệm Phật. Cô học trò và cộng sự giờ đây đã đổi ngôi với anh bạn tôi. Anh nhớ niệm Phật, đọc kinh nghe! Đọc kinh rồi hiểu, thấm dần dần. Kinh là để mình tu, mình thực hành, không phải đọc mà hiểu hết liền.* Bạn tôi nhớ lại, hồi cô còn ở Huế, cô đã từng thuyết cho anh: *Đọc kinh Phật là phải nghiêm chỉnh, sách kinh để chỗ trang trọng, dẫu có đọc dở dang thì cũng phải gấp sách, cất sách tử tế.* Giờ đây, được người cũ tiếp tục “lên lớp”, bạn tôi vui ra mặt, ngay cả khi kể cho tôi nghe.

Người từ Buôn Hồ

Không ngờ anh bạn tôi chia sẻ chuyện trên với tôi thì tôi cũng hứng khởi chia sẻ chuyện vui với bạn, lạ thay, cũng trùng hợp thời gian, một ngày đông, đầu năm 2013. Trong ngày hôm đó, mấy đạo hữu chúng tôi được dự cơm chay tại chùa Hải Đức. Ngoài mấy thầy cô xuất gia, ngoài

nhóm đạo hữu chúng tôi, dự cơm chay còn có một số các chị Phật tử trung niên từ thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Các cư sĩ được sắp vào bàn ghế dài bình dị trong phòng ăn, cạnh nhà bếp. Trong khung cảnh đơn sơ và đạo tình đó, chúng tôi và khách từ Buôn Hồ trao đổi chuyện đạo đời vui vẻ, rôm rả. Các chị đã theo quý sư cô về Huế làm Phật sự, và vừa mới phóng sanh trên sông Hương.

Chúng tôi hỏi về đạo Phật tại quê hương mới Buôn Hồ (các chị vốn là người Huế, đã vào Tây Nguyên 30 năm về trước), các chị vui vẻ cho biết bây giờ trên đó đã có nhiều chùa, Phật tử đông, rất thành kính, nhất là mỗi khi có đại lễ; không những người Kinh mà còn rất nhiều đồng bào dân tộc dự lễ trang nghiêm. Đặc biệt nhiều Phật tử trên đó chuyên tâm niệm Phật, siêng đi chùa và ăn chay trường. Một chị thì ăn chay trường từ lâu và hỏi chúng tôi: *Mấy bác có ăn chay trường không? Thôi rồi, chuyện này thì thua các chị rồi! Anh bạn tôi, với giọng trầm ấm áp, tự "kiểm điểm": Tui cũng muốn như rứa, nhưng còn con cháu tui chưa ăn chay trường được, cho nên tui chỉ một tháng mấy ngày thôi; chứ nếu tui ăn riêng thì cũng phiền chuyện nấu nướng, dọn dẹp trong nhà. Tức thì, phe kia "phản pháo" liền: Mấy bác lạ chưa! Mấy bác là lớn nhất trong nhà thì phải làm gương, mấy bác ăn chay trường thì con cháu mới theo được! Mấy chị hay quá, tranh luận làm gì nữa. Câu chuyện vui vẻ nhưng bữa ăn đã xong. Mọi người đứng dậy, thế rồi một chị sực nhớ: *Ủa, ăn xong mà để ri à! Phải dọn cho chùa!**

o o o

Bữa ăn chay hôm đó đã để lại niềm vui lâu dài cho chúng tôi, cũng như cuộc điện đàm với người thân ở Mỹ đã để lại dư vị ngọt ngào cho anh bạn tôi. Duyên may được gặp và biết những người Phật tử có đạo tâm trong sáng như bất được cái đẹp chân chất, không màu mè. Chúng tôi và những Phật tử từ Buôn Hồ đã quên đi vai trò xã hội, nào là buôn bán, nào là đi dạy, nào là dân văn nghệ... để chỉ đối đãi với nhau đơn giản là Phật tử, và chúng tôi vui vẻ nghe "bài pháp" từ những cư sĩ suốt đời niệm Phật, tụng kinh, ăn chay trường, quen cúng dường, thực hành bố thí, phóng sanh... Những hạnh tu tập đó đối với các chị ở Buôn Hồ, đối với người phương xa ở bang Oregon (Mỹ) trở thành đơn giản, bình thường như hơi thở, như ngọn cỏ ngậm sương mai. Đạo bình thường như thế thật quý.

Đạo bình thường đó khiến chúng tôi nhìn các Phật tử gần xa này như là những người sung sướng (xin tạm dùng từ "sung sướng" như mọi người). Các chị không phải dễ dàng kiếm sống nhưng biết đủ, các chị thực sự đã thấy an lạc trong đời sống cá nhân và gia đình, đã chia sẻ niềm tin về đạo giải thoát cho những người thân và người sơ. Nếu quan niệm sung sướng như là trạng thái hài lòng, như là niềm vui lâu dài, thì được sống an lạc, sống với niềm tin chánh pháp và từ bi với chúng sinh thì đúng là hơn cả sung sướng! Thực ra, chân lý của cuộc đời là khổ, nhưng nhận chân được khổ, và tu để tự tại thì các chị đã biết nương tựa vào Tam bảo.

Các chị đã có viên ngọc quý giá, sáng lên từ tâm trong hành trình cuộc đời này và mai sau. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2013

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 40 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải , Chùa Bảo Ân	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc , Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh , Q. 5	
PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng , CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ	CT TNHH SXTM	
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Nén Hạnh Phúc , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh , Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản , USA	: 5 cuốn/kỳ	CTY TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Thiện Thành , Q. 6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ	Ô. Lê Hùng Khanh , Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn , Q. 2	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc , Phan Thiết		Cô Diệp Anh và Chị Ngành	: 1 cuốn/kỳ
	: 5 cuốn/kỳ	Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ	Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ	Thầy Hạnh Thông , TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	CTY Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ	Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ	PT. Nguyen Thuan (namgiaio1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Châu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ	Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này:	427 cuốn
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ	Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: Tòa soạn , Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335 .	
Chị Tuyên , CT TNHH Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ	Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn	
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ	Ban Biên tập	
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ		
BBT Viện hongtu.com	: 2 cuốn/kỳ		

Mảnh trăng làng Nguyệt

TỪ SÂM

Làng quê nước Việt hầu hết đều có giếng. Người đời khai phá lập làng, trước hết chọn nguồn nước để sinh sống và giếng đã ra đời. Làng Nguyệt ở thôn Nguyệt Áng, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình quê tôi cũng vậy. Có nhiều giếng như giếng Xóm, giếng Mụ Khẩn, giếng Mụ Sói, giếng Bàu Chính, giếng Vuông... nhưng lâu đời và nổi tiếng hơn cả là giếng Hoang.

Giếng Hoang nằm phía Nam, cách làng chừng vài trăm mét. Nó làm tâm điểm. Sát lối về hướng Nam là thôn Hoàn Phổ, về hướng Tây là Lộc Long, về hướng Đông là Hữu Lộc, Tân Thành. Giếng Hoang gắn bó với làng tôi như ánh trăng và bầu trời, lúc đầy lúc khuyết trong tâm thức người đi xa. Chúng tôi thường gọi nó là mảnh trăng làng Nguyệt.

Tục truyền, khi tìm đất lập làng, các tiền nhân được thầy địa lý mách bảo có nguồn nước từ đỉnh Thần Đinh về phá Hạc Hải. Nước ở đỉnh Thần Đinh không bao giờ cạn vì nó là nước rỗng từ trời đưa xuống. Giếng Hoang nối từ mạch nguồn đó như dòng suối ngầm trong lòng đất chảy về. Màu nước không trong như nước mưa, không đục như nước lụt, không vàng và cứng như nước phèn. Nước có màu sóng sánh như pha mật, như ánh trăng tan chảy, như ánh chiếu pha loãng rồi đọng lại ở đáy giếng tiếng rung ngân xao động của chuông chùa. Nước có mùi thơm của cây rừng, mùi của hương cỏ mật gói ghém trong sắc nắng thu, mùi bắp ngô đồng bãi, mùi lúa đang lên đồng.

Khi tiếng gà chưa gáy canh tư, người làm đồng tranh thủ trải quang gánh hai đầu thùng gỗ, sang trọng hơn là thùng pháo sáng. Sau một đêm ngủ dài, dậy giấc, nước chọt thức dậy theo người ra đồng cắt lúa trồng khoai. Trưa hè dội lửa, gió Lào cào nát vai áo, chòm bạn gặt mồ hôi ướt lưng, chụm nhau lại, lấy gáo dừa múc đầy, ngửa cổ ừng ực một hơi thật dài rồi khà thành tiếng như các lưu linh vừa xong chén rượu. Cái mát từ ruột mát ra, lan tỏa lên tóc, lên khoeo mắt, lên nụ cười tung tủy, đến gió cũng phải quay mặt đi nhường sự thư thái cho nước, đến mây cũng dòm ngó và ghen tị cái khoan thai, dịu dịu mà nước đưa lại. Bàn chân nhanh bước hơn, tám lưng ong của cô thôn nữ được nước vuốt ve nhịp nhàng đôi quang gánh, rút ngắn quãng đường xa quấy nặng.

Lũ trẻ chúng tôi đi học về, chưa kịp cất sách vở đã sà vào chum nước đặt dưới mái hiên. Lật nắp lu đầy chiếc nón cời, lấy chén sành chao qua chao lại vài lần cho

dậy sóng, múc đầy rồi tu một hơi cho đã. Do háu uống nên nửa vào miệng, nửa ra ngoài. Nửa vào miệng như que kem tan vào ruột, nửa ra ngoài như mưa rào dội mát. Cái bụng rỗng tuếch chốc lát no nê, sự mệt mỏi biến mất khi nào không biết.

Nước giếng Hoang có sự lạ là uống sống mới ngon; nấu chín thì phải ủ với trà xanh, với gạo rang hoặc với nụ vối. Đêm trăng thanh vắng, dọn xong bữa tối, hàng xóm mời nhau chén chè đậu xanh. Sự ngọt lịm của đường hay của nước khó mà nhận ra. Nếu nấu bằng nước giếng khác chắc chén chè không sánh, màu không xanh, và sự phản ứng của mát, của lười, của niềm vui sẽ chậm chạp và lười nhác.

Đường xa, người ta cất nước bằng bi-đong nhôm chừng hơn một lít, thỉnh thoảng dùng chân, rón rén mở nắp nhấp đủ ướt môi. Lỡ đường, ghé vào nhà người lạ xin miếng cơm thì dễ nhưng hết nước giếng Hoang thì có tiền cũng không thể mua được.

Trước đây, mỗi lần gặp được người ở quê, động tác đầu tiên của tôi sau câu chào hỏi là xin ngậm nước còn sót lại trong chai mang theo. Thường là nước lá vằng hoặc gạo mùa, đậu đen rang cháy. Tôi ngấm nhìn, sẫm soi như gặp người bạn cũ. Nước vẫn thế mà sao tôi cảm thấy nó gầy đi trong sự kham khổ, đục mờ trong nỗi buồn nhân thế, như giọt sương đọng bóng chiều, như nước mắt của người đi xa nhớ về quê mẹ.

Nước tan vào cơ thể thành giọt máu chảy suốt đời. Nước rửa nhúm rốn nhỏ nhoi, nâng câu hát ru, lay ngọn gió. Nước hóa thành nước mắt khi ta nhớ về mẹ. Nước nhắc kỷ niệm tình yêu. Nước là quê hương của người xa xứ. Khi ta về với đất, nước quyện vào khói hương, trong vịnh hằng. Nước tiễn đưa người trong khói sương, ủ trong đất ấm để cỏ ra hoa, để tiếng dế hát trong bình yên muôn thưở.

Bao năm trở lại, giếng xưa còn đó nhưng hình hài đổi khác, người ta cởi chiếc áo nguyên thủy, khoác lên nó chiếc áo hiện đại bằng bê-tông cốt thép. Cái giếng như lô cốt, cô đơn, buồn tẻ, hoang phế trong tuổi hoàng hôn của văn hóa nước. Người ta dùng nước máy. Sự thay đổi của con người, của thời gian làm nước thay đổi; nó không còn mùi vị, màu sắc như trước nữa, nó bị bỏ rơi. Nó như người bạn cũ mà xa lạ, ôm vào lòng mà có khoảng cách vô hình.

Tôi ngược nhìn núi Thần Đinh, không biết giếng trời có còn chảy nữa không, nhưng trong tâm hồn tôi, dòng nước và lời ru ôm ấp tuổi thơ vẫn chảy mãi, chảy mãi. ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Ngày 27 tháng Chạp vừa qua, tôi cùng đi với một người chị dâu đến một trại điều trị nội trú những bệnh nhân bị bệnh tâm thần trong TP.HCM để thăm người con trai của anh chị tôi đã ngoài ba mươi, mắc chứng tâm thần phân liệt thể hoang tưởng được gửi điều trị tại đây từ nhiều năm qua. Nhờ khởi hành sớm nên mới gần bảy giờ chúng tôi đã gặp được cháu, thăm hỏi và gửi quà cho cháu. Trong khu thăm bệnh cũng có khoảng một chục người bệnh đang tiếp xúc với thân nhân. Khoảng tám giờ, tôi thấy có một chuyến xe tải nhỏ vào sân khu thăm bệnh, trên xe có chở theo nhiều hàng hóa; cùng đi với chiếc xe ấy là tám người thanh niên nam có nữ có di chuyển bằng bốn chiếc xe gắn máy. Cùng với ba người lớn tuổi hơn đi theo xe, nhóm người bắt đầu dỡ hàng xuống. Thấy họ đến, những người bệnh đang ngồi với thân nhân đều chạy ra đón họ. Thì ra đó là một nhóm người làm từ thiện, đến để phát quà cho những người bệnh đang được điều trị nội trú ở trại. Chị dâu tôi cho biết mấy năm nay, mỗi năm nhóm người này đều đến thăm trại vài ba lần; lần nào họ cũng phân phát cho mỗi người một gói quà gồm những thứ nhu yếu. Hỏi thăm một cháu gái trong nhóm, tôi được biết họ là một quy từ thiện tư nhân, vận động những người thân quen cả trong nước lẫn ở hải ngoại góp tiền để giúp đỡ những người đang điều trị nội trú tại các trại tâm thần. Số tiền thu được họ dành tất cả để phân phát cho người bệnh. Chi phí di chuyển do những người tham gia tự trang trải, ngay cả chiếc xe chở hàng cũng là của một người cho mượn và lái giúp, không lấy cả tiền xăng. Em cho biết các em đều là sinh viên của các trường đại học trong thành phố, tình nguyện đến phụ giúp việc sắp xếp hàng hóa, gói quà và phát quà. Họ phát trực tiếp cho người bệnh, kể cả những người bệnh nặng phải ở trong khu cách ly. Khi họ vào trại để phát quà thì tất cả những bệnh nhân đang trò chuyện với thân nhân cũng vào trại cùng với họ. Hai chị em tôi cũng xin đi theo giúp họ phát quà. Họ vui vẻ nhận lời. Hôm ấy tôi đã có một ngày thật ý nghĩa. Tình cờ mà tôi biết rằng quanh tôi vẫn có nhiều người âm thầm bằng cách này hay cách khác giúp đỡ những người kém may mắn hơn họ. Xin cảm ơn cuộc sống vẫn có những người hằng tâm hằng sản.

Cao Thị Thanh Tâm, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Thường xuyên đọc báo và lướt mạng hàng ngày, tôi luôn phải đọc những tin tức chẳng lấy gì làm vui, nào là “sốc” “sét”, nào là cướp giết, rồi thù tình tiền tù tội... Cuộc sống sinh viên xa nhà thiếu thốn, cộng thêm những thông tin tiêu cực tác động, tôi cảm thấy cuộc sống quanh tôi đầy u tối. Tôi rất bi quan về cuộc đời! Một hôm, người chú họ ở thành phố nhắn tôi về chơi. Trong lúc ngồi chờ chú ở phòng khách, tôi vớ một tờ báo để trên kệ sách cạnh bàn nước và mở từ bia cuối trở lên. Tình cờ tôi đọc được hai mẩu chuyện trong mục **Lời cảm ơn cuộc sống**, thuật lại những sự việc rất bình thường nhưng đầy tình người, cuối mỗi chuyện, người viết lại thể hiện thái độ tin tưởng vào những điều thiện vẫn còn trong lòng người và nói lên lời cảm ơn cuộc sống. Những câu chuyện làm tôi suy nghĩ. Khi chú tôi về, trong câu chuyện, tôi nói với chú tôi điều suy nghĩ của mình. Chú tôi lên phòng riêng lấy cho tôi một xấp báo, đó là tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Ở cuối mỗi tờ báo đều có mục **Lời cảm ơn cuộc sống**. Tôi đã đem về, đọc hết những lời cảm ơn ấy trước, rồi từ đó đọc lần lên những bài viết khác. Quả thật, những mẩu chuyện trong chuyên mục này đã tác động nhiều vào cách suy nghĩ của tôi về cuộc đời. Tôi bắt đầu nhìn đời bằng con mắt khác. Từ đó, tôi nhận ra rất nhiều hành vi, cử chỉ, thái độ hoặc thân thiện, hoặc từ ái của người chung quanh mà từ lâu, chỉ vì tôi đã bị nhiễm tư tưởng tiêu cực nên không thấy được. Tôi xin cảm ơn những lời cảm ơn cuộc sống và mong rằng mỗi ngày vẫn thấy được những hành vi, cử chỉ, thái độ đáng được cảm ơn để cuộc sống này ngày càng tươi đẹp hơn.

Trương Minh Sang, Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM



“Trong các thứ ái dục, không gì đáng ngại bằng sắc dục. Lòng ham thích sắc đẹp to lớn không gì sánh bằng..”

Kinh Phật Nói Bốn Mươi Hai Chương – Chương 24

Chùa Viên Minh (Vĩnh Long) đang cần được giúp đỡ trùng tu xây dựng

PHÁP TUỆ

Chùa Viên Minh hiện tọa lạc tại ấp Vĩnh Thuận, xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Năm 1910, hai vợ chồng thí chủ người Hoa (khuyết danh) phát tâm xây dựng Hiếu Thuận tự, Trà Vinh (lúc bấy giờ). Chùa là chỗ nương nhờ về mặt tâm linh của bà con Phật tử. Ngoài ra, chùa còn mở phòng thuốc Nam hốt thuốc trị bệnh miễn phí cho bà con lao động nghèo trong vùng.

Đến năm 1958, chùa Hiếu Thuận được Hòa thượng Pháp chủ Thích Thiện Hoa đổi tên là chùa Viên Minh và chính thức sinh hoạt trong lòng Giáo hội từ đó cho đến nay.

Vào năm 1968, do chiến tranh ác liệt, chùa bị bom đạn tàn phá, làm cho Phật tử không có nơi thánh pháp, tụng kinh, niệm Phật. Nhưng do chùa tọa lạc chốn vùng sâu vùng xa, kinh tế còn khó khăn nên việc tái thiết chùa không thể thực hiện được.

Mãi đến năm 2009 nhờ hồng ân Tam bảo, Hòa thượng trụ trì chùa Linh Quang và Phật tử phát tâm tái thiết tạm chùa Viên Minh trên nền chùa cũ bằng cột tre, lợp lá, nền xi măng và Hòa thượng trụ trì cử hai vị Tỳ-kheo Tâm Đạo và Phước Học đến chùa hướng dẫn việc tu học cho bà con Phật tử. Vào những ngày 14, rằm và 29, 30, mồng một, Phật tử tham gia tụng kinh và sinh hoạt Phật sự rất đông, chánh điện (tạm) không đủ chỗ...

Căn cứ theo QĐ số 1908/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND tỉnh Vĩnh Long cho phép chùa trùng tu xây dựng

trên thửa đất 954,8m² theo đề án thiết kế chùa ở cấp 4. Và sắp đến vào ngày **30 tháng 8 năm Quý Tỵ (04-10-2013) chùa sẽ làm lễ chính thức đặt viên đá khởi công trùng tu xây dựng**, Ban Tổ chức kính cung thỉnh chư tôn đức Tăng Ni và trân trọng kính mời Phật tử gần xa quan tâm tham dự cho buổi lễ được trang nghiêm, thanh tịnh...



Mọi sự trợ duyên tịnh tài xin gửi về:

Thầy Thích Chơn Không Tâm Đạo,
chùa Viên Minh, ấp Vĩnh Thuận, xã Thuận Thới,
huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
ĐT: 01998 257 745 – 01283 302 910

CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

Chi ủy, Ban Điều hành và quý Bác cao niên làng, Gia tộc họ Nguyễn Đình, Nhánh 12, Hội Khuyến học và Hội Người cao tuổi làng Uất Mậu, Thị trấn Sịa, Thừa Thiên Huế.

Báo Sài Gòn Giải Phóng; Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo; Báo Giác Ngộ; Quan Âm tu viện (Biên Hòa); Viên Giác thiền tự; Thầy Thích Huyền Tâm trụ trì và quý bác gia trưởng chùa Tịnh Bình; Nam Thành thánh thất; Đảng ủy, BGD Công ty Tây Nam, QK.7; Phòng Tổ chức HC Tây Ninh QK.7; Đảng ủy, BGD Xí nghiệp May Thị Nghè - Cty May SG.2; Khách sạn Đường Sắt; Viện Y học Dân tộc (TP. HCM); Phòng Quảng cáo Báo Thanh Niên; Công ty CP Giao nhận TV Quốc tế (Interlog); Công ty TNHH TM Vận Tải San Hiền; Công đoàn Trường THPT Thừa Lưu, UBND, Hội Người Cao tuổi, cán bộ các ban ngành, BGD tổ dân phố 7, phường Thuận Hòa, TP.Huế...



Các thông gia: Hoàng Đăng Y (TP.HCM), Đinh Thị Lan, Lê Thanh Trương (Nghệ An), Trần Chân, Hòa Vi Hoa Hồng... quý thầy cô, bạn bè, thân

hữu cùng bà con thân thuộc nội ngoại gần xa.

Đã đến hộ niệm, chia buồn, gửi vòng hoa, liễn, điện hoa, phúng điếu và tiễn đưa linh cữu thân mẫu, bà nội, bà ngoại và cố mẫu chúng tôi là:

Cụ bà LÊ THỊ THÁY
pháp danh Nhuận Thường

Từ trần vào lúc 8 giờ 30 ngày rằm tháng Giêng (24-2-2013), thượng thọ 91 tuổi, đến nơi an nghỉ cuối cùng ở quê nhà.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ suất xin lượng tình tha thứ.

Các con: Nguyễn Bồng, Diệu Ái, Hồng Anh, Thị Hồng, Thị Lan, Bạch Yên

Cháu nội: Nguyễn Khắc Huy, Diệu Trang, Ngọc Tuyền, Thanh Long, Ngọc Tiên.

Cùng dâu, rể, cháu, chất trong gia đình đồng cảm tạ.



Mây
vẫn
bay
và
hương
xuân
vẫn
tỏa

Nước
vẫn
chảy
để
môi
lớn
mầm
cành

Sãn Mây CAFE

Sãn Mây CAFE: 224A-B Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3. ĐT: 08.3932 2266.
Sãn Mây Nhà hàng Chay: 252/43 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10. ĐT: 08.3507 1628



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- Gỗ hóa Ngọc (Fossil Wood)
- Ngọc Bích Phật Ngọc Hòa Bình Thế Giới (Nephrite Jade)
- Chuyên: chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật chế tác chạm khắc từ đá quý - đá bán quý

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

* Showroom 2: 288 A3 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3 (đối diện chùa Vĩnh Nghiêm).
ĐT: 08 62704225

* Showroom 1: Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng số 6
364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình. ĐT: 08 22464269

* VP. COASTAL GROUP: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình,
Tel: 08 22450996-62967372. Hotline: 0909 799806 (Mr. Duy Pham)

Website bán hàng online:

www.daphongthuy.com.vn www.coastalgems.com.vn

(Cắt mẫu quảng cáo này đem đến showroom chúng tôi, quý khách sẽ được tặng thẻ VIP CARD giảm 8% khi mua hàng)

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÁI LONG VINA

- **Chuyên sản xuất và kinh doanh:**
 - Muối thực phẩm - Muối công nghiệp - Muối Iốt
 - Muối (NaCl): Hóa mỹ phẩm - Thủy hải sản Xử lý nước - Thức ăn chăn nuôi - Thuộc da



NHẬN CUNG CẤP CÁC LOẠI MUỐI NHẬP KHẨU

- **Để biết thêm chi tiết xin vui lòng liên hệ:**

Ông Huỳnh Văn Lộc (0903 824 480)

ĐC: 79 Phan Văn Trị, P.14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 08 3516 3286 - Fax: 08 6294 2936

Website: www.muoihailong.com.vn

Email: thailongvina@yahoo.com



DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quả lưu niệm, pháp phục tặng ni cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



KHÓA THIỀN VIPASSANA 10 NGÀY

Do Thiền sư S.N. Goenka và các Thiền sư phụ tá giảng dạy theo truyền thống của ngài Sayagyi U Ba Khin

Tại **TỊNH XÁ NGỌC THÀNH - TP.HỒ CHÍ MINH**

37/12 đường 41, khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

(Được chấp thuận tổ chức theo CV số 133/TGCP-HTQT ngày 27/02/2013 của Ban Tôn giáo Chính phủ)

○ Thời gian: Từ 22/03/2013 đến 02/04/2013

○ Nhận đơn ghi danh từ nay đến khi đủ chỗ.

Nhận đơn ghi danh qua e-mail: dhammavinnu.ghidanh@gmail.com

Nhận đơn trực tiếp hoặc bưu điện: **Tịnh xá Ngọc Thành** (theo địa chỉ đã ghi trên)

Điện thoại liên hệ: 0906 509 483 (Ban ghi danh), 0904 593 477 (Ms Hiền)

Trang web đăng thông báo: <https://sites.google.com/site/vnvipassana/dhammavinnu>

* Để tải đơn ghi danh & đọc các tài liệu quan trọng xin vào trang web:

<https://sites.google.com/site/vnvipassana/ghidanhvn>

Ngoài ra, các khóa thiền Vipassana cũng được tổ chức tại Hà Nội. Xin xem thông báo tại

trang web: <https://sites.google.com/site/vnvipassana/ucenlist>



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NỀN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điếm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 - Email: veg.hoakhai@gmail.com

THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước. Tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2013: **580.000đ** (đã CK 5%)
- 12 tháng đầu năm: **304.000đ**
- 12 tháng cuối năm: **304.000đ**

2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4: 10.000.000đ
- Trang bìa 3: 6.000.000đ
- 1/2 trang bìa 3: 3.000.000đ
- Trang ruột 4 màu: 5.000.000đ
- 1/4 trang ruột 4 màu: 1.000.000đ
- 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo và viết bài, chụp ảnh.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

Vui lòng liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí *VHPG*, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM. Điện thoại (84-8) 3 8484 335 - 0907164066 - 0918032040 - 0913810082.

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Đang phát hành **VĂN HÓA**
P HẬT GI Á O

đóng bộ **Tập 2 năm 2012**, từ số 156 đến số 167
giá: **210.000đ/cuốn**



Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ
2010 (2 tập): 380.000VNĐ
2011 (2 tập): 420.000VNĐ

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 174

Phát hành ngày 1 - 4 - 2013

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tĩnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tĩnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QĐ
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Tứ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914.018.093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

ANH HÙNG

Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu-Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070.834.658 - 070.834.654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG